

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Triết học Mác-Lênin
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Marxist-Leninist philosophy
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học (Chương trình chuẩn)
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011134
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	23.5
- Bài tập, thảo luận:	21.5
- Thực hành:	0
- Tự học:	90
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Khoa Lý luận chính trị
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần mở đầu bằng việc trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của

thời đại đang đặt ra. Học phần giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Học phần Triết học Mác-Lênin xác lập cơ sở lý luận trực tiếp để sinh viên tiếp cận nội dung học phần *Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*;

Sau khi lĩnh hội tri thức Triết học Mác-Lênin, sinh viên tự tin vào năng lực tư duy lý luận của mình để từng bước nhận thức về bản thân, đánh giá các sự vật, sự việc, các vấn đề trong công việc một cách khách quan trong sự vận động, biến đổi, phát triển của chúng.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Trình bày được các tri thức cơ bản của triết học Mác-Lênin về triết học và vai trò của nó trong đời sống xã hội.
CLO2	Trình bày được các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng.
CLO3	Phân tích được các kiến thức cốt lõi về chủ nghĩa duy vật lịch sử.
CLO4	Chứng minh được vai trò của triết học Mác-Lênin trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam.
Về kỹ năng	
CLO5	Thông qua hoạt động học tập, hỗ trợ rèn luyện kỹ năng lắng nghe, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề.
Về mức tự chủ và trách nhiệm	

CLO6	Có trách nhiệm trong thực hiện các nội quy, quy định của tổ chức (lớp, nhóm).
CLO7	Đưa ra được những nhận xét đánh giá khách quan, khoa học khi đề cập về các vấn đề liên quan đến đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương và chính sách của Nhà nước.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* - CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* - CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* - CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* - Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1	I									
CLO 2	I									
CLO 3	I									
CLO 4	I									
CLO 5					R					
CLO 6					R					
CLO 7									I	
Tổng hợp học phần	I				R				I	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* - Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* - Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn

mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

- *M (Mastery)* - Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* - Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1	CHƯƠNG 1 KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC VÀ TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN I. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC 1. Khái lược về triết học a) Nguồn gốc của triết học b) Khái niệm triết học c) Đối tượng của triết học trong lịch sử	2.5	2.5			10	Sử dụng phương pháp tổng hợp: Diễn giải, phát vấn, làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình.	Đọc Chương 1. Chuẩn bị câu hỏi: 1. Hãy nêu và phân tích vấn đề cơ bản của triết học. 2. Cơ sở để phân chia các trường thành duy vật và duy tâm là gì? 3. Vì sao triết học được coi là hạt nhân lý luận của thế giới quan? 4. Việc theo thuyết khả tri hay bất khả tri sẽ ảnh hưởng như thế nào đến quá trình nhận thức thế giới của bản thân?

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	d) Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan 2. Vấn đề cơ bản của triết học a) Nội dung vấn đề cơ bản của triết học b) Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm c) Thuyết có thể biết (Thuyết khả tri) và thuyết không thể biết (bất khả tri) 3. Biện chứng và siêu hình a) Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử b) Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử							
Tuần 2	II. TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN VÀ	2.5	2.5			10	Diễn giải, phát	(Như tuần 1)

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI 1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin a) Những điều kiện lịch sử của sự ra đời của triết học Mác-Lênin b) Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác-Lênin c) Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiện d) Giai đoạn Lênin trong sự phát triển triết học Mác-Lênin						vấn, làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình.	

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	2. Đối tượng và chức năng của Triết học Mác-Lênin a) Khái niệm triết học Mác-Lênin b) Đối tượng của triết học Mác-Lênin c) Chức năng của triết học Mác-Lênin 3. Vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay a) Triết học Mác-Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và trong thực tiễn b) Triết học Mác-Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và							

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ c) Triết học Mác-Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam							
	Chương 2 I. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC 1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất a) Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác							Đọc chương 2. Chuẩn bị câu hỏi: 1. Vì sao có thể nói quan điểm về vật chất của triết học Mác-Lênin khác về chất so với

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	về phạm trù vật chất b) Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm siêu hình về vật chất c) Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất d) Các hình thức tồn tại của vật chất đ) Tính thống nhất vật chất của thế giới 2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức a) Nguồn gốc của ý thức b) Bản chất của ý thức							các quan điểm duy vật trước đó?

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	c) Kết cấu của ý thức							
Tuần 3	Chương 2 (tt) 3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức a) Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình b) Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT 1. Hai loại hình phép biện chứng và phép biện chứng duy vật a) Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan	3	2			10	Diễn giải, phát vấn, làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình.	Đọc chương 2. Chuẩn bị câu hỏi: 2. Định nghĩa của Lênin về vật chất có vai trò như thế nào trong việc góp phần thúc đẩy khoa học phát triển? 3. Phân tích phương thức và hình thức tồn tại của vật chất; tính thống nhất vật chất của thế giới 4. Nguyên tắc Tính thống nhất vật chất của thế giới có vai trò như thế nào trong

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	b) Khái niệm phép biện chứng duy vật 2. Nội dung của phép biện chứng duy vật a) Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật							quá trình nhận thức thế giới của bản thân? 5. Phân tích nguồn gốc bản chất và kết cấu của ý thức. 6. Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Nêu ý nghĩa phương pháp luận
Tuần 4	Chương 2 (tt) b) Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật	2.5	2.5			10	Diễn giải, phát vấn, làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình.	(Như tuần 3)
Tuần 5	Chương 2 (tt)	2.5	2.5			10	Diễn giải, phát vấn, làm	(Như tuần 3)

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	c) Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật						việc nhóm, thảo luận, thuyết trình.	
Tuần 6	Chương 2 (tt) III. LÝ LUẬN NHẬN THỨC CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG 1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học 2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng a) Nguồn gốc, bản chất của nhận thức b) Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức c) Các giai đoạn của quá trình nhận thức	2.5	2.5			10	Diễn giải, phát vấn, làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình..	(Như tuần 3)

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	d) Quan điểm của CNDV biện chứng về chân lý							
Tuần 7	Chương 3 CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ I. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI 1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất a) Phương thức sản xuất b) Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng	2.5	2.5			10	Diễn giải, phát vấn, làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình.	Đọc chương 3. Chuẩn bị câu hỏi: 1. Phân tích vai trò của nền sản xuất vật chất đối với sự vận động và phát triển của xã hội? 2. Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất?

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	và kiến trúc thượng tầng của xã hội a) Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội							
Tuần 8	Chương 3 (tt) b) Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 4. Sự phát triển các hình thái kinh tế-xã hội là một quá trình lịch sử-tự nhiên a) Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội b) Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người	2	3			10	Diễn giải, phát vấn, làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình.	(Như tuần 7)

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	c) Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC 1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp a) Giai cấp b) Đấu tranh giai cấp c) Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản 2. Dân tộc a) Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc b) Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay 3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại							

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	a) Quan hệ giai cấp - dân tộc b) Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại III. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI 1. Nhà nước a) Nguồn gốc của nhà nước b) Bản chất của nhà nước c) Đặc trưng cơ bản của nhà nước d) Chức năng cơ bản của nhà nước đ) Các kiểu và hình thức nhà nước 2. Cách mạng xã hội a) Nguồn gốc của cách mạng xã hội							

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	b) Bản chất của cách mạng xã hội c) Phương pháp cách mạng d) Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay							
Tuần 9	Chương 3 (tt) IV. Ý THỨC XÃ HỘI 1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội a) Khái niệm tồn tại xã hội b) Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 2. Ý thức xã hội a) Khái niệm ý thức xã hội b) Kết cấu của ý thức xã hội	3.5	1.5			10	Diễn giải, phát vấn, làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình.	Như tuần 8

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	c) Tính giai cấp của ý thức xã hội d) Các kiểu hình thái ý thức xã hội 3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội a) Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội b) Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội V. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI 1. Khái niệm con người và bản chất con người a) Con người là thực thể sinh học - xã hội b) Con người khác biệt với con vật ngay từ khi con							

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình c) Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người d) Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử đ) Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội 2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người a) Thực chất của tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa							

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	b) “Vĩnh viễn giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột” c) “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” 3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử a) Quan hệ giữa cá nhân và xã hội b) Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử							

Thời gian (5 tiết/ tuần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy - học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam							
TỔNG CỘNG		23.5	21.5			90		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ không chuyên lý luận chính trị), Hà Nội, 2022
2. Trường Đại học tài chính-Marketing, *Tài liệu học tập Triết học Mác-Lênin* - 2020

6.2 Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ chuyên lý luận chính trị), Hà Nội, 2022

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CỜ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM
----	----------------------	-------	----------------------	---------------

				THÀNH PHẦN
1	Hoạt động nhóm	Đánh giá việc tiếp thu, vận dụng kiến thức, hỗ trợ rèn luyện một số kỹ năng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	40%
2	Kiểm tra giữa kỳ	Đánh giá năng lực nhận thức và vận dụng kiến thức	CLO1, CLO2,	40%
3	Chuyên cần	Đánh giá ý thức chăm chỉ, trong học tập	CLO4	10%
4	Tích cực	Đánh giá việc thực hiện tất cả các nhiệm vụ trong học tập	CLO5	10%
TỔNG				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN Bài thi trắc nghiệm tập trung đánh giá dựa trên 3 cấp độ sau:	Cấp độ 1: Đánh giá năng lực người học về khả năng ghi nhớ, lặp lại những kiến thức có sẵn trong giáo trình để lựa chọn được đáp án đúng với yêu cầu của câu hỏi trắc nghiệm đặt ra.	CLO1, CLO2	25%
	Cấp độ 2: Đánh giá năng lực người học về khả năng diễn giải, giải thích, mô tả, nhận biết, phân biệt... để lựa chọn được đáp án đúng với yêu cầu của câu hỏi trắc nghiệm đặt ra.	CLO1, CLO2	35%
	Cấp độ 3: Đánh giá năng lực người học về khả năng vận dụng thông tin, kiến thức đã học phù hợp với tình huống, điều kiện, hoàn cảnh... mà câu hỏi trắc nghiệm đặt ra.	CLO1, CLO2	40%

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
2. BÀI THI/TIỂU LUẬN/BÀI THU HOẠCH Bộ môn chọn một trong 2 phương pháp đánh giá sau: - Bài thi trực tiếp tại phòng thi có thời gian làm bài tối đa là 90 phút. Đề thi gồm 2 câu hỏi, là đề mở theo hướng yêu cầu vận dụng. - Hoặc bài tiểu luận/thu hoạch có thời gian làm bài tại nhà tối thiểu 24 giờ, tối đa 48 giờ. Đề bài bao gồm 2 câu hỏi. Mỗi câu gồm có phần lý thuyết và phần vận dụng lý thuyết để giải quyết những vấn đề cụ thể gắn với thực tế trong xã hội mà câu hỏi yêu cầu.	Đánh giá về kiến thức Bài thi/Bài tiểu luận/thu hoạch phải thể hiện đầy đủ quan điểm chính, đảm bảo phân lý luận cơ bản. Đánh giá về kỹ năng Bài thi/Bài tiểu luận/thu hoạch thể hiện được tư duy phân tích, phản biện, quan điểm cá nhân thông qua việc vận dụng kiến thức của học phần bằng các nhận định, đánh giá, so sánh, liên hệ thực tế. Nội dung bài được trình bày đúng chính tả, sử dụng dấu câu và văn phạm đúng, văn phong mạch lạc với vốn từ vựng phù hợp với từ vựng của học phần; có sự sắp xếp, dẫn dắt và chuyển ý phù hợp, bảo đảm tính hệ thống. Đánh giá về năng lực tự chủ và trách nhiệm Bài thi/Bài tiểu luận/thu hoạch yêu cầu các quan điểm, nhận định, đánh giá, so sánh, liên hệ thực tế phải chính xác, thuyết phục, phải lấy kiến thức học phần làm cơ sở, căn cứ cho sự phân tích, đánh giá, nhận định.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO7	Phân lý luận cơ bản: 30% Phản phát triển ý: 50% Phân văn phạm, văn phong, cấu trúc, định dạng: 20%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Trong suốt quá trình học tập (trực tiếp hoặc trực tuyến), sinh viên không làm việc riêng, không nói chuyện riêng, không ngủ; không vào lớp trễ quá 15 phút khi buổi học bắt đầu.

- Sôi nổi, tích cực phát biểu trong giờ học;

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Tuân thủ nội quy nhà trường và nội quy lớp học.

8.3 Quy định về học vụ

Hoạt động học tập và giảng dạy tuân thủ quy chế học vụ của Nhà trường.

9. HOLISTIC RUBRIC

9.1. Rubric đánh giá quá trình

Bảng 1: Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Đạt				Không đạt
Mức độ tham gia theo thời khóa biểu	A (8,5 – 10 điểm)	B (7 - 8,4 điểm)	C (5,5 – 6,9 điểm)	D (4 – 5,4 điểm)	F (dưới 4 điểm)
	Tham dự từ 85% - 100% tổng số tiết của môn học	Tham dự từ 70% - 84% tổng số tiết của môn học	Tham dự từ 55% - 84% tổng số tiết của môn học	Tham dự từ 40% - 54% tổng số tiết của môn học	Tham dự dưới 40% tổng số tiết của môn học

Bảng 2: Rubric đánh giá tích cực

Tiêu chí	Đạt				Không đạt
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	A (8,5 – 10 điểm)	B (7 - 8,4 điểm)	C (5,5 – 6,9 điểm)	D (4 – 5,4 điểm)	F (dưới 4 điểm)
	Tham gia đầy đủ, tích cực, nhiệt tình trao đổi phát biểu, hiệu quả cao trong hoạt động nhóm và tương tác cá nhân	Đạt từ 70% đến 84% của A	Đạt từ 55% đến 69% của A	Đạt từ 40% đến 54% của A	Đạt dưới 40% của A

Bảng 3: Rubric đánh giá hoạt động nhóm

Tiêu chí	Đạt				Không đạt
Tham gia các	A (8,5 – 10 điểm)	B (7 - 8,4 điểm)	C (5,5 – 6,9 điểm)	D (4 – 5,4 điểm)	F (dưới 4 điểm)

<i>hoạt động nhóm</i>	- Nội dung báo cáo/chất lượng sản phẩm đáp ứng 80%-100% yêu cầu (40%). - Trả lời đúng tất cả các câu hỏi (20%). - Có 100% thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ (20%). - Hình thức đẹp, không lỗi chính tả (10%). - Trình bày rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe (10%).	Đạt từ 70% đến 84% của A	Đạt từ 55% đến 69% của A	Đạt từ 40% đến 54% của A	Đạt dưới 40% của A
-----------------------	--	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------

Bảng 4: Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 – 10 điểm	7.0 - 8.4 điểm	5.5 - 6.9 điểm	4.0 - 5.4 điểm	0.0 - 3.9 điểm
Sử dụng một trong hai hình thức kiểm tra: trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận						
+ Hình thức: Trắc nghiệm khách quan + Số lượng câu hỏi: 20 câu dạng 4 đáp án, không sử sụng tài liệu. + Thời gian làm bài: 30 phút	100	Làm đúng từ 17 → 20 câu	Làm đúng từ 14 → 16 câu	Làm đúng từ 11 → 13 câu	Làm đúng từ 8 → 10 câu	Làm đúng dưới 8 câu

+ Hình thức: tự luận + Số lượng câu hỏi: 2 câu + Thời gian làm bài: 60 phút	100	Trả lời đầy đủ, rõ ràng chính xác, thuyết phục tất cả yêu cầu câu hỏi.	Đạt được 70% đến 84% của A	Đạt được 55% đến 69% của A	Đạt được 40% đến 54% của A	Đạt dưới 40% của A
--	-----	--	----------------------------	----------------------------	----------------------------	--------------------

9.2. Rubric đánh giá cuối kỳ

Bảng 1: Rubric đánh giá bài thi trắc nghiệm khách quan kết thúc học phần

Tiêu chí	Đạt				Không đạt
	A (8,5 – 10 điểm)	B (7 - 8,4 điểm)	C (5,5 – 6,9 điểm)	D (4 – 5,4 điểm)	F (dưới 4 điểm)
<i>Số lượng câu hỏi trong đề thi và thời gian làm bài thi: theo cấu trúc ngân hàng đề thi được phê duyệt</i>	Làm đúng từ 85% → 100% câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 70% → 84 câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 55% → 69% câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 40% → 54% câu trắc nghiệm	Làm đúng dưới 40% câu trắc nghiệm

Bảng 2: Rubric đánh giá bài thi/bài tiểu luận/bài thu hoạch kết thúc học phần

Tiêu chí/ trọng số	Đạt				Không đạt
	A (8,5 – 10 điểm)	B (7 - 8,4 điểm)	C (5,5 – 6,9 điểm)	D (4 – 5,4 điểm)	F (dưới 4 điểm)
<i>1. Lý luận cơ bản (3 điểm)</i>	Nội dung bài viết thể hiện những ý tưởng sáng tạo; được phân tích một cách kỹ càng với các lập luận xác đáng, có minh chứng.	Đạt từ 70% đến 84% của A	Đạt từ 55% đến 69% của A	Đạt từ 40% đến 54% của A	Đạt dưới 40% của A
<i>2. Phát triển ý (5 điểm)</i>	Quan điểm chủ đạo của bài được phát triển tốt, phân tích các nội dung chi tiết nhiều và có chất lượng. Thể hiện tư duy phân biện tốt qua các nhận định, đánh giá; bài viết thể hiện được quan điểm cá nhân thông qua các nhận định, đánh giá phù hợp.	Đạt từ 70% đến 84% của A	Đạt từ 55% đến 69% của A	Đạt từ 40% đến 54% của A	Đạt dưới 40% của A
<i>Văn phạm, trình bày (0,5 điểm)</i>	Không có lỗi chính tả nào gây xao lãng, không có lỗi dấu câu hay lỗi	Đạt từ 70% đến	Đạt từ 55% đến	Đạt từ 40% đến	Đạt dưới 40% của A

	văn phạm; không có lỗi trình bày, đánh máy.	84% của A	69% của A	54% của A	
<i>Văn phong</i> (0,5 điểm)	Thể hiện văn phong xuất sắc vượt khỏi bậc Đại học; thuật hùng biện và giọng văn trong bài ấn tượng; sử dụng và phối hợp các cấu trúc câu sáng tạo.	Đạt từ 70% đến 84% của A	Đạt từ 55% đến 69% của A	Đạt từ 40% đến 54% của A	Đạt dưới 40% của A
<i>Cấu trúc</i> (0,5 điểm)	Bài viết thể hiện sự tập trung cao vào tính logic và hợp lý của các quan điểm. Tính thống nhất của bài rõ ràng đưa người đọc đi đến kết luận và quan điểm trong bài.	Đạt từ 70% đến 84% của A	Đạt từ 55% đến 69% của A	Đạt từ 40% đến 54% của A	Đạt dưới 40% của A
<i>Định dạng</i> (0,5 điểm)	Đạt tất cả các yêu cầu về định dạng và bố cục của bài viết; căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu; bài viết trình bày rõ ràng, các phân đoạn kết nối đúng, hình thức trình bày chuyên nghiệp.	Đạt từ 70% đến 84% của A	Đạt từ 55% đến 69% của A	Đạt từ 40% đến 54% của A	Đạt dưới 40% của A

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. Hiệu trưởng
Phó Trưởng phòng
Phụ trách Phòng QLKH

PGS.TS Phan Thị Hằng Nga

Trưởng khoa

Nguyễn Minh Hiền

Trưởng bộ môn

Lại Văn Nam

The Lion-Heart

Stephen - John - John

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Marxist - Leninist political economy
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học chương trình chuẩn
1.4 Định hướng đào tạo:	ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011135
1.6 Số tín chỉ:	2
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	0
- Thực hành tích hợp:	15
- Tự học:	70
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Mác - Lênin
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Triết học Mác-Lênin
- Học phần song hành:	Không có

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường. Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước. Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Có kiến thức lý luận căn bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó tiếp cận các môn khoa học kinh tế ngành và các môn khoa học khác. Có khả năng phân tích, giải thích, so sánh được và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Từ đó xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Trình bày được những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin và đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

Phân tích, giải thích, so sánh được những nội dung cơ bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin và đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của bản thân, đất nước và thời đại.

Chịu trách nhiệm về các hành vi kinh tế của bản thân và biết đấu tranh, bảo vệ lợi ích kinh tế hợp pháp trong công việc sau này.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Hiểu biết các khái niệm, nội dung cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin.
CLO2	Kỹ năng vận dụng, phân tích, đánh giá trong thực tiễn nghề nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước.
CLO3	Có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, giải quyết vấn đề.
CLO4	Tuân thủ quy định của tổ chức.

4.2. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1	I									
CLO 2	I									
CLO 3					R				R	
CLO 4					R				R	

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Tổng hợp học phần	I				R				R	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: ... Đến...	Chương 1 Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin I. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác-Lênin II. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 2. Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 3. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin III. Chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin 1. Chức năng nhận thức 2. Chức năng thực tiễn 3. Chức năng tư tưởng	1				2	Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu.	▪ Đọc trang 11 – 33, ▪ Chuẩn bị các câu hỏi: 1. Quá trình hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác-Lênin? 2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác-Lênin là gì? 3. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác-Lênin? 4. Chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin?

	4. Chức năng phương pháp luận	2	2			6	Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu.	▪ Đọc giáo trình từ trang 34 – 46. ▪ Chuẩn bị câu hỏi: 1. Hàng hoá là gì? 2. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá? 3. Cách xác định lượng giá trị hàng hoá. 4. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá.
Tuần 2: Từ: Đến...	Chương 2 Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường I. Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hoá và hàng hoá 1. Sản xuất hàng hoá - a/ Khái niệm sản xuất hàng hoá - b/ Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá 2. Hàng hoá - a/ Khái niệm và thuộc tính của hàng hoá - b/ Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá - c/ Lượng giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá	2				10	Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu.	▪ Đọc giáo trình từ trang 46 – 83. ▪ Chuẩn bị câu hỏi: 1. Thị trường là gì? 2. Trình bày vai trò của thị trường? Ưu thế và khuyết tật của nền kinh tế thị trường là gì? 3. Trình bày các quy luật cơ bản của kinh tế thị trường. 4. Vai trò của các chủ thể chính tham gia thị trường?

	1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường a/ Khái niệm và phân loại thị trường b/ Vai trò của thị trường 2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường a/ Nền kinh tế thị trường b/ Một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường III. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường 1. Người sản xuất 2. Người tiêu dùng 3. Các chủ thể trung gian trong thị trường 4. Nhà nước	1	2				10	▪ Đọc giáo trình trang 84 - 95 ▪ Chuẩn bị câu hỏi: 1. Trình bày công thức chung của tư bản. 2. Hàng hóa sức lao động là gì? Cách xác định lượng giá trị hàng hóa sức lao động.	
Tuần 3 Từ... Đến...	Chương 3 Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường I. Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư 1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư a/ Công thức chung của tư bản b/ Hàng hóa sức lao động	3	2				10	Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu.	▪ Đọc quyển 1, trang 95 - 123. ▪ Chuẩn bị câu hỏi: 1. Cơ sở, mục đích phân chia thành tư bản bất biến và khả biến? 2. Giá trị thặng dư là gì? Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư

	e/ Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản 2. Bản chất của giá trị thặng dư 3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư II. Tích lũy tư bản 1. Bản chất của tích lũy tư bản 2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy 3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản III. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 1. Lợi nhuận a/ Chi phí sản xuất b/ Bản chất lợi nhuận c/ Tỷ suất lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng tỷ suất lợi nhuận d/ Lợi nhuận bình quân đ/ Lợi nhuận thương nghiệp 2. Lợi tức 3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa								
	KIỂM TRA GIỮA KỲ	0	1			0			<i>Ôn tập các nội dung đã học</i> ▪ <i>Độc quyền 1, trang 124 - 186</i> ▪ <i>Chuẩn bị câu hỏi:</i> 1. Phân tích mối quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường? 2. Phân tích lý luận của V.I.Lênin về độc quyền và độc quyền nhà nước.
Tuần 4 Từ... Đến...	Chương 4 Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường I. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường 1/ Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền a/ Nguyên nhân hình thành độc quyền và độc quyền nhà nước b/ Tác động của độc quyền trong nền kinh	1	1			10		Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu.	

[illegible]

	nay, vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản 1. Biểu hiện mới của độc quyền a/ Biểu hiện mới của tích tụ và tập trung tư bản b/ Biểu hiện vai trò của tư bản tài chính trong các tập đoàn độc quyền c/ Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản d/ Biểu hiện mới của sự phân chia thị trường thế giới giữa các liên minh độc quyền d/ Biểu hiện mới về sự phân chia lãnh thổ ảnh hưởng dưới sự chi phối của các tập đoàn độc quyền 2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước dưới chủ nghĩa tư bản a/ Những biểu hiện mới về cơ chế quan hệ nhân sự b/ Những biểu hiện mới về sở hữu nhà nước c/ Biểu hiện mới trong vai trò công cụ điều tiết kinh tế của độc quyền nhà nước 3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản a/ Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản b/ Những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản	1	1						
Chương 5 Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam I. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam		1	1			2	Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn	▪ Đọc giáo trình trang 169 – 177. ▪ Chuẩn bị các câu hỏi: 1. Kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là gì?	

	1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam								đề, trình chiếu.	2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?
	Chương 5 Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam (tt) I. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (tt) 3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam a/ Về mục tiêu b/ Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế c/ Về quan hệ quản lý nền kinh tế d/ Về quan hệ phân phối đ/ Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam a/ Thể chế và thể chế kinh tế b/ Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam a/ Hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển	2	3	10	Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu.	▪ <i>Đọc quyển 1, trang 187 - 223</i> ▪ <i>Chuẩn bị câu hỏi:</i> 1. Sự cần thiết và nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam? 2. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế là gì? 3. Phân tích vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hoà các quan hệ lợi ích?				
Tuần 5 Từ... Đến...										

Từ... Đến...	nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam I. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam 1. Khái quát về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hoá a/ Khái quát về cách mạng công nghiệp b/ Công nghiệp hoá và các mô hình công nghiệp hoá trên thế giới 2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam a/ Tính tất yếu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam b/ Nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế a/ Khái niệm và sự cần thiết khách quan hội nhập kinh tế quốc tế b/ Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến sự phát triển của Việt Nam a/ Tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế b/ Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế 3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam a/ Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách						diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu.	▪ Chuẩn bị trả lời các câu hỏi: 1. Phân tích tính tất yếu khách quan của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam? 2. Phân tích nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam? 3. Phân tích tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến sự phát triển của Việt Nam? 4. Phân tích phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam?
-----------------	--	--	--	--	--	--	--	--

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính:

Bộ Giáo dục & Đào tạo, Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin, NXB. Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.

6.2 Tài liệu tham khảo:

1. C.Mác và Ph.Ăngghen : *Toàn tập*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Klaus Schwab (2015), Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, (Bộ ngoại giao dịch và hiệu đính), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, 2018, Hà Nội.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1. Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN	TỶ LỆ TRONG HỌC PHẦN
1	Điểm tích cực Sinh viên được điểm danh bất kỳ khi Giảng viên đưa ra câu hỏi hoặc làm các bài kiểm tra nhỏ điểm danh.	Đánh giá mức độ sinh viên tham gia các buổi học và mức độ tập trung, tương tác của sinh viên.	CLO 3	10%	5%
			CLO4	10%	5%
2	Hoạt động nhóm Các nhóm được thành lập theo chỉ định của giảng viên hoặc sinh viên tự chọn. Tham gia thảo luận và làm bài tập nhóm liên quan đến nội dung bài học.	Đánh giá được tri thức của sinh viên từ quá trình học tập	CLO 3	20%	10%
			CLO 3	10%	5%
			CLO 4	10%	5%

3	Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra giữa kỳ 45 phút, được sử dụng tài liệu sẽ kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm, hoặc tự luận hoặc kết hợp gồm trắc nghiệm và tự luận tổng thang điểm là 10, kiến thức từ chương 1 đến chương 3. Giảng viên sẽ thống nhất với sinh viên hình thức cụ thể trước buổi kiểm tra.	Đánh giá mức độ hiểu biết, khả năng tư duy, lập trường quan điểm của sinh viên Đánh giá mức độ tự chịu trách nhiệm của sinh viên, khả năng hoàn thành bài kiểm tra theo yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	40%	20%
	TỔNG			100%	50%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CỜ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN Bài thi trắc nghiệm tập trung đánh giá dựa trên 3 cấp độ sau:	- Cấp độ 1: Đánh giá năng lực người học về khả năng ghi nhớ, lặp lại những khái niệm, phạm trù, nội dung cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin.	CLO1, CLO2	25%
	- Cấp độ 2: Đánh giá năng lực người học về khả năng diễn giải, giải thích, mô tả, nhận biết, phân biệt... để lựa chọn được đáp án đúng với yêu cầu của câu hỏi trắc nghiệm đặt ra.	CLO1, CLO2	35%
	- Cấp độ 3: Đánh giá năng lực người học về khả năng vận dụng thông tin, kiến thức đã học phù hợp với tình huống, điều kiện, hoàn cảnh... mà câu hỏi trắc nghiệm đặt ra.	CLO1, CLO2	40%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi học.

Bài tập: phải hoàn thành 100% bài tập thực hành và bài tập về nhà do giảng viên giao.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

Tuân thủ nội quy nhà trường và nội quy lớp học.

8.3 Quy định về học vụ

Hoạt động học tập và giảng dạy tuân thủ quy chế học vụ của Nhà trường.

9. RUBRIC

9.1. Rubric đánh giá quá trình

9.1.1. Rubric đánh giá tích cực

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Dự trên lớp và Đóng góp tại lớp	100	Dự trên lớp rất đầy đủ, tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, có các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả. (> 90%)	Dự trên lớp đầy đủ, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, có các đóng góp liên quan đến bài học hiệu quả. (75 - 90%)	Dự trên lớp khá đầy đủ, tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, có một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả. (55- 75%)	Dự trên lớp chưa đầy đủ, tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, có một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả. (40 - 55%)	Dự trên lớp quá ít, không tham gia các hoạt động trên lớp, có không đóng góp tại lớp. (< 40%)

9.1.2. Rubric đánh giá hoạt động nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Nội dung thuyết trình	40	Nội dung phong phú hơn yêu cầu, sử	Nội dung hoàn toàn phù hợp với yêu	Nội dung phù hợp với yêu cầu, sử	Nội dung khá phù hợp với yêu cầu, sử	Nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, sử

		dụng thuật ngữ rất chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những minh chứng rất rõ ràng, phù hợp.	câu, sử dụng thuật ngữ chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những minh chứng rõ ràng, phù hợp.	dụng thuật ngữ tương đối chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những minh chứng phù hợp.	dụng thuật ngữ chưa chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những minh chứng tương đối phù hợp.	dụng thuật ngữ chưa chính xác, khoa học; chưa liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước.
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slide rất hợp lý, rất trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide hợp lý, trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide tương đối hợp lý, rõ ràng.	Cấu trúc bài và slide chưa hợp lý, ít trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide quá sơ sài, không đúng quy định.
Thuyết trình	30	Trình bày rất súc tích, có bố cục rất logic, âm giọng rất rõ ràng, lưu loát, cuốn hút, ngôn ngữ cơ thể sinh động, phong thái rất tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	Trình bày súc tích, có bố cục logic, âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút, ngôn ngữ cơ thể sinh động, phong thái tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	Trình bày khá súc tích, có bố cục khá logic, âm giọng khá rõ ràng, lưu loát, cuốn hút, phong thái khá tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	Trình bày chưa súc tích, có bố cục chưa logic, âm giọng chưa rõ ràng, lưu loát, phong thái thiếu tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	Trình bày chưa súc tích, có bố cục chưa logic, âm giọng chưa rõ ràng, lưu loát, phong thái thiếu tự tin, thời gian trình bày không đúng quy định.
Trả lời câu hỏi	20	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu câu hỏi.	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng không nêu được định	Không trả lời được đa số câu hỏi, nhưng nêu được định hướng phù	Không trả lời được câu hỏi và không nêu được định hướng phù

			với những câu hỏi chưa trả lời được.	hướng phù hợp với những câu hỏi chưa được trả lời.	hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	hợp.
--	--	--	--------------------------------------	--	--	------

9.1.3. Rubric đánh giá giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Chọn một trong hai hình thức: trắc nghiệm hoặc tự luận						
Hình thức: Trắc nghiệm khách quan + Số lượng câu hỏi: 20 câu dạng 4 đáp án, không sử dụng tài liệu. + Thời gian làm bài: 30 phút	100	Làm đúng từ 17 - 20 câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 14 - 16 câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 11 - 13 câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 8 - 10 câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 0 - 7 câu
+ Hình thức: tự luận + Số lượng câu hỏi: 2 câu – 3 câu + Thời gian thi: 60 phút	100	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu câu hỏi.	Trả lời cơ bản đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng không nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời.	Không trả lời được đa số câu hỏi, nhưng nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được câu hỏi và không nêu được định hướng phù hợp.

9.2. Rubric đánh giá cuối kỳ

Tiêu chí	Trọng	Mức độ đạt chuẩn quy định
----------	-------	---------------------------

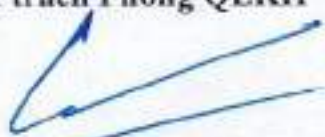
đánh giá	số (%)	A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
+ Hình thức thi: trắc nghiệm khách quan, số lượng câu hỏi, thời gian thi theo cấu trúc ngân hàng đề thi được phê duyệt	100	Làm đúng từ 85 % → 100 % câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 70% → 84% câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 55% → 69% câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 40% → 54% câu trắc nghiệm	Làm đúng dưới % câu trắc nghiệm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
+ Hình thức: Bài thi/ Bài thu hoạch/Tiểu luận	100	Thể hiện những ý tưởng rất sáng tạo với những lập luận rất xác đáng, có những minh chứng rất thuyết phục và thể hiện quan điểm cá nhân rất rõ ràng. Trả lời rất đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi/ vấn đề đặt ra.	Thể hiện những ý tưởng sáng tạo với những lập luận xác đáng, có những minh chứng thuyết phục và thể hiện quan điểm cá nhân rõ ràng. Giải quyết đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi/ vấn đề đặt ra.	Thể hiện những ý tưởng sáng tạo với ít những lập luận xác đáng, có ít minh chứng thuyết phục và ít thể hiện quan điểm cá nhân. Trả lời khá đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi/vấn đề đặt ra.	Ít thể hiện những ý tưởng sáng tạo với ít những lập luận xác đáng, không có những minh chứng thuyết phục và không thể hiện quan điểm cá nhân. Trả lời chưa đầy đủ những yêu cầu của đề thi/yêu cầu đặt ra nhưng nêu được	Bài viết không thể hiện những ý tưởng sáng tạo, không có những lập luận xác đáng, không có minh chứng thuyết phục và không thể hiện quan điểm cá nhân. Thể hiện chưa đầy đủ những yêu cầu của đề thi/yêu cầu đặt ra và không nêu được định

					định hướng phù hợp với những yêu cầu chưa trả lời được.	hướng phù hợp với những yêu cầu chưa trả lời được.
--	--	--	--	--	--	---

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. Hiệu trưởng
Phó Trưởng phòng
Phụ trách Phòng QLKH



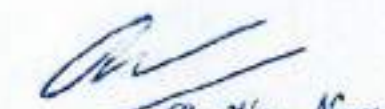
PGS.TS Phan Thị Hằng Nga

Trưởng khoa



Nguyễn Minh Hiền

Trưởng bộ môn



Lê Văn Nam

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Science Socialism
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học (chương trình chuẩn)
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011136
1.6 Số tín chỉ:	02
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	0
- Thực hành tích hợp:	15
- Tự học:	70
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Khoa Lý luận Chính trị
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Triết học Mác - Lênin và Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Học phần song hành:	Không có

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Sinh viên được trang bị những nội dung cơ bản của học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học; cùng với các môn lý luận chính trị khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xây

động thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên xác định được những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; xác lập căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của các thế lực phản động đối với Đảng, Nhà nước, chủ nghĩa xã hội; hình thành thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, từ đó, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Xác định được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
CLO2	Chứng minh được tính khách quan, khoa học của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
Về kỹ năng	
CLO3	Phân tích được những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Về mức tự chủ và trách nhiệm	
CLO4	Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng, củng cố niềm tin và kiên định mục tiêu con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
CLO5	Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị; khơi dậy và phát huy khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1	I									
CLO 2					R					
CLO 3									R	
CLO 4									R	
CLO 5									R	
Tổng hợp học phần	I				R				R	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	Chương 1 NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen 2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học 2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXHKKH 2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXHKKH trong điều kiện mới 2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của CNXHKKH từ sau khi	2				6	Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu	<i>Đọc quyển 1, trang 11 - 65</i> <i>Chuẩn bị câu hỏi:</i> 1. Những điều kiện tiền đề ra đời CNXHKKH là gì? 2. Anh/ Chị hãy phân tích vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen trong phát triển CNXHKKH 3. Anh/ Chị

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	V.I.Lênin qua đời đến nay 3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.1. Đối tượng nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.2. Phương pháp nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học Chương 2 SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN 1. Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân <i>1.1. Quan niệm và đặc điểm của GCCN</i> <i>1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN</i> <i>1.3. Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i>	1	1			4	hãy phân tích vai trò của Lênin trong phát triển CNXHKKH 4. Anh/ Chị hãy nêu ý nghĩa của việc học học phần CNHXXKH 5. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì? Vì sao giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử ấy?	
Tuần 2:	Chương 2 SỨ MỆNH LỊCH SỬ	1	1			6	Thuyết trình,	Đọc quyển 1, trang 65

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Từ: Đến...	CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN (tt) 2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 2.2. Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 2.3. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 3.2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng 3.3. Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	1				2	diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu	- 89 Chuẩn bị Chuẩn bị câu hỏi: 1. Phân tích nội hàm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay 2. Vai trò của Đảng Cộng sản trong việc thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
Tuần 3: Từ: Đến...	Chương 3 CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Chủ nghĩa xã hội 1.1. Chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa Chương 3 CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ	1	2			6	Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu	Anh/Chị hãy phân tích định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay Độc quyển 1, trang 90 - 132

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 4: Từ: Đến...	LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (tt) 1. Chủ nghĩa xã hội <i>1.2. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội</i> <i>1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội</i> 2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>2.2. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>2.3. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> 3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>3.2. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa</i> <i>3.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay</i> Chương 4 DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa <i>1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ</i> <i>1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa</i>	1	1			4	<i>Chuẩn bị câu hỏi:</i> 1. Anh/Chị hãy phân tích tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam 2. Anh/Chị hãy phân tích những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội 3. Anh/Chị hãy phân tích những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay 4. Dân chủ là gì? Vì sao nói dân	
		2				8		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 5: Từ: Đến...	Chương 4 DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (tt) 2. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 2.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 2.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa 3. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 3.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 3.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 4. Xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 4.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam 4.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	3	1			8	Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu chủ phản ánh khát vọng của nhân dân lao động và các lực lượng tiên bộ trên thế giới? 5. Quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin về dân chủ? <i>Đọc quyển 1, trang 132 - 163</i> <i>Chuẩn bị câu hỏi:</i> 1. Anh/ Chị hãy phân tích tính tất yếu của sự ra đời và phát triển của nền dân chủ XHCN 2. Anh/ Chị hãy phân tích tính tất yếu của sự ra đời và phát triển của nền dân chủ XHCN	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 6: Từ: Đến...	Chương 5 CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1.1. <i>Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội</i> 1.2. <i>Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> 1.3. <i>Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> 2. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2.1. <i>Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> 2.2. <i>Liên minh giai cấp,</i>	1	3			8	Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu	ở Việt Nam 3. Vì sao trong quá trình thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội, Việt Nam cần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. <i>Đọc quyển 1, trang 165 - 194</i> <i>Chuẩn bị câu hỏi:</i> 1. Anh/Chị hãy phân tích tính tất yếu và nguyên tắc cơ bản của liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 2. Anh/Chị hãy phân tích tính tất yếu và nguyên tắc

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 7: Từ: Đến...	tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam KIỂM TRA GIỮA KỲ (Nội dung thuộc Chương 1-5) Chương 6 VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc 1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc Việt Nam 2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề tôn giáo 2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay Chương 6 VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG		2			4	Thuyết trình, diễn giải, kết hợp đặt vấn đề, trình chiếu	cơ bản của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>Đọc quyển 1, trang 195 - 228</i> <i>Chuẩn bị câu hỏi:</i> 1. Anh/Chị hãy phân tích nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin 2. Anh/Chị hãy phân tích đặc điểm và tình hình dân tộc ở Việt Nam

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 8: Từ: Đến...	THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Chương 7 VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình 1.1. Khái niệm gia đình 1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 2.3. Cơ sở văn hóa 2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ Chương 7 VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH	1	1			8		hiện nay 3. Anh/Chị hãy phân tích sự vận dụng quan điểm chỉ đạo của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc ở Việt Nam hiện nay 4. Anh/Chị hãy phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng CNXH <i>Đọc quyển 1, trang 228</i> - <i>Chuẩn bị câu hỏi:</i> 1. Anh/Chị hãy phân tích đặc điểm và tình hình tôn giáo ở
	1	2			4			

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI(tt) 3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt nam thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i>		1			2		Việt Nam hiện nay 2. Anh/Chị hãy phân tích sự vận dụng quan điểm chỉ đạo của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay 3. Anh/Chị hãy phân quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề gia đình trong quá trình xây dựng CNXH 4. Anh/Chị hãy phân tích đặc điểm gia đình ở Việt Nam hiện nay

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
								<i>Đọc quyển 1, trang 257- 269</i> <i>Chuẩn bị câu hỏi:</i> Anh/Chị hãy phân tích sự vận dụng quan điểm chỉ đạo của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề gia đình ở Việt Nam hiện nay
Tổng:		15	15			70		

6. HỌC LIỆU:

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất.)

6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bộ giáo dục và đào tạo	2021	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội

6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

TT	Tên tác giả	Năm	Tên sách, giáo trình,	NXB, tên tạp chí/
----	-------------	-----	-----------------------	-------------------

		XB	tên bài báo, văn bản	nơi ban hành VB
1	Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng	2018	<i>Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc</i>	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
2	Đảng Cộng sản Việt Nam	2011	<i>Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, (bổ sung và phát triển)</i>	Nxb. Sự Thật, Hà Nội
3	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	2010	<i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
4	GS. TS. Phùng Hữu Phú, GS. TS. Lê Hữu Nghĩa, GS. TS. Vũ Văn Hiến, PGS. TS. Nguyễn Việt Thông...	2018	<i>Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới</i>	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5	Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng	2022	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% (30% hoặc 40% hoặc 50%) trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẦU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Tích cực	Dự trên lớp và đóng góp tại lớp (phát biểu, góp ý, phản biện...).	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	20
2	Hoạt động nhóm	Thuyết trình theo nhóm (khả năng thể hiện quan điểm, bảo vệ quan điểm, phản biện, thảo luận...)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	40

3	Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra tại lớp, một trong hai hình thức: trắc nghiệm, tự luận.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	40
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% (70% hoặc 60% hoặc 50%) trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Chọn một trong hai hình thức sau đây:			
BÀI THU HOẠCH Bài thu hoạch làm trong 24 giờ, bao gồm 2 câu hỏi cả lý thuyết và cả vận dụng tình huống thực tế. Nội dung đề thi là một trong những nội dung của môn học từ chương 1 đến chương 7.	- Đánh giá về kiến thức: + Xác định được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. + Chứng minh được tính khách quan, khoa học của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	CLO1	40%
		CLO2	
	- Đánh giá về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã	CLO3	40%

	hội ở Việt Nam. - Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: + Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng, củng cố niềm tin và kiên định mục tiêu con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. + Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị; khơi dậy và phát huy khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.		
	Tổng		100%
THI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN Bài thi bao gồm 50 câu làm trong 45 phút (được sử dụng tài liệu). Nội dung các câu hỏi sẽ bao quát tất cả các chương từ chương 1 đến chương 7.	- Đánh giá về kiến thức: Xác định được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	CLO1	60%
	- Đánh giá về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	CLO3	40%
	- Đánh giá về mức tự		

	chủ tự chịu trách nhiệm:		
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi học.

Bài tập, hoạt động nhóm: phải hoàn thành 100% bài tập, hoạt động nhóm do giảng viên giao.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

Tuân thủ nội quy nhà trường và nội quy lớp học.

8.3 Quy định về học vụ

Hoạt động học tập và giảng dạy tuân thủ quy chế học vụ của Nhà trường.

9. HOLISTIC RUBRIC:

9.1. Rubric đánh giá quá trình

9.1.1. Rubric đánh giá tích cực

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Dự trên lớp và Đóng góp tại lớp	100	Dự trên lớp rất đầy đủ, tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, có các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả. (> 90%)	Dự trên lớp đầy đủ, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, có các đóng góp liên quan đến bài học hiệu quả. (75 - 90%)	Dự trên lớp khá đầy đủ, tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, có một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả. (55- 75%)	Dự trên lớp chưa đầy đủ, tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, có một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả. (40 - 55%)	Dự trên lớp quá ít, không tham gia các hoạt động trên lớp, có không đóng góp tại lớp. (< 40%)

9.1.2. Rubric đánh giá hoạt động nhóm

Tiêu chí	Trọng	Mức độ đạt chuẩn quy định
----------	-------	---------------------------

đánh giá	số (%)	A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Nội dung thuyết trình	50	Nội dung phong phú hơn yêu cầu, chính xác, khoa học, sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu.	Nội dung hoàn toàn phù hợp với yêu cầu, khá chính xác, khoa học, sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, tương đối chính xác, khoa học, tuy nhiên giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, tuy nhiên còn thiếu một số nội dung quan trọng.	Thiếu nhiều nội dung quan trọng phù hợp với yêu cầu, thiếu chính xác, khoa học.
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slide rất hợp lý, rất trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide hợp lý, trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide tương đối hợp lý, rõ ràng.	Cấu trúc bài và slide chưa hợp lý, ít trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide quá sơ sài, không đúng quy định.
Thuyết trình	20	Trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng, âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút.	Trình bày khá súc tích, âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút, thời gian trình bày đúng quy định.	Trình bày theo bố cục rõ ràng, âm giọng vừa phải, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định.	Trình bày đầy đủ, âm giọng thấp, một số từ ngữ không rõ ràng, thời gian trình bày đúng quy định.	Trình bày không logic, sử dụng từ ngữ không đúng, âm giọng thấp, không rõ, vượt qua thời gian quy định.
Trả lời câu hỏi	20	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu câu hỏi,	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng không nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa được trả lời.	Không trả lời được đa số câu hỏi, nhưng nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được câu hỏi và không nêu được định hướng phù hợp.

9.1.3. Rubric đánh giá giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
+ Hình thức: Trắc nghiệm khách quan + Số lượng câu hỏi: 20 câu dạng 4 đáp án, không sử dụng tài liệu + Thời gian thi: 20 phút	100	Làm đúng từ 17 → 20 câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 14 → 16 câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 11 → 13 câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 8 → 10 câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 0 → 7 câu trắc nghiệm

9.2. Rubric đánh giá cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
+ Hình thức thi: trắc nghiệm khách quan, số lượng câu hỏi, thời gian thi theo cấu trúc ngân hàng đề thi được phê duyệt	100	Làm đúng từ 85 % → 100 % câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 70% → 84% câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 55% → 69% câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 40% → 54% câu trắc nghiệm	Làm đúng từ 0 -> 39 % câu trắc nghiệm
+ Hình thức: Bài thi/ Bài thu hoạch/Tiểu luận	100	Thể hiện những ý tưởng rất sáng tạo với những lập luận rất xác đáng, có những minh chứng rất thuyết phục và thể hiện	Thể hiện những ý tưởng sáng tạo với những lập luận xác đáng, có những minh chứng thuyết phục và thể hiện quan	Thể hiện những ý tưởng sáng tạo với ít những lập luận xác đáng, có ít minh chứng thuyết phục và ít thể hiện quan	Ít thể hiện những ý tưởng sáng tạo với ít những lập luận xác đáng, không có những minh chứng thuyết	Bài viết không thể hiện những ý tưởng sáng tạo, không có những lập luận xác đáng, không có minh chứng thuyết

		quan điểm cá nhân rất rõ ràng. Trả lời rất đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi/ vấn đề đặt ra.	điểm cá nhân rõ ràng. Giải quyết đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi/ vấn đề đặt ra.	điểm cá nhân. Trả lời khá đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi/vấn đề đặt ra.	phục và không thể hiện quan điểm cá nhân. Trả lời chưa đầy đủ những yêu cầu của đề thi/yêu cầu đặt ra nhưng nêu được định hướng phù hợp với những yêu cầu chưa trả lời được.	phục và không thể hiện quan điểm cá nhân. Thể hiện chưa đầy đủ những yêu cầu của đề thi/yêu cầu đặt ra và không nêu được định hướng phù hợp với những yêu cầu chưa trả lời được.
--	--	---	---	---	--	--

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2022

TUQ. Hiệu trưởng
Phó Trưởng phòng
Phụ trách Phòng QLKH

PGS.TS Phan Thị Hằng Nga

1. Trưởng khoa

Nguyễn Minh Hiền

Trưởng bộ môn

Lai Văn Nam

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	History of Vietnamese Communist Party
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học - Chương trình chất lượng cao
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011137
1.6 Số tín chỉ:	02
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Bài tập, thảo luận:	
- Thực hành tích hợp:	15 tiết
- Tự học:	70 tiết
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Học xong học phần Triết học Mác - Lênin, Kinh tế Chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Học phần song hành:	Không có

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một học phần thuộc các môn khoa học lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao

nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, sinh viên có những hiểu biết mang tính hệ thống về Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời đến nay; sinh viên có khả năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và vận dụng kiến thức lịch sử đã học vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Qua đó, sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố, bồi đắp niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Về kiến thức:

- CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới.

- CO2: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng hiện nay.

3.2.2. Về kỹ năng:

- CO3: Sinh viên có khả năng tư duy khoa học, tư duy logic và biện chứng về lịch sử Đảng để luận giải được những vấn đề chính trị - xã hội và các chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- CO4: Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm nhằm giải quyết các nội dung của môn học.

3.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- CO5: Nâng cao nhận thức tư tưởng, củng cố niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- CO6: Sinh viên có trách nhiệm công dân, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội theo quan điểm của Đảng và Nhà nước; có trách nhiệm trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung
CL01	Phân tích được những đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử.
CL02	Vận dụng những kiến thức của môn học để phân tích những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay.
CL03	Tổ chức thực hiện được các bài thuyết trình khoa học, đưa ra được những lập luận thuyết phục để luận giải, bảo vệ quan điểm của cá nhân và tập thể.
CL04	Nhận thức đầy đủ và đúng đắn về vai trò của Đảng, tính quyết định của Đảng đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam.
CL05	Xác định và phân biệt được những luận điệu xuyên tạc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
CL06	Thể hiện được quan điểm của cá nhân trong phân tích và giải quyết những vấn đề chính trị - xã hội ở Việt Nam hiện nay.
CL07	Có niềm tin khoa học vào đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo cách mạng của Đảng; vào thắng lợi tất yếu của công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Đảng lãnh đạo.

4.2. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1	I									
CLO 2					R					
CLO 3					R					
CLO 4					R					
CLO 5					R					
CLO 6									R	
CLO 7									R	
Tổng	I				R				R	

học học phần										
--------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy, học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học,		
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận				
Tuần 1: Từ.... Đến...	Chương nhập môn ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử	2	0			5	Thuyết giảng, nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.	<i>Đọc quyển [1], trang 1-34</i> <i>Câu hỏi Chuẩn bị:</i> 1. Anh/Chị hãy trình bày đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam - <i>Đối tượng nghiên cứu</i> - <i>Phạm vi nghiên cứu</i> II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - <i>Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng</i> - <i>Nhiệm vụ của môn học</i> III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - <i>Phương pháp luận</i> - <i>Các phương pháp cụ thể</i> IV. Mục đích yêu cầu môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Chương 1 ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	1	2			7	Thuyết giảng, nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.	2. Anh/Chị hãy trình bày nội dung và ý nghĩa học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. <i>Độc quyền [1], trang 35-71</i> <i>Câu hỏi Chuẩn bị:</i> 1. Anh/Chị hãy phân tích tình hình thế giới và trong nước trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. 2. Anh/Chị hãy phân tích
---	---	---	--	--	---	--	--

	RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945) 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930) <i>1.1. Bối cảnh lịch sử</i> - Tình hình thế giới tác động đến cách mạng Việt Nam - Tình hình Việt Nam - Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng <i>1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng</i> - Chuẩn bị về tư tưởng, - Chuẩn bị về chính trị, - Chuẩn bị về tổ							vai trò của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. 3. Anh/Chị hãy trình bày nội dung Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930). 4. Anh/Chị hãy phân tích những nội dung cơ bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. 5. Anh/Chị hãy trình bày ý nghĩa của việc thành lập Đảng.
--	---	--	--	--	--	--	--	--

	chức. 1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng - Các tổ chức cộng sản ra đời - Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2-1930) 1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Đặc điểm ra đời của Đảng - Ý nghĩa của việc thành lập Đảng							
Tuần 2: Từ:... Đến ...	Chương 1 (Tiếp theo) 2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục	2	1			10	Thuyết giảng, nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.	Độc quyền [1], trang 71-126 Câu hỏi Chuẩn bị: 1. Anh/Chị hãy phân tích Nội dung cơ bản Luận

phong trào 1932-1935 - Phong trào cách mạng năm 1930-1931 và Luận cương chính trị (10-1930) - Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, - Đại hội Đảng lần thứ nhất (3-1935) 2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 - Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng - Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình - Ý nghĩa của phong trào dân chủ 2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 - Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng - Phong trào chống Pháp-Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực						cương chính trị (tháng 10 năm 1930) và so sánh với văn kiện tháng Hai của Đảng. 2. Anh/Chị hãy phân tích về sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng giai đoạn từ 1939 đến 1941 và ý nghĩa của sự chuyển hướng này. 3. Anh/Chị hãy phân tích chủ trương của Đảng về phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền, năm 1945 ở Việt Nam. 4. Anh/Chị hãy trình bày kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân
---	--	--	--	--	--	--

lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang: - Cao trào kháng Nhật cứu nước và Tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 - Tính chất - Ý nghĩa - Kinh nghiệm cách mạng Chương 2 DẪNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) 1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực	1	1			8	Thuyết giảng, nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm. thắng lợi, bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. Độc quyền [1], trang 127-160 Câu hỏi Chuẩn bị: 1. Anh/Chị hãy phân tích chủ trương, biện pháp của Đảng từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946. Kết quả, ý nghĩa của thực hiện các chủ trương, biện pháp mà Đảng đã đề ra. 2. Anh/Chị hãy trình bày
---	---	---	--	--	---	---

dân Pháp xâm lược (1945-1954) 1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946 - Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám - Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng - Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ 1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 - Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng - Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm							tóm tắt đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng giai đoạn 1946 đến 1950. Kết quả, ý nghĩa của việc thực hiện đường lối này.
--	--	--	--	--	--	--	--

	1950							
Tuần 3: Từ:.... Đến ...	Chương 2 (tiếp theo) 1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954) - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951) - Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt - Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến 1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ - Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến - Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến 2. Lãnh đạo xây	2	3			10	Thuyết giảng, nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.	Độc quyền [1], trang 160-236. Câu hỏi Chuẩn bị: 1. Anh/Chị hãy làm rõ nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng (tháng 2/1951). Ý nghĩa của Đại hội. 2. Anh/Chị hãy trình bày kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và những bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ. 3. Trình bày sự phát triển đường lối và

dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965 - Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960 - Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965 2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 - Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng trong giai đoạn mới - Lãnh đạo xây dựng hậu phương,						khái quát quá trình lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975. 4. Phân tích đặc điểm, ý nghĩa thắng lợi và những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. 5. Trình bày đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1975).
---	--	--	--	--	--	---

	chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ ở miền Nam 1965-1968 - Khôi phục kinh tế, bảo vệ Miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc 1969-1975 2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975 - Ý nghĩa lịch sử - Kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng							
Tuần 4: Từ:... Đến ...	Tổ chức đi tham quan thực tế		5			10		Yêu cầu sinh viên: - Đi đầy đủ, đúng giờ - Trang phục chỉnh tề (đồng phục

								của trường) - Tìm hiểu trước địa điểm tham quan - Làm bài thu hoạch nộp.
Tuần 5: Từ: ... Đến: ...	Chương 3 ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY) 1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 - Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá	3	1			10	Thuyết giảng, nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.	Độc quyền [1], trang 237-285 Câu hỏi Chuẩn bị: 1. Khái quát quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước và quá trình tìm con đường đổi mới đất nước của Đảng (1975-1986). 2. Đánh giá những thành tựu và hạn chế của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước và quá trình tìm con

trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981 1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982- 1986 - Đại hội lần thứ V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội - Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 đến nay) 2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội 1986-1996 - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đổi mới toàn diện - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ						đường đổi mới đất nước của Đảng (1975-1986). 1.Trình bày nội dung đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội Đảng lần thứ VI (12-1986) và quá trình thực hiện (1986 đến nay). 2.Phân tích Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991).
---	--	--	--	--	--	--

	VII và thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1991-1996 Kiểm tra 1 tiết						
Tuần 6: Từ... Đến ...	Chương 3 (tiếp theo) 2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996 đến nay - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá 1996-2001 - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước 2001- 2006 - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội	3	2			10	Thuyết giảng, nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm. Độc quyền [1], trang 285-434. Câu hỏi Chuẩn bị: 1. So sánh Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bổ sung, phát triển năm 2011. 2. Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới, công

2006-2011 - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 của Đảng - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội 2011-2016 - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới 3.1. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới 3.2. Các hạn chế và nguyên nhân 3.3. Một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới KẾT LUẬN							nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế (1986 đến nay). 3.Trình bày thành tựu, ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới (1986 đến nay). 4. Phân tích những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
---	--	--	--	--	--	--	--

1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam							
2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng							
Tổng cộng	15	15			70		

6. HỌC LIỆU

6.1. Tài liệu chính

[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

[2]. Trường Đại học Tài chính - Marketing (2020), *Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Lưu hành nội bộ.

6.2. Tài liệu tham khảo khác

[1]. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia (2021), *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2007), *Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập I, II và III)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.tuyengiao.vn.

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

7.1. Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần	Đánh giá mức độ sinh viên tham gia các buổi học.	CLO1 CLO2	10%
		Đánh giá mức độ tập trung, tương tác của sinh viên, đóng góp xây dựng bài (phát biểu, phản biện...)	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	10%

2	Hoạt động nhóm Một trong hai hoạt động: - Thuyết trình theo các chủ đề mà giảng viên giao. - Làm báo cáo thu hoạch chuyển đi tham quan thực tế.	- Đánh giá được tri thức của sinh viên từ quá trình giải quyết vấn đề của môn học. - Hoàn thành tốt bài thu hoạch theo yêu cầu của giảng viên.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	50%
3	Kiểm tra giữa kỳ - Kiểm tra tại lớp, một trong các hình thức sau: trắc nghiệm hoặc tự luận. - Tổng thang điểm là 10, 1. Trắc nghiệm - Số lượng: 20 câu. - Thời gian làm bài: 20 phút. - Nội dung: Chương 1, chương 2. - Sinh viên được sử dụng tài liệu. 2. Tự luận - Số lượng: 2 câu. - Thời gian làm bài: 60 phút - Nội dung: Chương 1, chương 2. - Sinh viên được sử dụng tài liệu.	- Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên diễn giải một vấn đề cụ thể đặt ra của các câu hỏi có trong đề thi. - Đánh giá các kỹ năng, khả năng tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ giải quyết vấn đề thực tế được đưa ra trong đề thi. - Đánh giá mức độ tự chịu trách nhiệm của sinh viên, khả năng hoàn thành bài kiểm tra theo yêu cầu của giảng viên.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	30%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50 % trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Chọn một trong hai hình thức sau (căn cứ vào tình hình cụ thể):	- Cấp độ 1: Đánh giá năng lực người học về khả năng ghi nhớ, lặp lại những khái niệm, nội	CLO1	25%

1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN - Bài thi bao gồm 50 câu, làm trong 50 phút, được sử dụng tài liệu. - Nội dung các câu hỏi sẽ bao quát tất cả các chương của môn học. - Bài thi trắc nghiệm tập trung đánh giá dựa trên 4 cấp độ sau:	dụng cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.		
	- Cấp độ 2: Đánh giá năng lực người học về khả năng diễn giải, giải thích, mô tả, nhận biết, phân biệt để lựa chọn được đáp án đúng với yêu cầu của câu hỏi trắc nghiệm đặt ra.	CLO1 CLO2	35%
	- Cấp độ 3: Đánh giá năng lực người học về khả năng vận dụng thông tin, kiến thức đã học phù hợp với tình huống, điều kiện, hoàn cảnh mà câu hỏi trắc nghiệm đặt ra.	CLO2 CLO4 CLO5	30%
	- Cấp độ 4: Đánh giá khả năng người học vận dụng các kiến thức, kỹ năng được học trong học phần để giải quyết có tính sáng tạo các tình huống rất khó, rất phức tạp từ thực tế.	CLO2 CLO4 CLO5	10%
Tổng			100%
2. LÀM BÀI THU HOẠCH - Thời gian làm bài: Bài thu hoạch làm trong 24 giờ, gồm 02 câu hỏi lý thuyết và vận dụng lý thuyết để phân tích các vấn đề cụ thể diễn ra trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội. - Nội dung đề thi nằm trong chương trình môn học.	- Lý luận cơ bản: Ý tưởng sáng tạo; phân tích kỹ càng; lập luận xác đáng, có sức thuyết phục.	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	40%
	- Phát triển ý: Phát triển, phân tích tốt các nội dung chi tiết. Thể hiện được tư duy phân biện và khả năng vận dụng kiến thức đã học để bảo vệ quan điểm đúng đắn.	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	40%
	- Hình thức: Bài viết đạt được tất cả các yêu cầu về định dạng và bố cục của một bài viết; căn lề, giãn dòng, cách đoạn	CLO1 CLO2 CLO3	20%

	đúng yêu cầu; thể hiện được tính logic và hợp lý của các quan điểm.		
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên có trách nhiệm tham dự các buổi học đầy đủ, đúng giờ. Trong trường hợp nghỉ học có lý do chính đáng thì phải có giấy tờ chứng minh và phải báo cáo với giảng viên.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Sinh viên phải chấp hành tốt kỷ luật trên lớp, trang phục phù hợp, có thái độ học tập nghiêm túc, không làm việc riêng, tôn trọng giảng viên cũng như các sinh viên khác.

Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu, làm bài, thảo luận, thuyết trình đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.

8.3. Quy định về học vụ

Sinh viên nộp bài tập và báo cáo đúng thời hạn theo quy định của giảng viên.

Khi tham quan thực tế phải tuyệt đối chấp hành quy định của địa điểm tham quan, biết giữ gìn hình ảnh của nhà trường, có mặt đúng thời gian quy định.

Các vấn đề về thi cử, bảo lưu điểm, phúc khảo bài, khiếu nại điểm được thực hiện theo qui chế của Nhà trường.

9. HOLISTIC RUBRIC

RUBIC 1: Đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 – 10	7.0 – 8.4	5.5 – 6.9	4.0 – 5.4	0.0 – 3.9
Dự trên lớp	50 %	Dự trên lớp rất đầy đủ (> 90%)	Dự trên lớp đầy đủ (75- 90%)	Dự trên lớp khá đầy đủ (55-75 %)	Dự trên lớp chưa đầy đủ (40-55%)	Dự trên lớp quá ít (< 40%)
Đóng góp tại lớp	50 %	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan	Không tham gia các hoạt động trên lớp, không đóng góp tại lớp

		bài học rất hiệu quả	bài học hiệu quả	đến bài học có hiệu quả	đến bài học có hiệu quả	
--	--	----------------------	------------------	-------------------------	-------------------------	--

RUBIC 2. Rubric đánh giá báo cáo sản phẩm làm việc nhóm
2.1. Thuyết trình nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 – 10	7.0 – 8.4	5.5 – 6.9	4.0 – 5.4	0.0 – 3.9
Nội dung thuyết trình	40%	Nội dung phong phú hơn yêu cầu, sử dụng thuật ngữ rất chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những mình chứng rất rõ ràng, phù hợp.	Nội dung hoàn toàn phù hợp với yêu cầu, sử dụng thuật ngữ chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những mình chứng rõ ràng, phù hợp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, sử dụng thuật ngữ tương đối chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những mình chứng phù hợp.	Nội dung khá phù hợp với yêu cầu, sử dụng thuật ngữ chưa chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những mình chứng tương đối phù hợp.	Nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, sử dụng thuật ngữ chưa chính xác, khoa học; chưa liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước.
Cấu trúc và tính trực quan	10%	Cấu trúc bài và slide rất hợp lý, rất trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide hợp lý, trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide tương đối hợp lý, rõ ràng.	Cấu trúc bài và slide chưa hợp lý, ít trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide quá sơ sài, không đúng quy định.
Thuyết trình	30%	Trình bày rất súc tích, có bố cục rất logic, âm giọng rất rõ ràng, lưu loát, cuốn hút.	Trình bày súc tích, có bố cục logic, âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút, ngôn	Trình bày khá súc tích, có bố cục khá logic, âm giọng khá rõ ràng, lưu loát, cuốn	Trình bày chưa súc tích, có bố cục chưa logic, âm giọng chưa rõ ràng, lưu loát, phong	Trình bày chưa súc tích, có bố cục chưa logic, âm giọng chưa rõ ràng, lưu loát, phong

		ngôn ngữ cơ thể sinh động, phong thái rất tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	ngữ cơ thể sinh động, phong thái tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	hút, phong thái khá tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	thái thiếu tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	thái thiếu tự tin, thời gian trình bày không đúng quy định.
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu câu hỏi.	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nếu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng không nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được đa số câu hỏi, nhưng nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được câu hỏi và không nêu được định hướng phù hợp.

2.2. Đánh giá bài thu hoạch tham quan thực tế

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				
		A	B	C	D	F
		8.5 – 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Hình thức báo cáo	30%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả	Qua đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả
Nội dung báo cáo	40%	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70% - dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55%-69% yêu cầu	Đáp ứng 40%-54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu
Tính sáng tạo/ Chất lượng sản phẩm/ Sử dụng công nghệ	30%	Hình ảnh, clip rõ, phong phú thể hiện tốt nội dung. Chèn nhạc: Phù hợp, âm lượng vừa	Hình ảnh, clip chưa rõ, chưa thể hiện tốt nội dung. Chèn nhạc, âm lượng không phù	Hình ảnh, âm thanh chưa thể hiện tốt nội dung.		

		đủ. Đúng thời gian, đúng lượng theo quy định	hợp. Thời gian, đúng lượng không theo đúng quy định			
--	--	--	---	--	--	--

RUBIC 3. Rubric đánh giá bài thi kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá		Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
			A	B	C	D	F
			8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Chọn một trong hai hình thức: trắc nghiệm hoặc tự luận							
+ Hình thức: Trắc nghiệm khách quan + Số lượng câu hỏi: 20 câu + Thời gian thi: 20 phút. + Nội dung: Chương 1; chương 2 (SV được sử dụng tài liệu)		100	Làm đúng từ 17 → 20 câu trắc nghiệm (85%-100%)	Làm đúng từ 14 → 16 câu trắc nghiệm (70% - 84%)	Làm đúng từ 11 → 13 câu trắc nghiệm (55% - 69%)	Làm đúng từ 8 → 10 câu trắc nghiệm (40% - 54%)	Làm đúng từ 0 → 7 câu trắc nghiệm (<40%)
+ Hình thức: tự luận + Số lượng câu hỏi: 2 câu + Thời gian thi: 60 phút + Nội dung: Chương 1; chương 2 (SV được sử dụng tài liệu)	Khung lý thuyết	60%	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu câu hỏi.	Trả lời cơ bản đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng không nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời.	Không trả lời được đa số câu hỏi, nhưng nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được câu hỏi và không nêu được định hướng phù hợp.
	Vận dụng	40%	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-84% yêu cầu	Đáp ứng 55%-69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu

RUBIC 4: Rubric đánh giá kết thúc học phần

4.2. Rubric đánh giá bài trắc nghiệm

CDR	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
			A	B	C	D	F
			8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	+ Hình thức: Trắc nghiệm khách quan + Số lượng câu hỏi: 50 câu + Thời gian thi: 50 phút. + Nội dung: Toàn bộ nội dung cơ bản trong chương trình môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (SV được sử dụng tài liệu)	100%	Làm đúng từ 43 → 50 câu trắc nghiệm (85%-100%)	Làm đúng từ 35 → 42 câu trắc nghiệm (70%-84%)	Làm đúng từ 28 → 34 câu trắc nghiệm (55%-69%)	Làm đúng từ 20 → 27 câu trắc nghiệm (40%-54%)	Làm đúng từ 0 → 19 câu trắc nghiệm (Dưới 40%)

4.2. Rubric đánh giá Bài thu hoạch

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
+ Hình thức: Bài thu hoạch + Số lượng câu hỏi: 2 câu, được sử dụng tài liệu. + Thời gian thi: 24 giờ.	100	Bài viết thể hiện những ý tưởng rất sáng tạo với những lập luận rất xác đáng, có những minh chứng rất thuyết phục và thể hiện quan điểm cá nhân rất rõ ràng. Bài viết trả lời	Bài viết thể hiện những ý tưởng sáng tạo với những lập luận xác đáng, có những minh chứng thuyết phục và thể hiện quan điểm cá nhân rõ ràng. Bài	Bài viết ít thể hiện những ý tưởng sáng tạo với ít những lập luận xác đáng, có ít minh chứng thuyết phục và ít thể hiện quan điểm cá nhân. Bài viết trả	Bài viết ít thể hiện những ý tưởng sáng tạo với ít những lập luận xác đáng, không có những minh chứng thuyết phục và không thể hiện quan điểm cá nhân. Bài viết trả lời	Bài viết không thể hiện những ý tưởng sáng tạo, không có những lập luận xác đáng, không có minh chứng thuyết phục và không thể hiện quan điểm cá nhân. Bài viết thể hiện

		rất đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi.	viết trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi.	lời khá đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi.	chưa đầy đủ những yêu cầu của đề thi nhưng nêu được định hướng phù hợp với những yêu cầu chưa trả lời được.	chưa đầy đủ những yêu cầu của đề thi và không nêu được định hướng phù hợp với những yêu cầu chưa trả lời được.
--	--	---	--	---	---	--

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. Hiệu trưởng
Phó Trưởng phòng
Phụ trách Phòng QLKH

PGS.TS Phan Thị Hằng Nga

Trưởng khoa

Lại Văn Nam

Trưởng bộ môn

Trần Thị Long

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Ho Chi Minh's Ideology
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học - Chương trình Chất lượng cao
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	010016
1.6 Số tín chỉ:	02
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Bài tập, thảo luận:	
- Thực hành, tích hợp	15 tiết
- Tự học:	70 tiết
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh/Khoa Lý luận chính trị
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết	Không có
- Học phần học trước:	Học xong học phần Triết học Mác - Lênin, Kinh tế Chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm những nội dung cụ thể sau: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng: Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí

Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Cos)

3.2.1. Về kiến thức

- CO1: Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh.

- CO2: Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống.

- CO4: Sinh viên có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm nhằm giải quyết các nội dung của môn học.

3.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam;

- CO6: Thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Giải thích được khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
CLO2	Phân tích bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo của hệ thống nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.
CLO3	Đánh giá đúng vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.
CLO4	Tổ chức được các bài thuyết trình khoa học, đưa ra được những luận điểm để bảo vệ những quan điểm đúng đắn của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.
CLO5	Vận dụng được những kiến thức đã học để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới.
CLO6	Tin tưởng vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; nâng cao lòng tự hào dân tộc và tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ; xác lập ý

	thức trách nhiệm và thái độ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
--	---

4.2. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1	I									
CLO 2	I									
CLO 3					R					
CLO 4					R					
CLO 5									R	
CLO 6									R	
Tổng hợp học phần	I				R				R	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học	Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP		

		Lý thuyết	Thực hành, tích hợp	Nghiên cứu tinh huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1 Từ.... đến...	Chương 1: KHÁI NIỆM ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 1. Cơ sở phương pháp luận của việc nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Một số phương pháp cụ thể IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận 2. Giáo dục và định hướng thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng,	2				3	Thuyết giảng, Nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm; Thuyết giảng, Nêu và giải quyết vấn	Độc quyền [1], trang 11-31 Câu hỏi chuẩn bị: 1. Anh/Chị hãy trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. 2. Ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên là gì? 3. Anh/Chị hãy phân tích bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. 4. Anh/Chị hãy phân tích những nhân tố khách quan và chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; theo anh chị nhân tố nào mang tính quyết định nhất? Vì sao?

	bồi dưỡng lòng yêu nước 3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác Chương 2: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Cơ sở thực tiễn 2. Cơ sở lý luận 3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm đường cứu nước mới 2. Thời kỳ 1911 – 1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 3. Thời kỳ 1920 – 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam	1	2		12	đề; Tháo luận	Đọc quyển 1, trang 32-57 Câu hỏi chuẩn bị: 1. Anh/Chị hãy phân tích bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. 2. Anh/Chị hãy phân tích những nhân tố khách quan và chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; theo anh chị nhân tố nào mang tính quyết định nhất? Vì sao? 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển qua mấy thời kỳ? Thời kỳ nào là thời kỳ hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam?
Tuần	Chương 2	1			3	Thuyết	Đọc quyển 1,

2	(tiếp theo)					giảng, Nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận	trang 57-72
Từ:.... đến...	4. Thời kỳ 1930 – 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo 5. Thời kỳ 1941 – 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Đối với cách mạng Việt Nam 2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại Chương 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC 1. Vấn đề độc lập dân tộc 2. Vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội	2	2	12	Thuyết giảng, Nêu và giải quyết vấn đề; Thảo luận	Câu hỏi chuẩn bị: 1. Tại sao thời kỳ 1930 – 1941 được coi là thời kỳ khó khăn, thử thách của Hồ Chí Minh? 2. Anh/Chị hãy phân tích giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thế giới và đối với cách mạng Việt Nam. Độc quyền 1, trang 73-118 Câu hỏi chuẩn bị: 1. Trình bày tóm tắt những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về dân tộc. 2. Phân tích tư tưởng HCM về giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; ý nghĩa	

	2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội 2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc 3. Điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội								thực tiễn của những quan điểm này đối với cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. 3. Anh/Chị hãy phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và vì sao cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản và phải được tiến hành một cách chủ động và sáng tạo. 4. Anh/Chị hãy phân tích tính sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh và ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc. 5. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về những đặc trưng cơ bản
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

							của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 6. Anh/Chị hãy phân tích tính sáng tạo về lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 7. Trình bày những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực và bước đi của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
Tuần 3 Từ:.... đến...	Chương 3 (Tiếp theo) IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 1. Kiến định mục tiêu và con đường cách mạng mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định 2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3. Cùng cố, kiện toàn, phát huy sức	1			3	Thuyết giảng, Nêu và giải quyết vấn đề; Thuyết trình, thảo luận nhóm.	Đọc quyển 1, trang 118-122 Câu hỏi chuẩn bị: 1. Anh/Chị hãy phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2. Phân tích tính sáng tạo về lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị 4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Chương 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN 1. Nhà nước dân chủ 2. Nhà nước pháp quyền 3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY	2	2			12	Thuyết giảng, nêu và giải quyết vấn đề; Thuyết trình, thảo luận nhóm.	ở Việt Nam. Đọc quyển 1, trang 123-168 Câu hỏi chuẩn bị: 1. Anh/Chị hãy nêu tóm tắt những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản. 2. Bằng thực tiễn lịch sử anh/chị hãy chứng minh vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nguyên nhân cơ bản đầu tiên mang lại thắng lợi của cách mạng Việt Nam hơn 90 năm qua. 3. Anh/Chị hãy phân tích tư tưởng Hồ
--	---	---	--	--	----	--	---

	DỰNG NHÀ NƯỚC 1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 2. Xây dựng Nhà nước						Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch vững mạnh. 4. Phân tích quan niệm của Hồ Chí Minh về bản chất dân chủ và bản chất giai cấp của Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. 5. Phân tích và nêu ý nghĩa của quan niệm Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. 6. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân
Tuần 4 Từ: ... đến: ...	Nội dung: Tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bến Nhà Rồng		5			5	Tổ chức đi tham quan thực tế. - Giảng viên: liên hệ, tổ chức tham quan. - Sinh viên tham gia đầy đủ, đúng giờ, mặc đồng phục trường (Áo thun/Sơ mi). - SV tìm hiểu trước địa điểm tham quan. - Sinh viên làm bài thu

							hoạch theo nhóm (đề tài do giảng viên quy định).
Tuần 5 Từ:.... đến...	Chương 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC 1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc 2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc 3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 4. Hình thức – nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất 5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ 1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế 2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI	2	2		15	Thuyết giảng, Nêu và giải quyết vấn đề; Thuyết trình, thảo luận nhóm.	Độc quyển 1, trang 169-204 Câu hỏi chuẩn bị: 1. Anh/Chị hãy phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề chiến lược, là mục tiêu, là động lực và là nhiệm vụ lâu dài của cách mạng Việt Nam. 2. Anh/Chị hãy phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. 3. Anh/Chị hãy phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết và nội dung đoàn kết quốc tế. 4. Anh/Chị hãy phân tích sự sáng tạo về lý luận và ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ

	ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế KIỂM TRA GIỮA KỲ	1					Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam.
Tuần 6 Từ:..... đến...	Chương 6: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA 1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới II. TƯ TƯỞNG HỒ	3	2			15	Thuyết giảng, Nêu và giải quyết vấn đề; Thuyết trình, thảo luận nhóm. <i>Yêu cầu đọc sách: Đọc quyển [1], trang 205-265</i> <i>Câu hỏi chuẩn bị:</i> 1. Anh/Chị hãy phân tích những quan điểm của Hồ Chí Minh văn hóa. 2. Anh/Chị hãy phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của đạo đức cách mạng.

CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC 1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 2. Xây dựng đạo đức cách mạng							3. Anh/Chị hãy phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng. 4. Anh/Chị hãy phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng. 5. Anh/chị hãy phân tích những quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và xây dựng con người.
TỔNG CỘNG	15	15			70		

6. HỌC LIỆU:

6.1. Tài liệu chính:

- [1]. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Trường Đại học Tài chính – Marketing (2021), *Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh* (lưu hành nội bộ).

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1 – 15, Nxb. Chính trị quốc gia.
- [2]. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1997), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Trần Văn Giàu (2010), *Hồ Chí Minh- vĩ đại một con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1. Đánh giá quá trình: trọng số 50 % trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần	Đánh giá mức độ sinh viên tham gia các buổi học. Đánh giá mức độ tập trung, tương tác của sinh viên, đóng góp xây dựng bài (phát biểu, phản biện...)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	20%
2	Hoạt động nhóm Bao gồm 2 hoạt động: - Thuyết trình theo các chủ đề mà giảng viên giao (25%). - Làm báo cáo thu hoạch chuyển đi tham quan thực tế (25%).	- Đánh giá được tri thức của sinh viên từ quá trình giải quyết vấn đề của môn học. - Hoàn thành tốt bài thu hoạch theo yêu cầu của giảng viên.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	50%
3	Kiểm tra giữa kỳ - Kiểm tra tại lớp, một trong các hình thức sau: trắc nghiệm hoặc tự luận - Tổng thang điểm là 10, 1. Trắc nghiệm - Số lượng: 20 câu.	- Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên diễn giải một vấn đề cụ thể đặt ra của các câu hỏi có trong đề thi. - Đánh giá các kỹ năng, khả năng tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ giải quyết vấn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5 CLO6	30%

- Thời gian làm bài: 20 phút. - Nội dung: Chương 1, chương 2, chương 3, chương 4. - Sinh viên được sử dụng tài liệu. 2. Tự luận - Số lượng: 2 câu. - Thời gian làm bài: 60 phút - Nội dung: Chương 1, chương 2, chương 3, chương 4. - Sinh viên được sử dụng tài liệu.	để thực tế được đưa ra trong đề thi. - Đánh giá mức độ tự chịu trách nhiệm của sinh viên, khả năng hoàn thành bài kiểm tra theo yêu cầu của giảng viên.		
TỔNG			100%

7.2. Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50 % trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Chọn một trong hai hình thức sau (căn cứ vào tình hình cụ thể): 1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN - Bài thi bao gồm 50 câu, làm trong 50 phút, được sử dụng tài liệu. - Nội dung các câu hỏi sẽ bao quát tất cả các chương của môn học. - Bài thi trắc nghiệm tập trung đánh giá dựa trên 4 cấp độ sau:	- Cấp độ 1: Đánh giá năng lực người học về khả năng ghi nhớ, lặp lại những khái niệm, nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.	CLO1	25%
	- Cấp độ 2: Đánh giá năng lực người học về khả năng diễn giải, giải thích, mô tả, nhận biết, phân biệt để lựa chọn được đáp án đúng với yêu cầu của câu hỏi trắc nghiệm đặt ra.	CLO1	35%
	- Cấp độ 3: Đánh giá năng lực người học về khả năng vận dụng thông tin, kiến thức đã học phù hợp với tình huống, điều kiện, hoàn cảnh mà câu hỏi trắc nghiệm đặt ra.	CLO2 CLO3 CLO5	30%
	- Cấp độ 4: Đánh giá khả năng người học vận dụng các kiến thức, kỹ năng được học trong học phần để giải quyết	CLO2 CLO3 CLO5 CLO6	10%

	có tính sáng tạo các tình huống rất khó, rất phức tạp từ thực tế.		
Tổng			100%
2. LÀM BÀI THU HOẠCH - Thời gian làm bài: Bài thu hoạch làm trong 24 giờ, gồm 02 câu hỏi lý thuyết và vận dụng lý thuyết để phân tích các vấn đề cụ thể diễn ra trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội. - Nội dung đề thi nằm trong chương trình môn học.	- Lý luận cơ bản: Ý tưởng sáng tạo; phân tích kỹ càng; lập luận xác đáng, có sức thuyết phục.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5 CLO6	40%
	- Phát triển ý: Phát triển, phân tích tốt các nội dung chi tiết. Thể hiện được tư duy phân biện và khả năng vận dụng kiến thức đã học để bảo vệ quan điểm đúng đắn.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5 CLO6	40%
	- Hình thức: Bài viết đạt được tất cả các yêu cầu về định dạng và bố cục của một bài viết; căn lề, giãn dòng, cách đoạn đúng yêu cầu; thể hiện được tính logic và hợp lý của các quan điểm.	CLO2 CLO3	20%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên có trách nhiệm tham dự các buổi học đầy đủ, đúng giờ. Trong trường hợp nghỉ học có lý do chính đáng thì phải có giấy tờ chứng minh và phải báo cáo với giảng viên.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

- Đối với sinh viên

+ Sinh viên chấp hành đầy đủ nội quy, quy định theo Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

+ Trước khi đến lớp sinh viên cần đọc trước tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo được giới thiệu trong đề cương chi tiết. Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu, làm bài, thảo luận, thuyết trình đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.

+ Sinh viên phải chấp hành tốt kỷ luật trên lớp, trang phục phù hợp, có thái độ học tập nghiêm túc, không làm việc riêng, tôn trọng giảng viên cũng như các sinh viên khác.

- Đối với giảng viên

+ Sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của người học.

+ Giảng viên phải nghiên cứu kỹ chương trình, nội dung kiến thức trước khi lên lớp; tuân thủ đúng giờ giấc quy định của nhà trường.

+ Giảng viên phải chấp hành các quy chế, nội quy của Trường và của Bộ môn, thực hiện nghiêm túc quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên, tham gia quản lý người học.

+ Thông báo cho sinh viên về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy – học, phương pháp đánh giá theo đề cương chi tiết.

+ Giảng viên dạy lớp học phản chăm và công bố điểm đánh giá quá trình công khai trước lớp trước khi kết thúc học phần.

+ Phối hợp với Bộ môn, Khoa và các Phòng chức năng, giải quyết kịp thời các vấn đề về công tác giảng dạy và quản lý lớp.

+ Tổ chức các hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá sinh viên khách quan, công bằng, chính xác, đúng quy chế, phù hợp với các hình thức dạy – học.

8.3. Quy định về học vụ

- Sinh viên nộp bài tập và báo cáo đúng thời hạn theo quy định của giảng viên (sinh viên nộp bài và báo cáo không đúng thời hạn, được coi như không nộp bài).

- Khi tham quan thực tế phải tuyệt đối chấp hành quy định của địa điểm tham quan, biết giữ gìn hình ảnh của nhà trường, có mặt đúng thời gian quy định.

- Các vấn đề về thi cử, bảo lưu điểm, phúc khảo bài, khiếu nại điểm được thực hiện theo qui chế của Nhà trường.

- Sử dụng phòng học và cơ sở vật chất – kỹ thuật theo quy định của nhà trường.

- Văn phòng phẩm: bút màu, giấy note...

- Sử dụng phần mềm đào tạo trực tuyến của nhà trường, Ms Team.

9. HOLISTIC RUBRIC

RUBIC 1: Đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 – 10	7.0 – 8.4	5.5 – 6.9	4.0 – 5.4	0.0 – 3.9
Dự trên lớp	50 %	Dự trên lớp rất đầy đủ (> 90%)	Dự trên lớp đầy đủ (75- 90%)	Dự trên lớp khá đầy đủ (55- 75 %)	Dự trên lớp chưa đầy đủ (40 - 55%)	Dự trên lớp quá ít (< 40%)
Đóng góp tại lớp	50 %	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học hiệu quả	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả	Không tham gia các hoạt động trên lớp, không đóng góp tại lớp

RUBIC 2. Rubric đánh giá báo cáo sản phẩm làm việc nhóm

2.1. Thuyết trình nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 – 10	7.0 – 8.4	5.5 – 6.9	4.0 – 5.4	0.0 – 3.9
Nội dung thuyết trình	40%	Nội dung phong phú hơn yêu	Nội dung hoàn toàn phù hợp	Nội dung phù hợp với yêu	Nội dung khá phù hợp với	Nội dung chưa phù hợp với

		câu, sử dụng thuật ngữ rất chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những minh chứng rất rõ ràng, phù hợp.	với yêu cầu, sử dụng thuật ngữ chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những minh chứng rõ ràng, phù hợp.	câu, sử dụng thuật ngữ tương đối chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những minh chứng phù hợp.	yêu cầu, sử dụng thuật ngữ chưa chính xác, khoa học; liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước với những minh chứng tương đối phù hợp.	yêu cầu, sử dụng thuật ngữ chưa chính xác, khoa học; chưa liên hệ thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước.
Cấu trúc và tính trực quan	10%	Cấu trúc bài và slide rất hợp lý, rất trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide hợp lý, trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide tương đối hợp lý, rõ ràng.	Cấu trúc bài và slide chưa hợp lý, ít trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide quá sơ sài, không đúng quy định.
Thuyết trình	30%	Trình bày rất súc tích, có bố cục rất logic, âm giọng rất rõ ràng, lưu loát, cuốn hút, ngôn ngữ cơ thể sinh động, phong thái rất tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	Trình bày súc tích, có bố cục logic, âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút, ngôn ngữ cơ thể sinh động, phong thái tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	Trình bày khá súc tích, có bố cục khá logic, âm giọng khá rõ ràng, lưu loát, cuốn hút, phong thái khá tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	Trình bày chưa súc tích, có bố cục chưa logic, âm giọng chưa rõ ràng, lưu loát, phong thái thiếu tự tin, thời gian trình bày đúng quy định.	Trình bày chưa súc tích, có bố cục chưa logic, âm giọng chưa rõ ràng, lưu loát, phong thái thiếu tự tin, thời gian trình bày không đúng quy định.
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu câu hỏi.	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng không nêu được định	Không trả lời được đa số câu hỏi, nhưng nêu được định hướng phù	Không trả lời được câu hỏi và không nêu được định

			với những câu hỏi chưa trả lời được.	hướng phù hợp với những câu hỏi chưa được trả lời.	hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	hướng phù hợp.
--	--	--	--------------------------------------	--	--	----------------

2.2. Đánh giá bài thu hoạch tham quan thực tế

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Hình thức báo cáo	30%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả	Quá đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả
Nội dung báo cáo	40%	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70% - dưới 84% yêu cầu	Đáp ứng 55%-69% yêu cầu	Đáp ứng 40%-54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu
Tính sáng tạo/ Chất lượng sản phẩm/ Sử dụng công nghệ	30%	Hình ảnh, clip rõ, phong phú thể hiện tốt nội dung. Chèn nhạc: Phù hợp, âm lượng vừa đủ. Đúng thời gian, dung lượng theo quy định	Hình ảnh, clip chưa rõ, chưa thể hiện tốt nội dung. Chèn nhạc, âm lượng không phù hợp. Thời gian, dung lượng không theo đúng quy định	Hình ảnh, âm thanh chưa thể hiện tốt nội dung.		

RUBIC 3. Rubric đánh giá bài thi kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Chọn một trong hai hình thức: trắc nghiệm hoặc tự luận						
+ Hình thức: Trắc nghiệm khách quan + Số lượng câu hỏi: 20 câu	100	Làm đúng từ 17 → 20	Làm đúng từ 14 → 16	Làm đúng từ 11 → 13	Làm đúng từ 8 → 10	Làm đúng từ 0 → 7

+ Thời gian thi: 20 phút. + Nội dung: Chương 1; chương 2; chương 3 và chương 4. (SV được sử dụng tài liệu)			câu trắc nghiệm (85%-100%)	câu trắc nghiệm (70% - 84%)	câu trắc nghiệm (55% - 69%)	câu trắc nghiệm (40% - 54%)	câu trắc nghiệm (<40%)
+ Hình thức: tự luận + Số lượng câu hỏi: 2 câu + Thời gian thi: 60 phút + Nội dung: Chương 1; chương 2; chương 3 và chương 4. (SV được sử dụng tài liệu)	Khung lý thuyết	60%	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu câu hỏi.	Trả lời cơ bản đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng không nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được đa số câu hỏi, nhưng nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được câu hỏi và không nêu được định hướng phù hợp.
	Vận dụng	40%	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-84% yêu cầu	Đáp ứng 55%-69% yêu cầu	Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu

RUBIC 4: Rubric đánh giá kết thúc học phần

4.1. Rubric đánh giá bài thi trắc nghiệm

CĐR	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
			A	B	C	D	F
			8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	+ Hình thức: Trắc nghiệm khách quan + Số lượng câu hỏi: 50 câu + Thời gian thi: 50 phút. + Nội dung: Toàn bộ chương trình (SV được sử dụng tài liệu)	100%	Làm đúng từ 43 → 50 câu trắc nghiệm (85%-100%)	Làm đúng từ 35 → 42 câu trắc nghiệm (70%-84%)	Làm đúng từ 28 → 34 câu trắc nghiệm (55%-69%)	Làm đúng từ 20 → 27 câu trắc nghiệm (40%-54%)	Làm đúng từ 0 → 19 câu trắc nghiệm (Dưới 40%)

4.2. Rubric đánh giá Bài thu hoạch

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
+ Hình thức: Bài thu hoạch + Số lượng câu hỏi: 2 câu, được sử dụng tài liệu. + Thời gian thi: 24 giờ.	100	Bài viết thể hiện những ý tưởng rất sáng tạo với những lập luận rất xác đáng, có những minh chứng rất thuyết phục và thể hiện quan điểm cá nhân rất rõ ràng. Bài viết trả lời rất đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi.	Bài viết thể hiện những ý tưởng sáng tạo với những lập luận xác đáng, có những minh chứng thuyết phục và thể hiện quan điểm cá nhân rõ ràng. Bài viết trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi.	Bài viết ít thể hiện những ý tưởng sáng tạo với ít những lập luận xác đáng, có ít minh chứng thuyết phục và ít thể hiện quan điểm cá nhân. Bài viết trả lời khá đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả yêu cầu của đề thi.	Bài viết ít thể hiện những ý tưởng sáng tạo với ít những lập luận xác đáng, không có những minh chứng thuyết phục và không thể hiện quan điểm cá nhân. Bài viết trả lời chưa đầy đủ những yêu cầu của đề thi nhưng nếu được định hướng phù hợp với những yêu cầu chưa trả lời được.	Bài viết không thể hiện những ý tưởng sáng tạo, không có những lập luận xác đáng, không có minh chứng thuyết phục và không thể hiện quan điểm cá nhân. Bài viết thể hiện chưa đầy đủ những yêu cầu của đề thi và không nếu được định hướng phù hợp với những yêu cầu chưa trả lời được.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. Hiệu trưởng
 Phó Trưởng phòng
 Phụ trách Phòng QLKH

PGS.TS Phan Thị Hằng Nga

Trưởng khoa

Lại Văn Nam

Trưởng bộ môn

Trần Hạ Long



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Tiếng Việt thực hành
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Vietnamese Language in Practice
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011138
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	150
- Lý thuyết:	30
- Bài tập, thảo luận:	15
- Thực hành:	0
- Tự học:	105
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần Tiếng Việt Thực hành cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ tiếng Việt trên các bình diện ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng; đồng thời rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, sửa các lỗi ngôn ngữ tiếng Việt, thực hành soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng tiếng Việt; có thể chữa lỗi ngôn ngữ ở các cấp độ từ chính tả, dùng từ, câu; soạn thảo và sửa lỗi văn bản; phân tích, giải thích được các hiện tượng ngôn ngữ trong đời sống. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng vào công việc văn phòng, giảng dạy ngôn ngữ, biên phiên dịch ...

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

- Hiểu được các đặc điểm chính tả, chữ viết tiếng Việt.
- Hiểu được đặc điểm cấu tạo từ tiếng Việt, cách tìm hiểu các lớp nghĩa của từ, các phương thức tạo từ trong tiếng Việt.
- Hiểu được đặc điểm các phong cách ngôn ngữ văn bản tiếng Việt; đặc điểm, thể thức trình bày các loại văn bản hành chính thông dụng.

Về kĩ năng:

- Chữa lỗi chính tả tiếng Việt.
- Lựa chọn từ ngữ đúng và hay; chữa lỗi dùng từ trong văn bản, phân tích được các phương thức tạo từ của các hiện tượng ngôn ngữ trong đời sống.
- Phân tích cấu trúc câu, sửa lỗi câu trong văn bản.
- Soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Có ý thức chủ động trong việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Có sự so sánh đối chiếu giữa tiếng Việt và ngoại ngữ đang học, từ đó vận dụng trong quá trình học tập các môn chuyên ngành ngoại ngữ.
- Nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, trong học tập và nghiên cứu, đặc biệt là trong các môi trường cơ quan, công sở và mọi mặt của đời sống xã hội.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Hiểu được các đặc điểm chính tả, chữ viết tiếng Việt
CLO2	Hiểu được đặc điểm cấu tạo, cách tìm hiểu các lớp nghĩa của từ, các phương thức tạo từ
CLO3	Hiểu được chức năng, cấu trúc, đặc trưng của câu tiếng Việt

CLO4	Hiểu được đặc điểm các phong cách ngôn ngữ văn bản; đặc điểm, thể thức trình bày các loại văn bản hành chính thông dụng
CLO5	Chữa lỗi chính tả tiếng Việt
CLO6	Lựa chọn từ ngữ đúng và hay; chữa lỗi dùng từ trong văn bản, phân tích được các phương thức tạo từ của các hiện tượng ngôn ngữ trong đời sống
CLO7	Phân tích cấu trúc câu, sửa lỗi câu trong văn bản
CLO8	Soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng
CLO9	Có ý thức chủ động trong việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt
CLO10	So sánh đối chiếu giữa tiếng Việt và ngoại ngữ đang học, từ đó vận dụng trong quá trình học tập các môn chuyên ngành ngoại ngữ.
CLO11	Nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, trong học tập và nghiên cứu, đặc biệt là trong các môi trường cơ quan, công sở và mọi mặt của đời sống xã hội

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1	I				I				R	
CLO 2	I				I				R	
CLO 3	I				I				R	
CLO 4	I				I				R	
CLO 5	I				I				R	
CLO 6	I				I				R	
CLO 7	I				I				R	
CLO 8	I				I				R	
CLO 9	I				I				R	
CLO 10	I				I				R	
CLO 11	I				I				R	
Tổng hợp học phần	I				I				R	

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	CHƯƠNG 1 RÈN LUYỆN KĨ NĂNG CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT 1. KHÁI QUÁT VỀ CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT 1.1. Khái niệm. 1.2. Nội dung chính tả tiếng Việt. 1.3. Những bất hợp lí trong chính tả tiếng Việt 2. CHỮA LỖI CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT 2.1. Lỗi thanh điệu 2.2. Lỗi phụ âm đầu 2.3. Lỗi âm đệm 2.4. Lỗi âm chính 2.5. Lỗi âm cuối	3	2			12	Thuyết giảng - thảo luận nhóm; thực hiện bài tập mẫu, hướng dẫn SV làm bài tập, sửa bài tập	Đọc trước phần các quy tắc sửa lỗi chính tả Làm các bài tập trắc nghiệm chính tả
Tuần 2:	CHƯƠNG 2	3	2			12	Thuyết giảng - thảo	Đọc trước phần cách

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Từ: Đến...	RÈN LUYỆN KỸ NĂNG DÙNG TỪ 1. TỪ VÀ TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT. 1. 1. Từ tiếng Việt. 1.2. Từ vựng tiếng Việt. 2. NHỮNG YÊU CẦU CƠ BẢN TRONG VIỆC DÙNG TỪ. 2.1. Dùng từ phải đúng với hình thức âm thanh. 2.2. Dùng từ phải đúng ý nghĩa. 2.3. Dùng từ phải đúng ngữ pháp. 2.4. Dùng từ phải đúng phong cách văn bản.						luận nhóm; thực hiện bài tập mẫu, hướng dẫn SV làm bài tập, sửa bài tập	dùng từ, cách sửa lỗi dùng từ Sửa bài tập lỗi dùng từ, lựa chọn cách dùng từ

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẦN THIẾT ĐỂ DỪNG TỪ CHÍNH XÁC 3.1. Phân biệt các nét nghĩa, các sắc thái nghĩa khác nhau giữa các từ đồng nghĩa. 3.2. Phân biệt giá trị biểu đạt của từ Hán - Việt so với từ thuần Việt. 4. CHỮA MỘT SỐ LỖI THÔNG THƯỜNG TRONG VIỆC DỪNG TỪ. 4.1. Chữa lỗi dùng từ sai vô ngữ âm. 4.2. Chữa lỗi chọn							

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	lựa từ. 4.3. Chữa lỗi kết hợp từ							
Tuần 3: Từ: Đến...	CHƯƠNG 3 RÈN LUYỆN KỸ NĂNG VIẾT CÂU 1. CÂU TRONG TIẾNG VIỆT. 1.1. Khái niệm. 1.2. Cấu tạo câu trong tiếng Việt.. 2. CHỮA CÁC LOẠI LỖI THƯỜNG GẶP 2.1. Chữa câu sai về cấu trúc	3	2			12	Thuyết giảng - thảo luận nhóm; thực hiện bài tập mẫu, hướng dẫn SV làm bài tập, sửa bài tập	Đọc trước phần các loại câu sai Làm bài tập sửa lỗi câu sai cấu trúc
Tuần 4: Từ: Đến...	2. CHỮA CÁC LOẠI LỖI THƯỜNG GẶP 2.2. Chữa câu sai logic. 2.3. Chữa câu sai	3	2			12	Thuyết giảng - thảo luận nhóm; thực hiện bài tập mẫu, hướng dẫn	Tìm hiểu câu sai quy chiếu, sai logic, câu mơ hồ Làm bài tập sửa câu sai

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	quy chiếu. 2.3. Câu mơ hồ.						SV làm bài tập, sửa bài tập	
Tuần 5: Từ: Đến...	3. CÁC DẤU CẦU VÀ CÁCH CHỮA LỖI CÁC DẤU CẦU. 3.1. Các dấu câu và cách dùng các dấu câu. 3.2. Chữa lỗi dùng dấu câu.	3	2			12	Thuyết giảng - thảo luận nhóm; thực hiện bài tập mẫu, hướng dẫn SV làm bài tập, sửa bài tập	Phân biệt cách dùng các loại dấu câu Làm bài tập chữa lỗi dùng dấu câu
Tuần 6: Từ: Đến...	CHƯƠNG 4 RÈN LUYỆN KĨ NĂNG XÂY DỰNG VĂN BẢN 1. KHÁI QUÁT VỀ VĂN BẢN. 1.1. Khái niệm 1.2. Nội dung và cấu trúc 1.2. Tiêu đề	3	2			12	Thuyết giảng - thảo luận nhóm; thực hiện bài tập mẫu, hướng dẫn SV làm bài tập, sửa bài tập	Phân biệt các kiểu đoạn văn Cách lập đề cương

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	2. NHỮNG YÊU CẦU CHUNG CỦA MỘT VĂN BẢN. 2.1. Mạch lạc và liên kết. 2.2. Có mục đích giao tiếp thống nhất. 2.3. có kết cấu rõ ràng. 2.4. Có một phong cách ngôn ngữ nhất định. 3. ĐOẠN VĂN, ĐƠN VỊ ĐIỀN HÌNH VÀ CƠ SỞ CỦA VĂN BẢN. 3.1. Khái niệm 3.2. Cấu trúc 3.3. Các kiểu kết cấu 3.4. Phân loại 4. QUI TRÌNH							

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	TẠO LẬP VĂN BẢN. 4.1. Định hướng 4.2. Xây dựng đề cương							
	1. CÁC PHONG CÁCH NGÔN NGỮ 5.1. Phong cách khẩu ngữ 5.2. Phong cách khoa học 5.3. Phong cách báo chí 5.4. Phong cách chính luận 5.5. Phong cách nghệ thuật 5.6. Phong cách hành chính						Thuyết giảng - thảo luận nhóm; thực hiện bài tập mẫu, hướng dẫn SV làm bài tập, sửa bài tập	Tìm hiểu Thông tư số 1/2011/BNV
Tuần 7:	2. THỰC HÀNH SOẠN THẢO	4	1			12	Thuyết giảng - thảo	Tìm mẫu thông báo

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Từ: Đến...	VĂN BẢN HÀNH CHÍNH 6.1. Soạn thảo Thông báo						luận nhóm; thực hiện bài tập mẫu, hướng dẫn SV làm bài tập, sửa bài tập	Tìm lỗi về thể thức và văn phong
	6.2. Soạn thảo Báo cáo						Thuyết giảng - thảo luận nhóm; thực hiện bài tập mẫu, hướng dẫn SV làm bài tập, sửa bài tập	Tìm mẫu báo cáo Tìm lỗi về thể thức và văn phong
Tuần 8: Từ: Đến...	6.3. Soạn thảo Biên bản 6.4. Soạn thảo Đơn từ	4	1			12	Thuyết giảng - thảo luận nhóm; thực hiện bài tập mẫu, hướng dẫn SV làm bài tập, sửa bài	Tìm mẫu biên bản Tìm lỗi về thể thức và văn phong

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
							tập	
							Thuyết giảng - thảo luận nhóm; thực hiện bài tập mẫu, hướng dẫn SV làm bài tập, sửa bài tập	Tìm mẫu Đơn xin việc, Đơn xin chuyển công tác... Tìm lỗi về thể thức và văn phong
Tuần 9: Từ: Đến...	ÔN TẬP	4	1			9		
Tổng		30	15			105		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thị Ánh (1999), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Thanh niên.
2. Hà Thúc Hoan (1998), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb tp HCM.
3. Nguyễn Thị Nhân, *Tập bài tập tiếng Việt*

6.2 Tài liệu tham khảo:

1. Cao Xuân Hạo (2002), *Lỗi ngữ pháp và cách khắc phục*, Nxb KHXH.

2. Lê Trung Hoa (2002), *Lỗi chính tả và cách khắc phục*, Nxb KHXH.

3. Hồ Lê (2002), *Lỗi từ vựng và cách khắc phục*, Nxb KHXH.

4. Nguyễn Thị Nhân (2006), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Thể dục Thể thao.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CỜ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	THÁI ĐỘ, CHUYÊN CẦN	Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên Đánh giá thái độ chủ động tích cực trong học tập Giáo viên điểm danh hàng tuần và tính mức độ tham gia phát biểu xây dựng bài của sinh viên trong từng buổi học.	CLO9 CLO11	10%
2	BÀI TẬP NHÓM	Đánh giá kĩ năng thuyết trình Đánh giá khả năng am hiểu kiến thức Đánh giá khả năng tương tác với các thành viên và giảng viên thông qua trả lời phản biện Mỗi nhóm (tối đa 5 người) được 30%phân công chuẩn bị một nội dung ở buổi đầu tiên: xác định lỗi chính tả trong phương ngữ nơi sinh viên sinh sống. Nộp trên Ms Teams trước khi trình bày 2 ngày. Giảng viên sẽ đặt câu hỏi liên quan đến một số nội dung cơ bản trong phần chuẩn bị của nhóm. Nhóm được giao sẽ trả lời. Các thành viên trong lớp nhận xét, đặt câu hỏi.		30%

3	BÀI TẬP CÁ NHÂN	Đánh giá khả năng hiểu kiến thức Đánh giá khả năng suy luận áp dụng thực tế Bài tập thực hành: Tìm văn bản hành chí (có dấu 20%đỏ); Nhận xét cách trình bày (theo 9 phần bắt buộc); Sửa lỗi (nếu có).		20%
4	KIỂM TRA GIỮA KÌ	Đánh giá khả năng phân biệt lỗi Đánh giá khả năng chọn phương án tối ưu Bài tập thực hành: phần sửa lỗi dùng từ.		40%
TỔNG				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CỜ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Thi tự luận 60 phút Nội dung chủ yếu là phiên âm, dùng từ, phần sửa lỗi câu, phần sửa lỗi văn bản GV đã hướng dẫn. Có một số câu hỏi liên hệ thực tiễn (không quá 20%)	Đánh giá về kiến thức: các phương thức tạo từ, chức năng, cấu trúc, đặc trưng của câu tiếng Việt		30%
	Đánh giá về kỹ năng: Phân tích cấu trúc câu, sửa lỗi câu trong văn bản Soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng, Có sự so sánh đối chiếu giữa tiếng Việt và ngoại ngữ đang học		40%
	- Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Nâng cao năng lực sử		30%

	dụng ngôn ngữ trong giao tiếp bằng cách tìm các ví dụ theo yêu cầu, nhận biết lỗi, sửa chữa theo yêu cầu của công việc		
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Không làm việc riêng trong giờ học;
- Nộp bài đúng thời gian quy định;
- Tích cực phát biểu trong giờ học;

8.3 Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1: Bảng Rubric đánh giá điểm chuyên cần:

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ tham dự lớp học theo thời khóa biểu	CLO10	30%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Mức độ tự chủ tham gia các hoạt động học tập trên lớp	CLO10	30%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các tình huống	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các tình	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các tình	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung bài học.

			về nội dung bài học.	huống về nội dung bài học.	huống về nội dung bài học.	
Nghi học	CLO10	40%	Không có lý do hoặc có lý do trên 3 lần.	Có lý do từ 2 đến 3 lần.	Có lý do 1 lần.	Không nghỉ học hoặc bỏ ngang buổi học.

Bảng 2: Bảng Rubric đánh giá Báo cáo sản phẩm làm việc nhóm:

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt 0 – 4.9	Đạt 5.0 – 6.9	Tốt 7.0 – 8.4	Rất tốt 8.5 – 10
Mức độ tham gia thực hiện	CLO10	10%	< 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện/trình bày	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày
Hình thức bài báo cáo	CLO6 CLO10	10%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.	Cách bố cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày	CLO10 CLO6	20%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.
Mức độ trả lời câu hỏi	CLO6 CLO9 CLO10	20%	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.
Nội dung báo cáo	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	40%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội

	CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11		đúng.			đúng.
--	--	--	-------	--	--	-------

Bảng 3: Bảng Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ trắc nghiệm:

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4,9	5,0 – 6,9	7,0 – 8,4	8,5 – 10
Kiến thức cơ bản	CLO1	10%	Trả lời đúng dưới 50% số lượng câu hỏi trong bài kiểm tra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số lượng câu hỏi trong bài kiểm tra	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số lượng câu hỏi trong bài kiểm tra	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số lượng câu hỏi trong bài kiểm tra
	CLO2	20%				
	CLO9	5%				
	CLO10	5%				
	CLO11	5%				
Kiến thức nâng cao	CLO5	20%				
	CLO6	20%				
	CLO9	5%				
	CLO10	5%				
	CLO11	5%				

Bảng 4: Bảng Rubric đánh giá bài thi cuối kỳ (Tự luận):

Tiêu chí	CDR	Cấu trúc điểm thành phần	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
				Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
				0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Phần trắc nghiệm:							
Kiến thức cơ bản	CLO1	10%	50%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
	CLO2	10%					
	CLO3	10%					
	CLO4	20%					
Kiến thức nâng cao	CLO5	20%					
	CLO6	10%					
	CLO7	10%					
	CLO8	10%					
Phần tự luận:							
Kiến thức cơ bản	CLO1	10%	50%				
	CLO2	10%					
	CLO3	10%					
	CLO4	10%					
	CLO9	5%					
	CLO11	5%					
Kiến thức	CLO5	10%					

nâng cao	CLO6	10%					
	CLO7	10%					
	CLO8	10%					
	CLO9	5%					
	CLO10	5%					

Bảng 5: Bảng Rubric đánh giá tiểu luận/bài tập lớn:

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 - 4,9	5,0 - 6,9	7,0-8,4	8,5-10
Nội dung 1: Chữa lỗi chính tả	CLO1 CLO5 CLO9 CLO10 CLO11	5%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Nội dung 2: Chữa lỗi dùng từ	CLO2 CLO6 CLO9 CLO10 CLO11	20%				
Nội dung 3: Chữa lỗi câu	CLO3 CLO7 CLO9 CLO10 CLO11	25%				
Nội dung 4: Chữa lỗi văn bản	CLO4 CLO7 CLO9 CLO10 CLO11	20%				
Nội dung 5: Soạn thảo văn bản	CLO4 CLO7 CLO9 CLO10 CLO11	30%				

Bảng 6: Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần:

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu căn kẽ	Hiểu sâu
		0 - 3,4	3,5 - 4,9	5,0 - 6,9	7,0-8,4	8,5-10
CLO1	5%	Mới thu nhận được một số ít	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một	Hiểu được các thông tin cơ bản	Hiểu khá đầy đủ các	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết.
CLO2	5%					
CLO3	10%					

CLO4	10%	thông tin mang tính rời rạc	số ít thông tin được thu nhận	và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
CLO5	10%					
CLO6	10%					
CLO7	10%					
CLO8	10%					
CLO9	10%					
CLO10	10%					
CLO11	10%					
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

Trưởng khoa

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Tiếng Trung 1
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Chinese 1
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011139
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	150
- Lý thuyết:	30
- Bài tập, thảo luận:	15
- Thực hành:	0
- Tự học:	105
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần này giới thiệu hệ thống ngữ âm tiếng Trung Quốc và cách phát âm tiếng Trung Quốc, cung cấp khoảng 200 từ vựng thuộc nhóm HSK1, các kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các mẫu câu được phát triển với các chủ đề về chào hỏi, làm quen, hỏi thăm, ... Bước đầu rèn luyện cho sinh viên biết cách diễn đạt xử lí các tình huống giao tiếp hàng ngày tương đương trình độ tiệm cận bậc 1 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Học phần được xây dựng nhằm mục tiêu cung cấp kiến thức ngữ pháp cơ bản, phát triển vốn từ vựng, rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ thông qua các tình huống giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giúp người học hình thành phản xạ giao tiếp bằng tiếng Trung ở cấp độ sơ cấp A1 (≈HSK1).

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành học phần, năng lực ngôn ngữ Tiếng Trung của người học đủ để:

- Nghe được các từ, cụm từ, câu nói đơn giản liên quan đến các chủ đề đã học.
- Sử dụng được các cụm từ đơn giản, quen thuộc thường nhật, các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể để tiến hành giao tiếp thực tế.
- Giới thiệu được bản thân và người khác với các câu đơn giản.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	- Nghe được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận và xử lý thông tin.
CLO2	- Trả lời được các câu hỏi đơn giản, diễn đạt đơn giản ý kiến cá nhân liên quan đến các chủ đề đã học hoặc nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày. - Phát âm rõ ràng, chính xác những từ, cụm từ được sử dụng.
CLO3	- Xác định được ý chính các đoạn hội thoại, đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học.
CLO4	- Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc - Viết chính xác các chữ Hán đã học.
CLO5	- Hình thành năng lực tự chủ trong học tập, người học chủ động hợp tác với giáo viên và những người học khác để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
--------------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

của học phần									
CLO 1		R						R	
CLO 2		R						R	
CLO 3		R						R	
CLO 4		R						R	
CLO 5									R
Tổng hợp học phần		R						R	R

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	Bài 1: 问候 (一) 你好! <u>语音</u> 1.1 声母, 韵母 (1)	3	1			10	- <i>Thuyết giảng.</i> - <i>Làm việc nhóm</i> - <i>Thực hành cá nhân.</i>	<i>Sinh viên xem tài liệu “301 câu đàm thoại Tiếng Trung Quốc.</i>

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	1.2 拼音 (1) 1.3 声调 1.4 轻声 1.5 变调 1.6 拼写说明							Nguyễn Thị Minh Hồng dịch” trước khi bắt đầu tiết học.
Tuần 2: Từ: Đến...	Bài 2: 问候 (二) 你身体好吗? <u>语音</u> 2.1 声母, 韵母 (2) 2.2 拼音 (2) 2.3 拼写说明 (2)	3	1			10		Sinh viên xem tài liệu “301 câu đàm thoại Tiếng Trung Quốc, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch” trước khi bắt đầu tiết học.
Tuần 3: Từ: Đến...	Bài 3: 问候 (三) 你工作忙吗 <u>语音</u>	3	1			10		Sinh viên xem tài liệu “301 câu đàm thoại

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	3.1 声母, 韵母 (3) 3.2 拼音 (3) 3.3 拼写说明 (3) 3.4 “不”、“一”的变调 3.5 儿化 3.6 隔音符号							Tiếng Trung Quốc, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch” trước khi bắt đầu tiết học.
Tuần 4: Từ: Đến...	Bài 4: 相识 (一) 你贵姓? <u>语法</u> 4.1 用吗的问句 4.2 用疑问代词的问句 4.3 形容词谓语句	3	1			10		Sinh viên xem tài liệu “301 câu đàm thoại Tiếng Trung Quốc, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch” trước khi bắt đầu tiết học.

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 5: Từ: Đến...	Bài 5: 相识 (二) 我介绍一下儿 <u>语法</u> 5.1 动词谓 语 5.2 表示领 属关系的定 语 5.3 “是” 字句 (1)	3	1			10		Sinh viên xem tài liệu “301 câu đàm thoại Tiếng Trung Quốc, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch” trước khi bắt đầu tiết học.
Tuần 6: Từ: Đến...	Bài 6: 询问 (一) 你的生日是 几月几号? <u>语法</u> 6.1 名词谓 语句 6.2 年、 月、日、星 期的表示法	3	1			10		Sinh viên xem tài liệu “301 câu đàm thoại Tiếng Trung Quốc, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch” trước khi

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	6.3 “....., 好吗?”							<i>bắt đầu tiết học.</i>
Tuần 7: Từ: Đến...	Bài 7: 询问 (二) 我介绍一下儿 <u>语法</u> 7.1 “有”字句 7.2 介词结构	3	1			10		<i>Sinh viên xem tài liệu “301 câu đàm thoại Tiếng Trung Quốc, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch” trước khi bắt đầu tiết học.</i>
Tuần 8: Từ: Đến...	Bài 8: 询问 (三) 现在几点? <u>语法</u> 8.1 钟点的读法 8.2 时间词	3	1			10		<i>Sinh viên xem tài liệu “301 câu đàm thoại Tiếng Trung Quốc, Nguyễn</i>

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
								Thị Minh Hồng dịch” trước khi bắt đầu tiết học.
Tuần 9: Từ: Đến...	Bài 9: 询问 （四） 你住在哪儿？ <u>语法</u> 9.1 连动句 9.2 状语	2	2			10		Sinh viên xem tài liệu “301 câu đàm thoại Tiếng Trung Quốc, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch” trước khi bắt đầu tiết học.
Tuần 10: Từ: Đến...	Bài 10: 询问 （五） 邮局在哪儿？ <u>语法</u> 10.1 方位词	2	2			10		Sinh viên xem tài liệu “301 câu đàm thoại Tiếng Trung

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	10.2 正反疑问句							Quốc, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch” trước khi bắt đầu tiết học.
Tuần 11: Từ: Đến...	语音 -声母, 韵母 - 拼音 - 声调 - 轻声 - 变调 - 拼写说明 - “不”、 “一”的变调 - 儿化 - 隔音符号 语法 - 用吗的问句 - 用疑问代词的问句	2	3			5		Sinh viên xem tài liệu “301 câu đàm thoại Tiếng Trung Quốc, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch” trước khi bắt đầu tiết học.

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	- 形容词谓语句 - 动词谓语句 - 表示领属关系的定语 - “是”字句 - 名词谓语句 - 年、月、日、星期的表示法 - “....., 好吗?” - “有”字句 - 介词结构 - 钟点的读法 - 时间词 - 连动句 - 状语 - 方位词							

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	- 正反疑问句							
TỔNG		30	15			105		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

1. 301 câu đàm thoại Tiếng Trung Quốc, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch, Nhà xuất bản Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, năm 2018.
2. Giáo trình chuẩn HSK 1, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, năm 2015.
3. Hi! China, Nguyễn Thị Minh Hồng dịch, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, năm 2020.

6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

1. Luyện nói tiếng Trung Quốc cấp tốc cho người mới bắt đầu Tập 1 Nguyễn Thị Minh Hồng dịch, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, năm 2019.
2. 301 câu đàm thoại Tiếng Hoa, Trương Văn Giới – Lê Khắc Kiều Lục biên dịch, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, năm 2021.
3. Giáo trình Hán ngữ Tập 1, Trương Văn Giới – Lê Khắc Kiều Lục biên dịch, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, năm 2012.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Chuyên cần	+ Tham gia đầy đủ các buổi học: 11 buổi + Điểm: 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, là điểm tổng của các buổi sinh viên đến lớp.	CLO5	25%
2	Bài tập trên lớp	+ Hoàn thành đủ bài tập cuối mỗi bài học. + Điểm: 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, là điểm trung bình của các bài kiểm tra	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	25%
3	Thi tự luận	+ Thời gian: 60 phút + Nội dung: 1. Điền trống: 10 câu x 0.2 = 2.0 điểm 2. Đặt câu: 4 câu x 0.4 = 2.0 điểm 3. Sắp xếp câu: 4 câu x 0.5 = 2.0 điểm 4. Đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi: 5 câu x 0.4 điểm = 2.0 điểm 5. Dịch các câu sang tiếng Trung. 2.0 điểm + Thời gian thực hiện: Tuần thứ 11 + Điểm: 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	50%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
----------------------	-------	-----------------------	--------------------------

BÀI THI TRẮC NGHIỆM, TỰ LUẬN Bài thi 90 phút, bao gồm 6 phần với 33 câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. Nội dung đề thi là kiến thức đã học môn học.	1. Điền từ vào chỗ trống 10 câu x 0.1 = 2.0 điểm 2. Hoàn thành câu 05 câu x 0.4 = 2.0 điểm 3. Chọn đáp án đúng 05 câu x 0.2 = 1.0 điểm 4. Sắp xếp câu: 05 câu x 0.4 = 2.0 điểm) 5. Đọc hiểu 04 câu x 0.25 điểm = 1 điểm 6. Dịch Trung/Việt-Việt/ Trung 04 câu x 0.5 điểm = 2 điểm + Thời gian thực hiện: theo lịch thi của trường + Điểm: 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	100%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Tôn trọng giảng viên và bạn bè.
- Tích cực đóng góp xây dựng bài.
- Không làm việc riêng trong giờ học.
- Nộp bài đúng thời gian quy định.
- Sinh viên sẽ phải thực hiện các bài đánh giá quá trình đúng qui định và thời hạn, nếu không sẽ không có điểm quá trình.

- Sinh viên có thể liên hệ với giảng viên qua email (nếu có thắc mắc cần trao đổi thêm ngoài giờ).

8.3 Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

KẾT QUẢ HỌC TẬP				
Tiêu chí đánh giá	Giỏi	Khá	Trung bình	Kém/Không đạt
Điểm	8.5 - 10	7 - 8	5 - 6	< 5
Chuyên cần	Đi đầy đủ hoặc vắng 1 buổi học.	Vắng 2 buổi.	Vắng 3 buổi.	Vắng 4 -5 buổi.
Bài tập trên lớp	Hoàn thành đầy đủ và chính xác bài tập của 100% số bài học đã.	Hoàn thành đầy đủ và chính xác bài tập của 70%-80% số bài học.	Hoàn thành đầy đủ và chính xác bài tập của 60%-70% số bài đã học.	Hoàn thành đầy đủ và chính xác bài tập của dưới 50% số bài đã học.
Đánh giá bài thi giữa kỳ	- Hoàn thành tốt 90%-100% các câu hỏi tự luận.	- Hoàn thành tốt 70%-80% các câu hỏi tự luận.	- Hoàn thành tốt 60%-70% các câu hỏi tự luận.	- Hoàn thành từ 50% các câu hỏi tự luận.
Đánh giá chung thông qua bài thi cuối kỳ	- Hoàn thành tốt 90%-100% các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. - Bài thi không có lỗi sai từ	- Hoàn thành tốt 70%-80% các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. - Bài thi không có lỗi sai từ ngữ, ngữ	- Hoàn thành tốt 60%-70% các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. - Bài thi không có lỗi sai từ ngữ, ngữ	- Hoàn thành từ 50% các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. - Bài thi có trên 10 lỗi sai .

	ngữ, ngữ pháp hoặc chỉ sai 1-2 lỗi.	pháp hoặc chỉ sai 3-5 lỗi.	pháp hoặc chỉ sai 5- 10 lỗi.	
--	---	-------------------------------	---------------------------------	--

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH



PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

Trưởng khoa



TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

Trưởng bộ môn



TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị học
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Management
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học, Chương trình chuẩn
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	010033
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	45
- Lý thuyết:	30
- Bài tập, thảo luận:	15
- Thực hành:	0
- Tự học:	105
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn quản trị cơ sở/Khoa QTKD
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị học là học phần nghiên cứu các chức năng quản trị trong tổ chức bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Đồng thời, học phần này tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức.

Hình thức tổ chức dạy học: sinh viên học lý thuyết trên lớp với giảng viên; đồng thời thực hành những kỹ năng quản trị thông qua các bài tập, thảo luận nhóm với sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

Sau khi học xong học phần, người học hình thành được kiến thức lý thuyết và thực tế tổng quan về hoạt động quản trị của tổ chức như phân tích môi trường quản trị, công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc. Bên cạnh các kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Trình bày được các đặc điểm của quản trị, vai trò và kỹ năng của nhà quản trị trong tổ chức.
CLO2	Trình bày được các chức năng của nhà quản trị trong tổ chức.
CLO3	Phân tích được sự tác động của các yếu tố môi trường quản trị đến hoạt động của tổ chức.
CLO4	Áp dụng được các kiến thức, kỹ năng quản trị để đưa ra quyết định trong một số tình huống liên quan đến các chức năng của nhà quản trị.
CLO5	Có tinh thần trách nhiệm, hợp tác trong thực hiện công việc của cá nhân và của nhóm để giải quyết các tình huống quản trị trong tổ chức.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1	I									
CLO 2	I									
CLO 3	I									
CLO 4					I					
CLO 5										R
Tổng hợp học phần	I				I					R

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ	4	0	0	0	5	Thuyết giảng và thảo luận	- Đọc tài liệu [1,2,3,4,5]

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	1.1. Công việc ngày nay và Quản trị 1.2. Tổ chức và phân loại tổ chức 1.3. Nhà quản trị 1.4. Một số đặc điểm của quản trị							
Tuần 2	CHƯƠNG 2: CÁC LÝ THUYẾT QUẢN TRỊ 2.1. Các lý thuyết quản trị cổ điển 2.2. Các lý thuyết quản trị thuộc trường phái quản trị 2.3. Các lý thuyết quản trị hiện đại	4	0	0	0	5	Thuyết giảng và thảo luận	- Đọc tài liệu [1,2,3,4,5]
Tuần 3	CHƯƠNG 3: MÔI TRƯỜNG QUẢN TRỊ 3.1. Môi	4	0	0	0	5	Thuyết giảng và thảo luận	- Đọc tài liệu [1,2,3,4,5]

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	trường và tính phức tạp của môi trường 3.2. Môi trường bên ngoài 3.3. Môi trường bên trong 3.4. Nghiên cứu môi trường quản trị							
Tuần 4	CHƯƠNG 4: RA QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ 4.1. Quyết định quản trị 4.2. Quá trình quyết định quản trị 4.3. Các vấn đề liên quan khi ra quyết định quản trị	4	0	0	0	5	Thuyết giảng và thảo luận	- Đọc tài liệu [1,2,3,4,5]
Tuần 5	CHƯƠNG 5: HOẠCH ĐỊNH 5.1. Khái niệm, phân loại và tầm	4	0	0	0	5	Thuyết giảng và thảo luận	- Đọc tài liệu [1,2,3,4,5]

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	quan trọng của hoạch định 5.2. Hoạch định chiến lược 5.3. Mô hình và công cụ Hoạch định chiến lược 5.4. Kế hoạch tác nghiệp							
Tuần 6	CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC 6.1. Chức năng tổ chức và cơ cấu tổ chức 6.2. Các thuộc tính cơ bản của cơ cấu tổ chức 6.3. Thiết kế cơ cấu tổ chức 6.4. Các mô hình cơ cấu tổ chức phổ biến	4	0	0	0	10	Thuyết giảng và thảo luận	- Đọc tài liệu [1,2,3,4,5]
Tuần 7	CHƯƠNG 7: LÃNH ĐẠO 7.1. Bản chất của lãnh đạo	3	0	1	0	10	Thuyết giảng và thảo luận	- Đọc tài liệu [1,2,3,4,5]

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	7.2. Các lý thuyết về lãnh đạo 7.3. Động lực 7.4. Xung đột							
Tuần 8	CHƯƠNG 8: KIỂM SOÁT 8.1. Kiểm soát và các vấn đề liên quan 8.2. Các hình thức kiểm soát 8.3. Quy trình kiểm soát 8.4. Công cụ kiểm soát	3	0	1	0	10	Thuyết giảng và thảo luận	- Đọc tài liệu [1,2,3,4,5]
Tuần 9	Thuyết trình/ Thảo luận (Các chủ đề chương 3,4)	0	0	4	0	15	Thuyết trình theo các nhóm chính thức (gồm 5-7 sv) những chủ đề đã phân công.	Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm
Tuần 10	Thuyết trình/ Thảo luận (Các chủ đề chương 5,6)	0	0	4	0	15	Thuyết trình theo các nhóm chính thức (gồm 5-7 sv) những chủ đề đã phân công.	Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 11	Thuyết trình/ Thảo luận (Các chủ đề chương 7,8). Hướng dẫn tổng kết, ôn tập	0	0	5	0	20	Thuyết trình theo các nhóm chính thức (gồm 5-7 sv) những chủ đề đã phân công.	Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm
TỔNG		30	0	15	0	105		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

- (1) Cảnh Chi Hoàng (2021), *Giáo trình Quản trị học*, Trường Đại học Tài chính Marketing, Lưu hành nội bộ.
- (2) Ricky Griffin (2018) *Fundamentals of Management*, South-Western Cengage Learning.

6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- (3) Khoa QTKD, *Quản trị học*, Trường Đại học Kinh Tế TP HCM, NXB Kinh tế TP HCM, 2015.
- (4) Harold Koontz và cộng sự (1998), *Những cốt yếu của quản lý*, Nxb Khoa học Kỹ thuật Hà Nội.
- (5) Phan Thăng & Nguyễn Thanh Hội (2012), *Quản trị học*, Nxb Hồng Đức.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Tham dự và tranh luận Tham dự lớp học, trao đổi, thảo luận, đóng góp trong lớp.	Đánh giá sự chuyên cần trong học tập, tích cực đóng góp tham gia hoạt động nhóm xây dựng bài học.	CLO5	20%
2	Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra giữa kỳ 45 phút sẽ kiểm tra các kiến thức từ chương 1 đến chương 4, cấu trúc gồm bài trắc nghiệm 50 câu hỏi hoặc bài tự luận.	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, diễn giải một vấn đề cụ thể của môn học.	CLO1 CLO2 CLO3	10%
		Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ giải quyết vấn đề thực tế.	CLO4	20%
3	Thảo luận nhóm Mỗi nhóm được phân chia một chủ đề cụ thể trong phạm vi môn học. Số lượng thành viên nhóm từ 3-5 SV. Thời gian trình bày 20 phút và tương tác phản biện trước lớp 10 phút. Điểm đánh giá bao gồm điểm chung của nhóm và điểm của từng cá nhân. Các nhóm phải nộp bài tập nhóm (file word và ppt)	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của sinh viên các nhóm.	CLO1 CLO2 CLO3	20%
		Đánh giá khả năng tương tác trực tiếp giữa sinh viên với nhau, kỹ năng giao tiếp với đám đông và với giảng viên.	CLO4	20%
		Đánh giá quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn và tổ chức cá nhân được phối hợp.	CLO5	10%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60 % trong điểm học phần

Đánh giá kết thúc học phần sử dụng hình bài thi trắc nghiệm hoặc bài tiểu luận.

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Hình thức 1 Bài thi Trắc nghiệm Thời gian 60 phút làm bài bao gồm 50 câu hỏi trắc nghiệm. Nội dung đề thi nằm trong các bài học, bài tập đã trao đổi trên lớp và những nội dung tự nghiên cứu mà GV giao cho SV.	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hoá và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề cụ thể của môn học.	CLO1 CLO2 CLO3	50%
	Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề quản trị.	CLO4	30%
	Đánh giá khả năng sáng tạo, tư duy logic, năng lực tự nghiên cứu, mở rộng nội dung môn học.	CLO5	20%
Hình thức 2 Bài tiểu luận			
Thời gian hoàn thành 14 ngày kể từ ngày giao nhiệm vụ. Tiểu luận được thực hiện theo nhóm với số lượng tối đa 5 SV. Các chủ đề tiểu luận liên quan đến các chức năng quản trị tại một doanh nghiệp cụ thể mà sinh viên chọn để phân tích thực trạng,	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hoá và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề cụ thể của tại doanh nghiệp.	CLO1 CLO2 CLO3	50%
	Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề quản trị tại doanh nghiệp cụ thể.	CLO4	30%
	Đánh giá khả năng sáng	CLO5	20%

từ đề xuất ý kiến quan điểm dưới góc nhìn của nhóm.	tạo, tư duy logic, năng lực tự nghiên cứu, mở rộng vấn đề.		
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

(các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ ...)

8.1 Quy định về tham dự lớp học

8.2 Quy định về hành vi lớp học

8.3 Quy định về học vụ

9. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1. Rubric đánh giá tham dự và tranh luận

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Kém
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Yếu	
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 3 điểm	2 – 0 điểm
Mức độ tham dự theo TKB	50%	Tham dự từ 80% buổi học trở lên	Tham dự từ 70 - dưới 80% buổi học	Tham dự từ 50 - dưới 70% buổi học	Tham dự 30% - dưới 50% buổi học	Tham dự dưới 30% buổi học
Mức độ tranh luận, tham gia các hoạt động học tập	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Chủ động đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Chủ động đặt/trả lời > 1 câu hỏi	Chỉ trả lời 1 câu hỏi khi được hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời

Bảng 2. Rubric đánh giá bài trắc nghiệm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Yếu	Kém
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 3 điểm	2 – 0 điểm
Số lượng câu trả lời đúng	100%	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70% - dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50% - dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng 30% - dưới 50% yêu cầu	Đáp ứng dưới 30% yêu cầu

Bảng 3. Rubric đánh giá bài tập Thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Yếu	Kém
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 3 điểm	2 – 0 điểm
Hình thức báo cáo	10%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả	Cẩu thả, sai quy định, rất nhiều lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Nói nhỏ, kém tự tin, ít giao lưu người nghe	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe	Không có thái độ tốt khi trình bày, không quan tâm người nghe
Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	40%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50%- 30% yêu cầu	Đáp ứng dưới 30% yêu cầu
Trả lời	20%	Trả lời đúng tất cả các câu	Trả lời đúng trên 2/3 số	Trả lời đúng trên 1/2 số	Trả lời đúng	Trả lời đúng dưới 1/3 số

câu hỏi		hỏi	câu hỏi	câu hỏi	trên 1/3 số câu hỏi	câu hỏi
Tham gia thực hiện	20%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	70%- dưới 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	50%- dưới 70% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Dưới 50%- 30% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Dưới 30% thành viên tham gia thực hiện/ trình bày

Bảng 4. Rubric đánh giá bài tự luận dành cho kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ	Điểm				
		Không đạt	Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
		0 – 2,4	2,5-4,9	5-6,9	7,0-8,4	8,5-10
Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng phân tích, đánh giá một vấn đề cụ thể đặt ra của các câu hỏi có trong đề thi.	40%	Mức độ hiểu biết, khả năng phân tích, đánh giá một vấn đề < 25%	Mức độ hiểu biết, khả năng phân tích, đánh giá một vấn đề từ 25%-49%	Mức độ hiểu biết, khả năng phân tích, đánh giá một vấn đề từ 50%-69%	Mức độ hiểu biết, khả năng phân tích, đánh giá vấn đề từ 70% - 84%	Mức độ hiểu biết, khả năng phân tích, đánh giá vấn đề từ 85%-100% và có mở rộng
Đánh giá kỹ năng nhận dạng, phân tích, đánh giá và ra quyết định quản trị để giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh của công ty.	30%	Vấn đề chưa được giải quyết, hoặc xử lý chưa đúng	Vấn đề giải quyết sơ xài hoặc xử lý chưa hợp lý	Vấn đề được giải quyết một cách cơ bản	Vấn đề được giải quyết một cách hợp lý và phù hợp	Vấn đề được giải quyết một cách sáng tạo mang tính đột phá và thuyết phục cao

Đánh giá khả năng tích lũy, phản hồi các kiến thức mới vào trong việc giải quyết các vấn đề được đưa ra.	30%	Chưa tích lũy, phản hồi các kiến thức đã học vào trong việc giải quyết các vấn đề	Tích lũy kiến thức sơ xài, rời rạc, mâu thuẫn lẫn nhau	Tích lũy kiến thức cơ bản, có tính hệ thống để giải quyết vấn đề một cách cơ bản, phù hợp.	Hệ thống được kiến thức và áp dụng giải quyết vấn đề một cách hợp lý có tính thuyết phục cao	Hệ thống hoá được kiến thức và áp dụng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, đột phá.
--	-----	---	--	--	--	--

Bảng 5. Rubric đánh giá bài tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Yếu	Kém
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 3 điểm	2 – 0 điểm
Hình thức báo cáo	10%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả	Cẩu thả, sai quy định, rất nhiều lỗi chính tả
Kết cấu báo cáo	10%	Tiểu luận có đủ tất cả các phần theo quy định	Tiểu luận tương đối đầy đủ các phần theo quy định	Tiểu luận thiếu tài liệu tham khảo	Tiểu luận thiếu tài liệu tham khảo, phần mở đầu	Tiểu luận không có đủ tất cả các phần theo quy định

Giới thiệu vấn đề	10%	Phân tích rõ ràng, rất thuyết phục về tính cấp thiết (tầm quan trọng) của vấn đề	Trình bày được về tính cấp thiết (tầm quan trọng) của vấn đề nhưng chưa thuyết phục	Trình bày được nhưng chưa đủ về tính cấp thiết (tầm quan trọng) của vấn đề	Trình bày sơ sài về tính cấp thiết (tầm quan trọng) của vấn đề	Không trình bày được tính cấp thiết (tầm quan trọng) của vấn đề
Cơ sở lý luận (nền tảng/lý thuyết khoa học)	30%	Sử dụng chính xác, rất thuyết phục về lý luận khoa học liên quan	Sử dụng đúng lý luận khoa học liên quan, có sức thuyết phục	Có trình bày lý luận khoa học liên quan, nhưng chưa đủ sức thuyết phục	Có trình bày lý luận khoa học liên quan, nhưng chưa thuyết phục	Không trình bày được lý luận khoa học liên quan
Tổ chức lập luận để giải quyết vấn đề	40%	Lập luận chặt chẽ; minh chứng thuyết phục	Lập luận tương đối chặt chẽ; minh chứng thuyết phục	Lập luận và minh chứng có thể chấp nhận được	Không có logic trong lập luận; thiếu minh chứng	Không có logic trong lập luận; không có minh chứng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2022

TUO. Hiệu trưởng 
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa



PGS.TS Huỳnh Thị Thu Sương

Trưởng bộ môn



TS. Cảnh Chí Hoàng

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

PHU THUAN PHONG
PHU THUAN PHONG

PHU THUAN PHONG

PHU THUAN PHONG

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Tin Học ứng dụng
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Applied Informatics
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	ứng dụng
1.5 Mã học phần:	11322
1.6 Số tín chỉ:	4 (1LT+2 THTH+ 1THPM)
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	15
- Thực hành tích hợp	30
- Bài tập, thảo luận:	0
- Thực hành:	30
- Tự học:	125
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Khoa Công nghệ thông tin, Bộ môn Cơ sở
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Đạt kỳ thi kiểm tra kiến thức tin học cơ bản cho tân sinh viên
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

- Học phần Tin học ứng dụng phát triển kỹ năng soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật, đúng quy cách; cách trình bày báo cáo khoa học; soạn bài thuyết trình ấn tượng; xử lý dữ liệu với bảng tính, phân tích dữ liệu, tìm kiếm tài liệu trên Internet. Thông qua học phần này, người học có thể phát triển các kỹ năng số như khai thác không gian đám mây; sử dụng các phần mềm trực tuyến; thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức thích ứng Cách mạng

công nghiệp 4.0 như chuyển đổi số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ nổi bật khác trong kỷ nguyên số

- Bên cạnh đó, học phần Tin học ứng dụng đảm bảo cung cấp các kiến thức hỗ trợ chuẩn đầu ra Tin học của trường.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Học phần Tin học ứng dụng được xây dựng để hỗ trợ sinh viên phát triển nâng cao các kỹ số năng số cần thiết như soạn thảo văn bản dùng kỹ thuật; thiết kế báo cáo khoa học đạt chuẩn; soạn bài thuyết trình ấn tượng; khai thác xử lý dữ liệu với bảng tính, tìm kiếm tài liệu trên Internet hiệu quả, từ đó ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này. Bên cạnh đó, sinh viên còn vận dụng được các kiến thức và kỹ năng cần thiết như khai thác sử dụng không gian đám mây (cloud); sử dụng các phần mềm trực tuyến (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến (online survey) và thu thập, xử lý kết quả khảo sát để thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

3.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức

- Hiểu được các khái niệm về mạng máy tính, truyền thông điện tử. Ứng dụng được các phương pháp tìm kiếm thông tin trên Internet vào công việc thực tế;
- Hiểu được các khái niệm về xu hướng và công nghệ nổi bật trong kỷ nguyên số như chuyển đổi số (Digital Transformation), dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), điện toán đám mây (Cloud Computing), chuỗi khối (Blockchain), Internet vạn vật (Internet of Things) cũng như các công nghệ khác;
- Phát triển các kỹ thuật soạn thảo văn bản nâng cao với Microsoft Word. Liên hệ các kỹ thuật này trong quá trình soạn văn bản, hợp đồng, báo cáo công việc, soạn thảo tài liệu dài đúng quy cách của báo cáo khoa học, ... ;
- Phân biệt được các kỹ thuật tạo tập tin trình chiếu chuyên nghiệp, gây ấn tượng với Microsoft PowerPoint. Áp dụng được các kỹ thuật này vào công việc thực tế;
- Liên hệ được hàm lệnh của Microsoft Excel, công cụ phân tích dữ liệu, phân tích nếu - thì vào công việc thực tế, hỗ trợ trong việc ra quyết định kinh doanh;
- Hiểu được không gian đám mây; sử dụng được các phần mềm trực tuyến (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến và thu thập, xử lý kết quả khảo sát, chia sẻ dữ liệu trực tuyến, tạo lập các hội thảo trực tuyến, ...

Kỹ năng

- Liên hệ được kiến thức về mạng máy tính, truyền thông điện tử, các phương pháp tìm kiếm thông tin trên Internet vào công việc thực tế

- Thành thạo trong việc soạn thảo văn bản trong công việc cụ thể
- Thành thạo trong việc tạo tập tin trình chiếu gây ấn tượng
- Liên hệ được các hàm lệnh Excel vào công việc thực tế hỗ trợ cho việc ra quyết định kinh doanh
- Vận dụng được phần mềm trực tuyến (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến và thu thập, xử lý kết quả khảo sát
- Rèn luyện các kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng tìm kiếm thông tin, kỹ năng thích ứng,...

Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- Rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu, ...
- Ý thức về việc phát triển năng lực chuyên môn của cá nhân.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
	Kiến thức
CLO1	Hiểu được các khái niệm về mạng máy tính, truyền thông điện tử. Liên hệ được các phương pháp tìm kiếm thông tin trên Internet vào công việc thực tế
CLO2	Hiểu được các khái niệm về xu hướng và công nghệ nổi bật trong kỷ nguyên số như chuyển đổi số (Digital Transformation), dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), điện toán đám mây (Cloud Computing), chuỗi khối (Blockchain), Internet vạn vật (Internet of Things) cũng như các công nghệ khác.
CLO3	Phân biệt được các kỹ thuật soạn thảo văn bản nâng cao với Microsoft Word. Liên hệ được các kỹ thuật này trong quá trình soạn văn bản, hợp đồng, báo cáo công việc, soạn thảo tài liệu dài đúng chuẩn báo cáo khoa học,....
CLO4	Phân biệt được các kỹ thuật tạo tập tin trình chiếu gây ấn tượng với Microsoft PowerPoint.
CLO5	Liên hệ được các hàm của MS Excel, các công cụ phân tích dữ liệu vào công việc thực tế, hỗ trợ trong việc ra quyết định kinh doanh
CLO6	Hiểu được không gian đám mây; sử dụng được các phần mềm trực tuyến (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến và thu thập, xử lý kết quả khảo sát
	Kỹ năng
CLO7	Áp dụng được kiến thức về mạng máy tính, truyền thông điện tử, các phương pháp tìm kiếm thông tin trên Internet vào công việc thực tế
CLO8	Thành thạo trong việc soạn thảo văn bản trong công việc cụ thể

CLO9	Thành thạo trong việc tạo tập tin trình chiếu gây ấn tượng
CLO10	Liên hệ được các hàm lệnh Excel, các công cụ phân tích dữ liệu vào công việc thực tế, hỗ trợ trong việc ra quyết định kinh doanh
CLO11	Áp dụng được phần mềm trực tuyến (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến và thu thập, xử lý kết quả khảo sát
CLO12	Rèn luyện các kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian
	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm
CLO13	Có năng lực tự học, tự nghiên cứu
CLO14	Có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả
CLO15	Đánh giá kết quả đã thực hiện và tự ý thức về việc phát triển năng lực chuyên môn của cá nhân
CLO16	Thiện chí khi giải quyết các mâu thuẫn
CLO17	Tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập và thảo luận

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1		R								
CLO 2		R								
CLO 3		M								
CLO 4		M								
CLO 5		M								
CLO 6		R								
CLO 7		R								
CLO 8		M								
CLO 9		M								
CLO 10		M								
CLO 11		R								
CLO 12		R								
CLO 13		M								
CLO 14		R								
CLO 15		R								
CLO 16		M								
CLO 17		M								
Tổng hợp học phần		R								

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.

- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức năng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ lớn đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1	Giới thiệu học phần: kế hoạch học tập, đề cương học phần, tài liệu tham khảo, cách đánh giá... Chương 1: MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG ĐIỆN TỬ 1.1. Tổng quan về mạng máy tính 1.2. Phân loại mạng máy tính 1.3. Địa chỉ mạng trên Internet 1.4. Thuật ngữ liên quan Internet 1.5. Cách tìm kiếm trên Internet <i>1.5.1. Tìm kiếm thông thường với Google</i> <i>1.5.2. Sử dụng chức năng tìm kiếm nâng cao</i> <i>1.5.3. Lưu trữ thông tin</i> 1.6. Sử dụng dịch vụ lưu trữ trực tuyến Google Drive, OneDrive <i>1.6.1. Dịch vụ lưu trữ Google Drive</i>	2	2	0	1	10	Phương pháp giảng dạy chủ động: động não, tổ chức học tập theo nhóm	Xem trước giáo trình chương 1 và các tài liệu tham khảo về mạng máy tính và truyền thông điện tử

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	1.6.2. Dịch vụ lưu trữ OneDrive							
Tuần 2- 5	Chương 2: SOẠN THẢO VĂN BẢN VỚI MS.WORD 2.1. Giới thiệu 2.2. Ôn các kiến thức đại cương như: - Một số nguyên tắc khi soạn thảo văn bản - Các chế độ hiển thị - Các thao tác cơ bản: tạo mới, mở, lưu trữ - Chia sẻ tài liệu - Sử dụng trợ giúp - Biên tập tài liệu: sử dụng Undo/Redo, Format Painter, Tìm, thay thế, di chuyển - Định dạng ký tự - Chèn ký tự đặc biệt - In tài liệu 2.3. Định dạng văn bản 2.3.1. Định dạng chỉ mục và liệt kê 2.3.2. Điểm canh cột 2.3.3. Văn bản dạng cột 2.3.4. Đường viền và đánh bóng 2.3.5. Quản lý định dạng 2.4. Thêm minh họa cho tài liệu 2.4.1. Chèn đối tượng đồ họa như: WordArt, Chart,	3	7	0	10	30	Phương pháp giảng dạy chủ động: động não, tổ chức học tập theo nhóm	Xem trước giáo trình chương 2 và các tài liệu tham khảo nội dung về Microsoft Word

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	<i>Shape, Textbox, Picture, Diagram. Equation, ...</i> 2.4.2. Sắp xếp, gom nhóm, cố định đối tượng 2.4.3. Vị trí đối tượng với văn bản 2.5. Bảng biểu trong MS. Word 2.5.1. Tạo mới bảng 2.5.2. Hiệu chỉnh bảng 2.5.3. Nhúng bảng dữ liệu MS Excel vào Word 2.6. Định dạng các trang tài liệu 2.6.1. Sử dụng viền trang và tô màu 2.6.2. Thêm hình mờ (Watermark) 2.6.3. Phân trang, số trang, tiêu đề đầu trang, cuối trang 2.7. Kiểm duyệt tài liệu 2.7.1. Kiểm tra chính tả và ngữ pháp tiếng Anh 2.7.2. Sử dụng từ điển đồng nghĩa 2.7.3. Chèn ghi chú, chú thích 2.7.4. Tùy biến AutoCorrect, AutoText 2.8. Quản lý các phiên bản tài liệu 2.8.1. Tạo phiên bản cho tài liệu							

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	<i>2.8.2. Quản lý phiên bản của tài liệu</i> <i>2.8.3. So sánh các phiên bản</i> 2.9. Bảo mật tài liệu <i>2.9.1. Cập nhật thuộc tính của tài liệu</i> <i>2.9.2. Loại bỏ thông tin cá nhân</i> <i>2.9.3. Hạn chế thao tác biên tập tài liệu</i> <i>2.9.4. Thêm chữ ký điện tử cho tài liệu</i> <i>2.9.5. Đặt mật khẩu cho tài liệu</i> <i>2.9.6. Hạn chế việc truy xuất tài liệu</i> 2.10. Trộn thư (Mail Merge) 2.11. Kiểu trình bày và mục lục tự động 2.12. Các chức năng khác 2.13. Chuyển đổi: trình bày báo cáo khoa học							
Tuần 6,7	Chương 3: TRÌNH CHIẾU VỚI MS POWERPOINT 3.1. Đại cương về MS.PowerPoint <i>3.1.1. Cửa sổ giao diện</i> <i>3.1.2. Hiện thị tập tin trình chiếu</i> 3.2. Tạo và lưu bản trình chiếu	2	4	0	4	17	Phương pháp giảng dạy chủ động: động não, tổ chức học tập theo nhóm	Xem trước giáo trình chương 3 và các tài liệu tham khảo nội dung về Microsoft PowerPoint

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	3.2.1. Tạo bảng trình chiếu - AutoContent Wizard - Design Template - Blank Presentation - Existing Presentation 3.2.2. Lưu bài trình chiếu 3.3. Làm việc với các slide 3.3.1. Cập nhật nội dung văn bản 3.3.2. Tont chữ mặc định 3.3.3. Thay đổi khoảng cách dòng, đoạn văn 3.3.4. Canh chỉnh nội dung trong văn bản 3.3.5. Chèn thêm đối tượng vào slide 3.4. Các thao tác trên slide 3.4.1. Thêm slide 3.4.2. Xóa slide 3.4.3. Sao chép slide 3.4.4. Sắp xếp slide 3.4.5. Ẩn slide 3.4.6. Làm việc với Slide Master 3.5. Tạo hiệu ứng 3.5.1. Tạo hiệu ứng trên các đối tượng 3.5.2. Thiết lập chuyển tiếp giữa các slide 3.5.3. Tạo liên kết với tập tin, email, các trang web							

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	3.5.4. Thiết lập chế độ trình diễn hai màn hình 3.6. In ấn 3.7. Các chức năng khác							
Tuần 8-12	Chương 4: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH MS. EXCEL 4.1. Giới thiệu 4.2. Ôn các kiến thức đại cương như: - Cấu trúc bảng tính - Thao tác cơ bản như thao tác với Workbook, Worksheet, thao tác trên dòng, cột, chú thích, chia sẻ bảng tính. - Thao tác với dữ liệu như tham chiếu ô, các kiểu dữ liệu, định dạng dữ liệu, sao chép giữa các Cells – Sheets, đóng khung, sao chép với tham số đặc biệt, ... - Một số hàm cơ bản như: ✓ Hàm xử lý chuỗi (hàm Left, Right, Mid, Len, Trim, Value, Upper, Lower, Proper) ✓ Hàm toán học (hàm ABS, INT, MOD, Product, Round, Sum) ✓ Hàm thống kê (hàm Average, Max, Min, Rank, CountBlank, Count, CountA)	4	10	0	11	40	Phương pháp giảng dạy chủ động: động não, tổ chức học tập theo nhóm	Xem trước giáo trình chương 4 và các tài liệu tham khảo nội dung về Microsoft Excel

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	✓ Hàm ngày giờ (hàm Now, Today, Day, Month, Year, Time, Hour, Minute, Second) ✓ Hàm luận lý (hàm And, Or, Not, IF) 4.3. Thao tác với dữ liệu 4.3.1. Sắp xếp dữ liệu 4.3.2. Chức năng Filter 4.3.3. Liên kết dữ liệu 4.4. In ấn 4.4.1. Định dạng trang in - Tạo tiêu đề cột, tiêu đề dòng cho trang in - Thiết lập tiêu đề đầu trang, cuối trang - Thiết lập thông số và trình bày trang in - Thiết lập khu vực in 4.4.2. In ấn 4.5. Nhóm hàm thường dùng 4.5.1. Nhóm hàm ngày giờ: hàm Weekday, WeekNum, Edate, EOMonth, DATEDIF 4.5.2. Hàm toán học: hàm SumProduct, SubTotal, SumIfs 4.5.3. Hàm thống kê: hàm CountIfs, AverageIfs, MaxIFS, MinIFS 4.5.4. Hàm luận lý: hàm IFEError, IFS							

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	4.5.5. Hàm tìm kiếm: hàm <i>Vlookup</i>, <i>Hlookup</i>, <i>Match</i>, <i>Index</i> 4.5.6. Hàm thông tin 4.6. Biểu đồ 4.6.1. Các loại biểu đồ 4.6.2. Tạo biểu đồ 4.6.3. Chỉnh sửa biểu đồ 4.7. Phân tích, tổ chức dữ liệu 4.7.1. Định dạng dữ liệu có điều kiện (<i>Conditional Formatting</i>) 4.7.2. Tạo danh sách nhập liệu (<i>Data Validation</i>) 4.7.3. Cài đặt quy tắc cho dữ liệu (<i>Data Validation</i>) 4.7.4. Thống kê theo nhóm (<i>SubTotal</i>) 4.7.5. Phân tích dữ liệu (<i>Pivot table</i>) 4.8. Phân tích nếu – thì 4.8.1. Bài toán tìm mục tiêu (<i>Goal seek</i>) 4.8.2. Bài toán phân tích độ nhạy (<i>Data Table</i>) 4.8.3. Bài toán phân tích tình huống (<i>Scenarios</i>)							

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 13	Chương 5: TÌM HIỂU MỘT SỐ PHẦN MỀM TRỰC TUYẾN 5.1. Làm việc với Google Sheets 5.2. Làm việc với Google Docs 5.3. Thiết kế biểu mẫu khảo sát 5.4. Thu thập và xử lý kết quả khảo sát	1	3	0	1	10	Phương pháp giảng dạy chủ động: động não	Xem trước giáo trình chương 5 và các tài liệu tham khảo nội dung liên quan
Tuần 14	Chương 6: MỘT SỐ XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ 6.1. Chuyển đổi số 6.2. Dữ liệu lớn (Big Data) 6.3. Chuỗi khối (Blockchain) 6.4. Internet vạn vật (IoT) 6.5. Trí tuệ nhân tạo (AI) (sinh viên thuyết trình nhóm nội dung chương 6)	1	4	0	0	12	Phương pháp giảng dạy chủ động: động não	Chuẩn bị bài báo cáo liên quan tới nội dung chương 6
Tuần 15	Ôn tập kết thúc học phần	2	0	0	3	6	Chủ động	Ôn tập kiến thức đã học
	Tổng cộng	15	30	0	30	125		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính:

[1] Trương Thành Công, Trương Đình Hải Thụy, Trần Trọng Hiếu, Trương Xuân Hương, Phạm Thủy Tú, Nguyễn Thị Trần Lộc, Trần Thanh San, Nguyễn Quốc Thanh, Nguyễn Thanh Trường, Huỳnh Ngọc Thành Trung, *Giáo trình Tin học ứng dụng*, 2023.

6.2 Tài liệu tham khảo:

[2]. Trương Đình Hải Thụy, Trần Trọng Hiếu, Trương Xuân Hương, Trần Thanh San, Đinh Xuân Thọ, Nguyễn Thanh Trường, *Tập bài giảng Tin học đại cương hướng đến chuẩn Mos và IC3*, 2018.

[3] Joan Lambert, Curtis Frye (2022), *Microsoft Office Step by Step (Office 2021 and Microsoft 365)*, Microsoft Press,

[4] Cindy Lewis, Curtis Frye, Joan Lambert (2021), *Microsoft Excel Step by Step, (Office 2021 and Microsoft 365)*, Microsoft Press,

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CÁU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần, thảo luận	Dựa vào thời gian tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu	CLO13, CLO17	10%
2	Bài tập nhóm	Ứng dụng kỹ năng tìm kiếm thông tin trên internet, kỹ năng quản lý mail, kỹ năng tổng hợp thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, kỹ thuật gõ 10 ngón	CLO1, CLO2, CLO6, CLO11, CLO13, CLO14, CLO15, CLO16, CLO17	20%
		Kỹ năng trình bày báo cáo khoa học	CLO3	
		Kỹ năng tạo bài thuyết trình chuyên nghiệp	CLO4	
3	Bài tập cá nhân	Ứng dụng công cụ, hàm Excel vào tình huống thực tế	CLO5, CLO10	20%
4	Kiểm tra giữa kỳ	Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng làm bài thuyết trình, liên hệ hàm lệnh Excel. Khả năng liên hệ các kiến thức của môn học vào tình huống thực tế	CLO3, CLO4, CLO7, CLO8, CLO9	50%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Bài thi 75 phút - 90 phút gồm 3 khối kiến thức MS Word, Ms PowerPoint và MS Excel	- Đánh giá về kiến thức: Liên hệ được lý thuyết vào các tình huống cụ thể	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	40%
	- Đánh giá về kỹ năng: ✓ Thành thạo trong việc soạn thảo văn bản ✓ Thành thạo trong việc tạo tập tin trình chiếu chuyên nghiệp, gõ bàn phím đúng kỹ thuật; ✓ Liên hệ các hàm lệnh Excel vào công việc thực tế	CLO8, CLO9, CLO10	40%
	- Đánh giá về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Khả năng tự học, tự nghiên cứu	CLO13, CLO15	20%
	Tổng		100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham gia lớp học nghiêm túc, tuân thủ các quy định chung của nhà trường.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Nghiêm túc thực hiện các bài tập, bài kiểm tra trong mỗi buổi học.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên
- Sinh viên không làm việc riêng trong thời gian lên lớp, chỉ sử dụng các thiết bị phục vụ cho nội dung học tập và hoạt động tương ứng trong từng buổi học

8.3 Quy định về học vụ

- Sinh viên vắng vào các buổi có làm bài đánh giá cá nhân, nhóm sẽ bị 0 điểm đối với bài đánh giá đó.
- Thành viên nhóm thuyết trình không được vắng, nếu vắng sẽ không được làm bài kiểm tra thay thế.
- Các bài tập nhóm, cá nhân phải tuân thủ theo mẫu và thời hạn nộp theo quy định của giảng viên

9. HOLISTIC RUBRIC:

Rubic 1: Đánh giá chuyên cần, thảo luận

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
Mức độ tham dự theo TKB	50%	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

Rubic 2: Đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
Có thái độ chủ động trong suốt quá trình làm bài tập nhóm	15%	Rất tích cực và hoàn toàn chủ động cộng tác với Giảng viên, lên kế hoạch và kiểm soát tốt việc thực hiện kế hoạch bài tập nhóm	Có tinh thần trách nhiệm với bài tập nhóm, có chủ động tuy nhiên chưa hoàn toàn tích cực 100%	Thực hiện bài tập nhóm không có sự đầu tư nhiều, thực hiện một số công việc đơn giản yêu cầu trong BT	Không thực hiện
Hình thức bài báo cáo	40%	Đúng chuẩn báo cáo khoa học (đầy đủ các thành phần của bài báo cáo, đúng kỹ thuật)	Đúng kỹ thuật nhưng không đủ thành phần của bài báo cáo khoa học	Đúng kỹ thuật nhưng thiếu nhiều thành phần của bài báo cáo khoa học	Chỉ đúng 1-2 kỹ thuật và thiếu nhiều thành phần
Nội dung	30%	Đáp ứng 100% yêu cầu của bài tập nhóm	Đáp ứng 70% - 80% yêu cầu của bài tập nhóm	Đáp ứng 50% - 70% yêu cầu của bài tập nhóm	Đáp ứng <50% yêu cầu của bài tập nhóm
Bài PowerPoint thuyết trình	15%	Đúng kỹ thuật, đúng số trang quy định, sử dụng hyperlink, thể hiện được tính chuyên nghiệp	Đúng kỹ thuật, đúng số trang, không có hyperlink, chưa thể hiện tính chuyên nghiệp	Đúng kỹ thuật, vi phạm số trang quy định, không có hyperlink	Vi phạm số trang quy định, không thể hiện tính chuyên nghiệp

Rubric 3: Đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
Bài tập cá nhân	100%	- Giải quyết đúng 100% yêu cầu của bài tập - Nộp bài đúng thời gian quy định	- Giải quyết đúng 70%-80% yêu cầu bài tập - Nộp bài đúng thời gian quy định	- Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu bài tập - 2 lần nộp bài quá thời gian quy định	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu bài tập - Trên 2 lần nộp bài quá thời gian quy định

Rubric 4: Đánh giá kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
Câu soạn thảo văn bản	40%	Giải quyết đúng 85% - 100% yêu cầu	Giải quyết đúng 70% - 84% yêu cầu	Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu
Câu tạo slide trình chiếu	20%	Giải quyết đúng 85% - 100% yêu cầu	Giải quyết đúng 70% - 84% yêu cầu	Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu
Câu bảng tính	40%	Giải quyết đúng 85% - 100% yêu cầu	Giải quyết đúng 70% - 84% yêu cầu	Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu

Rubric 5: Đánh giá kiểm tra cuối kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
		10 - 8.5	8.4 - 7.0	6.9 - 5.0	4.9 - 0.0
Câu soạn thảo văn bản	40%	Giải quyết đúng 85% - 100% yêu cầu đề thi	Giải quyết đúng 70% - 84% yêu cầu đề thi	Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu đề thi	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu đề thi
Câu tạo slide trình chiếu	20%	Giải quyết đúng 85% - 100% yêu cầu đề thi	Giải quyết đúng 70% - 84% yêu cầu đề thi	Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu đề thi	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu đề thi
Câu bảng tính	40%	Giải quyết đúng 85% - 100% yêu cầu đề thi	Giải quyết đúng 70%-84% yêu cầu đề thi	Giải quyết đúng 50% - 70% yêu cầu đề thi	- Giải quyết đúng <50% yêu cầu đề thi

TUO. Hiệu trưởng 
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn




Trưởng Thành Công

Trưởng Đinh Hải Thụy

PHU THACH HONG OLKH
PHU THACH HONG

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Ngữ pháp
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Grammar
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	010636
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	150
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	30
- Thực hành:	0
- Tự học:	105
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho người học cái nhìn tổng quát về ngữ pháp tiếng Anh. Cụ thể, học phần được thiết kế dựa trên những kiến thức sinh viên đã lĩnh hội ở các bậc học phổ thông, từ đó cung cấp cho người học những kiến thức về khái niệm nâng cao hơn về chức năng của loại từ, loại cụm từ, loại mệnh đề và các loại câu. Bên cạnh đó, học phần cũng hệ thống và củng cố kiến thức ngữ pháp căn bản như thì của động từ và thể của câu.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các khái niệm, chức năng, nghĩa các dạng loại từ, loại cụm từ, loại mệnh đề và các loại câu trong tiếng Anh; bên cạnh đó, người học còn có thể phân tích và xác định các loại câu tiếng Anh có cấu trúc ngữ pháp phức tạp trong các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở các học phần kế tiếp. Từ đó, người học vận dụng thành thạo chính xác kiến thức ngữ pháp đã tiếp thu theo hướng tích hợp để diễn đạt ý nghĩ bằng đúng câu từ, cấu trúc ngữ pháp.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu các khái niệm, chức năng, nghĩa các dạng từ, cụm từ, mệnh đề, câu trong tiếng Anh.
- Có kiến thức cơ bản về các thành tố của câu và từ đó có thể phân tích và vận dụng các thành tố câu để diễn đạt thông tin bằng câu văn hoàn chỉnh.
- Phân tích các loại câu văn Tiếng Anh có cấu trúc ngữ pháp phức tạp để có thể thực hiện được các tình huống giao tiếp hiệu quả.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích và tổng hợp những vấn đề liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh khi viết câu.
- Có kỹ năng sử dụng thành thạo các loại câu có cấu trúc ngữ pháp phức tạp.
- Có khả năng làm việc nhóm, cặp, thảo luận giải quyết vấn đề trong nhóm và các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Có thái độ học tập tích cực trong việc đóng góp xây dựng bài, làm bài tập giảng viên giao và trong hoạt động nhóm.
- Nhận thức rõ ràng về ứng dụng của môn học này trong môn học kế tiếp và trong công việc sau này.
- Có ý thức tự học và phát triển khả năng nghiên cứu ngôn ngữ ở cấp độ cao hơn.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
---------	----------

CLO1	Hiểu và trình bày các khái niệm, chức năng, nghĩa các dạng từ, cụm từ, mệnh đề, câu trong tiếng Anh
CLO2	Trình bày kiến thức cơ bản về các thành tố của câu và vận dụng các thành tố câu để diễn đạt thông tin bằng câu văn hoàn chỉnh
CLO3	Phân tích các loại câu văn Tiếng Anh có cấu trúc ngữ pháp phức tạp để có thể thực hiện được các tình huống giao tiếp hiệu quả
CLO4	Sử dụng thành thạo, chính xác kiến thức ngữ pháp đã tiếp thu theo hướng tích hợp trong nghe, nói, đọc và viết bằng tiếng Anh
CLO5	Sử dụng thành thạo các loại câu có cấu trúc ngữ pháp phức tạp
CLO6	Phân tích và tổng hợp những vấn đề liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh khi viết câu
CLO7	Có khả năng trình bày được quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao và ứng xử, đàm phán, làm việc nhóm, thuyết trình bằng tiếng Anh.
CLO8	Phát triển được kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu môn học, tạo tiền đề cho việc học tiếng Anh chuyên ngành và tài liệu chuyên ngành.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1			M							
CLO 2			M							
CLO 3			M							
CLO 4			R							
CLO 5						M				
CLO 6						M				
CLO 7										R
CLO 8										R
Tổng hợp học phần			M			M				R

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	Chương 1: Basic elements of a sentence	1	3			10	- Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	- Đọc tài liệu
Tuần 2: Từ: Đến...	Chapter 2: Parts of speech	1	3			10	- Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	- Đọc tài liệu - Thảo luận nhóm - Làm bài tập về nhà theo yêu cầu của Giảng viên
Tuần 3:	Chapter 2: Parts of	1	3			10	- Thuyết giảng - Làm việc nhóm	- Đọc tài liệu - Thảo luận

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Từ: Đến...	speech (cont)						- Thực hành cá nhân	nhóm - Làm bài tập về nhà theo yêu cầu của Giảng viên
Tuần 4: Từ: Đến...	Chương 3: Phrases and their functions	1	3			10	- Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	- Đọc tài liệu - Thảo luận nhóm - Làm bài tập về nhà theo yêu cầu của Giảng viên
Tuần 5: Từ: Đến...	Chương 3: Phrases and their functions (Cont)	1	3			10	- Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	- Đọc tài liệu - Thảo luận nhóm - Làm bài tập về nhà theo yêu cầu của Giảng viên
Tuần 6: Từ: Đến...	Chương 4: Clauses and their functions (Cont)	1	3			10	- Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	- Đọc tài liệu - Thảo luận nhóm - Làm bài tập về nhà theo yêu cầu của Giảng viên

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 7: Từ: Đến...	Chương 4: Clauses and their functions (Cont)	1	3			10	- Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	- Đọc tài liệu - Thảo luận nhóm - Làm bài tập về nhà theo yêu cầu của Giảng viên
Tuần 8: Từ: Đến...	Chương 4: Clauses and their functions (Cont) Midterm Test	1	3			10	- Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	- Đọc tài liệu - Thảo luận nhóm - Làm bài tập về nhà theo yêu cầu của Giảng viên
Tuần 9: Từ: Đến...	Chương 5: Sentences	2	3			10	- Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	- Đọc tài liệu - Thảo luận nhóm - Làm bài tập về nhà theo yêu cầu của Giảng viên
Tuần 10: Từ: Đến...	Chương 5: Sentences (Cont)	2	2			10	- Thuyết giảng - Làm việc nhóm - Thực hành cá nhân	- Đọc tài liệu - Thảo luận nhóm - Làm bài tập về nhà

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
								theo yêu cầu của Giảng viên
Tuần 11: Từ: Đến...	Chương 5: Sentences (Cont) And Review	2	2			5		- Đọc tài liệu - Thảo luận nhóm - Làm bài tập về nhà theo yêu cầu của Giảng viên khảo
TỔNG		15	30			105		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính:

1. John Eastwood (1994) *Oxford Guide to English Grammar*, Oxford University Press.
2. George Davidson (2006) *Phrases, Clauses, Sentences*, Learners Publishing Pte Ltd

6.2 Tài liệu tham khảo:

1. G. L. Alexander et. al (1994), *English Grammar*, NXB TP HCM
2. John Eastwood (1999) New edition now with tests *Oxford Practice Grammar with answers*, Oxford University Press.
3. Oshima, A., & Ann, H. (n.d.). *Writing Academic English*. TP. HCM: NXB Trẻ.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40%

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CỜ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Thái độ học tập, chuyên cần Giáo viên điểm danh hàng tuần và tính mức độ tham gia phát biểu xây dựng bài của sinh viên trong từng buổi học.	- Đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên. - Đánh giá thái độ chủ động tích cực trong học tập.		10%
2	Bài tập NHÓM Sinh viên được lựa chọn làm việc theo nhóm từ 4 – 5 thành viên, mỗi nhóm được 1 chủ điểm ngữ pháp theo nội dung chương trình học và thuyết trình. Sv sẽ trình bày sản phẩm trong vòng 20-25 phút, giảng viên nhận xét và đánh giá.	- Tiêu chí bài thuyết trình: + Nội dung (50%): - Tóm được kiến thức trọng tâm của điểm ngữ pháp chủ điểm, có ví dụ minh họa, ... - Kiến thức sâu, mở rộng thêm kiến thức mới - Có liên hệ + Hình thức (25%): - Các slides dễ đọc, hấp dẫn, có sử dụng visual aids, clips, ... + Trình bày (25%): - Ngắn gọn, nhấn mạnh chỗ quan trọng, có giải thích. - Tự tin có tương tác với người nghe, nói dễ nghe, ... - Đánh giá sự am hiểu và vận dụng được các kiến thức đã học trong học phần. - Đánh giá kỹ năng làm việc		30%

		nhóm: thảo luận về các hoạt động được giao. - Đánh giá kỹ năng giao tiếp qua tương tác trong nhóm và khả năng trình bày trước đám đông.		
3	Bài tập CÁ NHÂN:	- Bài tập thực hành được Gv giao về làm hàng tuần tại nhà, để củng cố kiến thức, các bài tập theo các chủ điểm Ngữ pháp đã học trên lớp. - Đánh giá mức độ hiểu và vận dụng các kiến thức ngữ pháp về thành phần cấu tạo câu hay các nguyên tố câu, và phân loại câu.		20%
4	Kiểm tra GIỮA KỲ:	- Đánh giá mức độ hiểu và vận dụng các kiến thức ngữ pháp về thành phần cấu tạo câu hay các nguyên tố câu, và phân loại câu ở cấp độ trung cấp vào bài tập thực hành. - Bài tập thực hành: Part 1: Elements of sentences and Phrases (30%) Part 2: Clauses (20%) Part 3: Senetnces (30%)		40%
TỔNG				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60%

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CỜ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Bài thi tự luận 60 phút bao gồm 3 phần hỏi gồm cả lý thuyết và cả vận dụng kiến thức lý thuyết	Kiến thức: - Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức, khả năng hệ thống		40%

đã được tiếp thu theo hướng tích hợp để trình bày lại thông tin và diễn đạt ý nghĩ bằng đúng câu từ, cấu trúc ngữ pháp. Nội dung đề thi là một trong những nội dung mà người học đã được tiếp thu, thuyết trình và thảo luận - Nội dung bài thi Part 1: Elements of sentences and Phrases (30%) Part 2: Clauses (20%) Part 3: Senetnces (30%)	hóa và áp dụng để nhận biết được loại từ, loại cụm từ, loại mệnh đề và loại cấu trúc ngữ pháp đã được học		
	Đánh giá kỹ năng tư duy ngôn ngữ, lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để diễn đạt lại thông tin và trình bày quan điểm hay suy nghĩ ở mức độ câu văn.		40%
	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Đánh giá khả năng tự chủ động, sáng tạo giải quyết vấn đề		20%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Tôn trọng giảng viên và bạn bè.
- Tích cực đóng góp xây dựng bài.
- Không làm việc riêng trong giờ học.
- Nộp bài đúng thời gian quy định.

8.3 Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1: Bảng Rubric đánh giá điểm chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ	Mức chất lượng	
----------	----	----------------	--

	lệ	Rất tốt 10 - 8.5	Tốt 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 - 5.0	Không đạt 4.9 - 0.0	Điểm
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự < 70% số buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/ trả lời trên 2 câu hỏi	Có đặt/ trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời và đóng góp xây dựng bài	
TỔNG ĐIỂM:						

Bảng 2: Bảng Rubric đánh giá Báo cáo sản phẩm làm việc nhóm:

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
Giỏi	8.5 - 10	- Hình thức đẹp, rõ, không lỗi chính tả (10%). - Trình bày rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe (10%). - Nội dung báo cáo/chất lượng sản phẩm đáp ứng 80%-100% yêu cầu (40%). - Trả lời đúng tất cả các câu hỏi (20%). - Có 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày (20%).	
Khá	7.0 - 8.4	Đáp ứng 70 - 80% yêu cầu của mức Giỏi	
Trung bình	5.0 - 6.9	Đáp ứng 50 - 60% yêu cầu của mức Giỏi	
Yếu	0.0 - 4.9	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
Nhận xét			

Bảng 3: Bảng Rubric đánh giá bài cá nhân:

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi 10 - 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 - 5.0	Yếu 4.9 - 0.0	
Chất lượng bài tập về nhà	CLO1	90%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Thời gian thực hiện bài tập về	CLO7	10%	Nộp đúng thời gian quy định	Nộp muộn từ 01 đến 02 ngày	Nộp muộn trên 03 ngày	Nộp muộn trên 7 ngày	

nhà							
ĐIỂM TỔNG							

Bảng 4: Bảng Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ:

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Rất tốt	Tốt	Đạt	Không đạt
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0
Nội dung 1: Xác định hình thức (Forms) của các thành phần trong câu: Types of Phases: Noun Phrases, Verb Phrases, Adjective Phrases, Prepositional Phrases, Averb Phrases Types of clauses: Relative Clauses, Adverbial Clauses, Noun Clauses, Non-Finite and Verbless Clauses.	CLO1	25%	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Nội dung 2: Xác định chức năng (Functions) của những Phrases và Clauses trong câu.	CLO2	25%				
Nội dung 3: Viết lại câu đồng nghĩa với câu cho sẵn và từ gợi ý, các loại câu: Conditional Sentences, Reported Speech, Passive Voice, sentences with concessive clauses, ...	CLO4	25%				
Nội dung 4: Đặt câu: Compound sentences, Complex Sentences, Compound-Complex Sentences với chủ đề cho sẵn.	CLO8	25%				

Bảng 5: Bảng Rubric đánh giá bài thi cuối kỳ:

Tiêu chí	CDR	Cấu trúc điểm thành phần	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
				Rất tốt 10 – 8.5	Tốt 8.4 – 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0
Phần trắc nghiệm:			50%	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Kiến thức cơ bản	CLO1	20%					
	CLO2	40%					
Kiến thức nâng cao	CLO3	20%					
	CLO4	20%					
Phần tự luận:			50%	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Kiến thức cơ bản	CLO5	20%					
	CLO6	40%					
Kiến thức nâng cao	CLO7	20%					
	CLO8	20%					

Bảng 6: Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần:

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mức độ năng lực ngôn ngữ					Điểm
		Giỏi (Good)	Khá (Competent)	Trung bình (Modest)	Hạn chế (Limited)	Còn nhiều gián đoạn (Extremely Intermitten)	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 3.5	3.4 – 0	
CLO1	25%	Hiểu và trình bày các khái niệm, chức năng, nghĩa các dạng từ, cụm từ, mệnh đề, câu trong tiếng Anh. Sử dụng thành thạo các loại câu có cấu trúc phức tạp để phục vụ cho các kỹ năng nghe nói đọc viết	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết của cụm từ, mệnh đề và câu.	Hiểu được các thông tin cơ bản của cụm từ, mệnh đề và câu.	Mới hình thành được các khái niệm cơ bản và cụm từ, mệnh đề và câu.	Mới thu nhận được một số ít khái niệm về cụm từ, mệnh đề và câu.	
CLO2	20%						
CLO3	15%						
CLO4	10%						
CLO5	10%						
CLO6	10%						
CLO7	5%						
CLO8	5%						

		và giao tiếp.					
Tổng điểm	100%						

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Nghe - Nói 2
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Listening - Speaking 2
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011407
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	150
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	15
- Thực hành:	30
- Tự học:	90
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Listening – Speaking 1
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

“Listening skill 2” cung cấp cho người học nền tảng lý thuyết về cách thể hiện cảm xúc qua ngữ điệu, cách chuyển ý, sắp xếp thông tin, cách sử dụng các cụm từ thời gian để kể chuyện, cách nhận biết thông tin quan trọng trong những đoạn hội thoại, bài nói chuyện, thuyết trình, bài giảng bằng tiếng Anh, giúp người học có khả năng nghe tốt các dạng bài này.

“Speaking skill 2” cung cấp cho người học kiến thức về cách so sánh 2 vấn đề, đưa ra lý do để chọn lựa, yêu cầu lặp lại, làm rõ hay giải thích thêm, kéo dài thời gian để suy nghĩ trước khi trả lời, hỏi thêm thông tin, bắt đầu một bài nói chuyện, kể chuyện ..., giúp người học sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông thường một cách hiệu quả và tự nhiên.

“Pronunciation skill 2” cung cấp cho người học các kỹ năng về cách lướt âm, cách nối vần, cách ngắt hơi trong câu ... giúp người học phát âm chính xác hơn, tiếp nhận và truyền tải thông tin tốt hơn.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nghe hiểu được nội dung ở mức độ trung cấp và làm quen với nhiều loại hình bài tập/ hoạt động nghe khác nhau trong các tình huống hàng ngày như nghe đoán nội dung chính, nội dung chi tiết, nghe lấy ý chính và ý chi tiết; nghe hiểu được nội dung cuộc hội thoại bằng ngôn ngữ tiếng Anh và vận dụng kỹ năng nghe vào trong các cuộc đối thoại hàng ngày một cách tự nhiên; đồng thời sinh viên có thể nhận ra các từ vựng, mẫu câu nói, ý chính và thông tin chi tiết trong các tình huống thực tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

- Hiểu và vận dụng được một số kiến thức nền về cuộc sống được cung cấp trong bài nghe, giải thích được ý nghĩa của từ, cụm từ, được cấu trúc câu trong bài nghe.
- Vận dụng thích hợp những đặc trưng của ngôn ngữ nói như cách diễn đạt, thái độ, trạng thái, ngữ điệu trong các tình huống khác nhau để nâng cao kiến thức về văn hóa và ngôn ngữ thông qua các bài nghe.
- Vận dụng được các từ vựng liên quan đến chủ đề của bài đọc, đoán từ hoặc ý nghĩa cụm từ, câu, từ trong ngữ cảnh và hiểu, nhớ và giải nghĩa các từ mới trong ngữ cảnh và áp dụng được vốn từ vựng này trong hoạt động nghe khi giao tiếp xã hội và chuyên môn.

Về kỹ năng:

- Phân biệt được các thủ thuật nghe như nghe xác định ý chính, ý phụ, thông tin chi tiết, và hàm ý người nói. Ghi chú được ý chính, ý phụ của bài nghe, hàm ý của tác giả để dự đoán nội dung và ý nghĩa của bài nghe và truyền đạt thông tin
- Sử dụng được kiến thức nền được cung cấp qua bài nghe, tư vựng được cung cấp qua bài nghe để giải quyết các dạng bài tập nghe ở mức độ trung cấp
- Làm việc cá nhân và nhóm, kỹ năng giao tiếp, tư duy logic và giải quyết vấn đề.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Xây dựng tác phong chuyên nghiệp trong học tập và cuộc sống.
- Tích cực, chủ động khi làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để tăng thêm tự tin trong giao tiếp.
- Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các nội dung, chủ đề liên quan. Rèn thái độ học tập và sống tích cực, tự tin, có ý thức tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.
- Tự hình thành thói quen rèn luyện kỹ năng nghe nói trên lớp và tự học ở nhà.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

	Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	CLO1	Hiểu các chiến lược Nghe hiểu và thảo luận về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống.
	CLO2	Vận dụng trong phỏng vấn, giới thiệu, tiến hành khảo sát, xin phép, đưa ra lời khuyên, đưa ra lý do để chọn lựa, yêu cầu giải thích thêm và đưa thêm ví dụ,... trong các tình huống giao tiếp thông thường một cách hiệu quả và tự nhiên.
Về kỹ năng	CLO3	Phát âm rõ ràng, có thể sử dụng các phát ngôn ngắn, tương đối chính xác nhóm từ.
	CLO4	Nghe hiểu và nói các đoạn văn thuộc các ngữ cảnh học thuật khác nhau
	CLO5	Nghe hiểu và vận dụng vào hội thoại với những đối tượng khác nhau
	CLO6	Phân tích, đánh giá các vấn đề mà người khác nói
	CLO7	Phân tích, ghi nhớ và nhận biết các thông tin quan trọng
Về mức tự chủ và	CLO8	Tích cực lĩnh hội kiến thức và phát triển kỹ năng giao tiếp Nghe - Nói tiếng Anh thông qua các chủ đề được học

tự chịu trách nhiệm	CLO9	Có thái độ cư xử, giao tiếp tiếng Anh chuẩn mực phù hợp môi trường đa văn hóa
	CLO10	Học tập và rèn luyện tiếng Anh như công cụ để trau dồi và nghiên cứu các môn học chuyên ngành.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3			R			M				
CLO4			R			M				
CLO5			R			M				
CLO6			R			R				
CLO7			R							
CLO8			R							R
CLO9			R							R
CLO10			R							R
Tổng hợp học phần			R			M				R

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học	Phương	Yêu cầu
------	----------	---------------------------	--------	---------

gian		GIỜ LÊN LỚP					pháp giảng dạy – học tập	sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	Unit 1: “FOOD – A balanced diet” Video: Moon Cakes Listening 1: Lab burger Listening 2: Let’s concentrate on orange juice Pronunciation for listening: Thought groups and pausing Vocabulary: Sequencers	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	Đọc và chuẩn bị bài Unit 1 (từ trang 98 đến 108)
Tuần 2: Từ: Đến...	Unit 1: (cont.) Academic words Speaking model Grammar: Present passive Speaking skill: Explanation signals Pronunciation for speaking: -ed endings Speaking task: How Olive Oil is Made? Review	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	Đọc và chuẩn bị bài Unit 1 (từ trang 109 đến 115)
Tuần 3:	Unit 2: EXTREMES – Animals vs Humans	1	1	3		7	Thuyết giảng,	Đọc và chuẩn bị

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Từ: Đến...	Video: Extreme Running Listening 1: Amazing creatures Pronunciation for listening: Glottal stop Listening 2: Ultimate memory Study skills: How do you remember things? Vocabulary: -ed and -ing adjectives						thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	bài Unit 2 (từ trang 116 đến 126)
Tuần 4: Từ: Đến...	Unit 2: (cont.) Academic words Speaking model Grammar: Expressing and asking ability Speaking skill: Giving a short description Pronunciation for speaking: can/can't, be able to/not able to Speaking task: Complete a memory questionnaire & give a presentation about	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	Đọc và chuẩn bị bài Unit 2 (từ trang 127 đến 133)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	an animal Review							
Tuần 5: Từ: Đến...	Unit 3: VISION - EYE FACTS Video: Navigation Classes Listening 1: How we see the world Study skills: Rounding up and down Listening 2: A great photograph Pronunciation for listening: stress in numbers Vocabulary	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	Đọc và chuẩn bị bài Unit 3 (từ trang 134 đến 144)
Tuần 6: Từ: Đến...	Unit 3: (cont.) Academic words Speaking model Grammar: gerunds and infinitives Speaking skill: Phrases for describing location Pronunciation for speaking: /p/ versus	1	2	2		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	Đọc và chuẩn bị bài Unit 3 (từ trang 145 đến 151) Ôn tập các bài từ Unit 1 đến Unit 3

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	/b/ Speaking task: Describe a photo Review Midterm test (Listening test 1)							
Tuần 7: Từ: Đến...	Unit 4: PROGRESS – A changing world Video: Robot Workers Listening 1: Learning online Pronunciation for listening: Consonant clusters at the beginning and end of words Listening 2: Simon’s new arm Study skills: Using technology to personalize learning Vocabulary: Words to describe progress	1	2	2		8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	Đọc và chuẩn bị bài Unit 4 (từ trang 152 đến 162)
Tuần 8: Từ:	Unit 4: (cont.) Academic words Speaking model	1	2	2		8	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc và chuẩn bị bài Unit 4

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
.... Đến...	Grammar: Used to Speaking skill: Ending a presentation Pronunciation for speaking: Stress for emphasis Speaking task Review						nhóm, thực hành cá nhân	(từ trang 163 đến 169)
Tuần 9: Từ: Đến...	Unit 5: WORK – Jobs in the U.S.A. Video: Driverless Taxi Listening 1: Love your job Study skills: Combining work and study Listening 2: The future of work Pronunciation for listening: Silent syllables Vocabulary: Words for talking about work	2	1	2		8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	Đọc và chuẩn bị bài Unit 5 (từ trang 170 đến 180)
Tuần	Unit 5: (cont.)	2	1	2		8	Thuyết	Đọc và

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
10: Từ: Đến...	Academic words Speaking model Grammar: Future with will Speaking skill: Using future time markers Pronunciation for speaking: Pronouncing contractions with will Speaking task: Talk about a job and make predictions about how it will change in the future. Review						giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	chuẩn bị bài Unit 5 (từ trang 180 đến 187)
Tuần 11: Từ: Đến...	Listening Test 2 Speaking Test	1	1	3		6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành cá nhân	Đọc và chuẩn bị bài trang 189 và 190
Tuần 12: Từ:	Revision	2	1	2		10	Thảo luận nhóm	Ôn tập các bài từ Unit 1 đến Unit 5

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Đến...								
TỔNG		15	15	30		90		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính:

1. Baker L. & Gershon, S.(2018). *Skillful Listening and Speaking 1*. Macmillan Education

6.2 Tài liệu tham khảo:

1. Baker L. & Gershon, S.(2012). *Skillful Listening and Speaking 1*. Macmillan Education

2. McCarthy Michael, Odell Felicity, Nguyễn Văn Phước dịch (2000) *English Vocabulary in Use*. NXB Trẻ.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Thái độ học tập, chuyên cần Giảng viên điểm danh sinh viên vào mỗi buổi học	Đánh giá ý thức tham gia học tập; ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường của sinh viên	CLO8 CLO9	10%
2	Bài tập NHÓM	- <i>Đánh giá về kiến thức:</i> Vận dụng các kiến thức về từ vựng,	CLO1 CLO2	20%

	+ Kỹ năng Nói: Sinh viên thảo luận và làm việc nhóm theo chủ đề chương trình của mỗi tuần học (từ tuần 2 – 10), mỗi nhóm 4 đến 5 thành viên. Thời gian trình bày trước lớp trong khoảng 10 – 15 phút. Sinh viên bốc thăm chủ đề bài tập nhóm vào buổi đầu tiên, nộp nội dung bài qua file Word và trình bày trước lớp bằng nhiều hình thức khác nhau tùy theo sự thống nhất giữa sinh viên và giảng viên (vd thuyết trình bằng file PowerPoint, đóng kịch, seminar...)	phát âm, ngữ pháp vào bài tập nói. - <i>Đánh giá về kỹ năng:</i> Kỹ năng nói theo các tiêu chí: sự trôi chảy, từ vựng, phát âm, ngữ pháp và nội dung trình bày - <i>Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm:</i> Sự tương tác, tính thống nhất và hợp tác giữa các thành viên trong nhóm để hoàn thành bài tập nhóm.	CLO3 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	
3	Bài tập CÁ NHÂN Sinh viên làm bài trực tiếp trên lớp hoặc được giao về nhà qua nền tảng online. Sinh viên đặt câu hỏi trong phần bài tập nhóm.	- <i>Đánh giá về kiến thức:</i> Đánh giá việc vận dụng những kiến thức đã học trong học phần, bao gồm kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm, ... trong các bài tập cá nhân. - <i>Đánh giá về kỹ năng:</i> Kỹ năng nghe và kỹ năng nói mà sinh viên đã học trong học phần - <i>Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm:</i> Đánh giá thái độ làm việc, tự sắp xếp thời gian và sự nhiệt tình đối với bài học và bài tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	20%
4	Kiểm tra GIỮA KỲ Sinh viên làm bài thi giữa kỳ trên hình thức trắc nghiệm, tự luận (Nghe) và vấn đáp theo cặp (Nói) trong thời	- <i>Đánh giá về kiến thức:</i> Đánh giá mức độ hiểu biết và vận dụng các kiến thức đã học (từ vựng, ngữ pháp, phát âm, nội dung của từng chủ đề trong học phần) để diễn giải các vấn đề đặt ra trong đề kiểm tra.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	50%

gian 60 phút. - Nội dung bài Nghe gồm 2 phần, số lượng câu hỏi trắc nghiệm là 20 câu theo các dạng bài nghe đã học trong chương trình như table completion, summary completion, matching, sentence completion, multiple choice... Vấn đáp: sinh viên bốc thăm chủ đề theo cặp, nội dung chủ đề là nội dung chương trình học, sinh viên có thời gian chuẩn bị 5 phút và thảo luận theo cặp trong thời gian 10 phút	- <i>Đánh giá về kỹ năng:</i> Kỹ năng nghe lấy ý chính và ý chi tiết, kỹ năng nói sử dụng từ liên kết, từ/cụm từ để trình bày, kỹ năng trình bày một chủ đề, kỹ năng lập luận, hệ thống, và giải quyết vấn đề. - <i>Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm:</i> + Phần Nghe: Ý thức làm bài nghiêm túc + Phần Vấn đáp: có sự tương tác, hỗ trợ, thống nhất với bạn thi theo cặp, có trách nhiệm trong việc hoàn thành bài kiểm tra	CLO8 CLO9	
Tổng			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN & VẤN ĐÁP Sinh viên làm bài thi kiểm tra cuối kỳ thi hình thức tập trung Nghe: (30 phút), nội dung gồm 3 bài nghe có cùng cấp độ và hình thức theo các dạng bài đã học trong chương trình. Nói: (Vấn đáp 3 – 5 phút/1 sinh viên): sinh viên bốc thăm	- <i>Đánh giá về kiến thức:</i> Đánh giá mức độ hiểu biết và vận dụng các kiến thức đã học (từ vựng, ngữ pháp, phát âm, nội dung của từng chủ đề trong học phần) để diễn giải các vấn đề đặt ra trong đề thi.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10	40%
	- <i>Đánh giá về kỹ năng:</i> Kỹ năng nghe lấy ý chính và ý chi tiết, kỹ năng nói sử dụng từ liên kết, từ/cụm từ để trình bày, kỹ năng trình bày một chủ đề, kỹ năng lập luận, hệ thống, và giải		40%

câu hỏi theo chủ đề trong chương trình học, sinh viên có thời gian chuẩn bị 5 phút. Sau thời gian trình bày cá nhân, sinh viên sẽ trả lời câu hỏi của cán bộ chấm thi.	quyết vấn đề.		20%
	- <i>Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm:</i> + Phần Nghe: Ý thức làm bài nghiêm túc + Phần Nói: Sự nghiêm túc trong việc chuẩn bị và trình bày, có sự tương tác với người nghe.		
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Nghiêm túc nghe giảng trong giờ học;
- Không làm việc riêng trong giờ học;
- Làm bài và nộp bài đúng thời gian quy định;
- Tích cực phát biểu và tham gia các hoạt động trong giờ học

8.3 Quy định về học vụ

Sinh viên tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

(Lưu ý : mọi phương pháp đánh giá trong đề cương phải được lập Rubric)

Bảng 1: Bảng Rubric đánh giá điểm thái độ học tập và chuyên cần

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ tham dự lớp học theo thời khóa	CLO8	30%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.

biểu				học	học	
Mức độ tự chủ tham gia các hoạt động học tập trên lớp	CLO8 CLO9	70%	Không tham gia phát biểu, thảo luận/ trả lời đúng dưới 50% về các câu hỏi, tình huống liên quan đến nội dung bài học.	Có tham gia phát biểu, thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến <70% các câu hỏi, tình huống liên quan đến nội dung bài học.	Có tham gia phát biểu, thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến <85% các câu hỏi, tình huống liên quan đến nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia phát biểu, thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi, tình huống có liên quan đến nội dung bài học.
Tổng		100%				

Bảng 2: Bảng Rubric đánh giá điểm bài tập nhóm

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ hiểu và vận dụng các kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp vào bài tập nói.	CLO1 CLO2	40%	Không vận dụng được hoặc vận dụng được < 50% các kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp đã học	Vận dụng được từ 50% đến < 70% các kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp đã học	Vận dụng được từ 70% đến < 85% các kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp đã học	Vận dụng được từ 85% đến 100% các kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp đã học
Kỹ năng nói và trình bày nội dung: Sự lưu loát/trôi chảy khi phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ pháp đã học	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	40%	Sự lưu loát khi phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ pháp đã học không đạt hoặc < 50%	Sự lưu loát khi phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ pháp đã học đạt từ 50% đến <70%	Sự lưu loát khi phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ pháp đã học đạt từ 70% đến <85%	Sự lưu loát khi phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ pháp đã học đạt từ 85% đến 100%
Mức độ tương tác, thống nhất và hợp tác giữa các thành viên trong nhóm để hoàn thành bài tập nhóm.	CLO8 CLO9	20%	Không có sự tương tác/ có sự tương tác và hợp tác giữa các thành viên trong nhóm đạt < 50%	Có sự tương tác, thống nhất và hợp tác giữa các thành viên trong nhóm đạt từ 50% đến <70%	Có sự tương tác, thống nhất và hợp tác giữa các thành viên trong nhóm đạt từ 70% đến <85%	Có sự tương tác, thống nhất và hợp tác giữa các thành viên trong nhóm đạt từ 85%

						đến <100%
Tổng		100%				

Bảng 3: Bảng Rubric đánh giá điểm bài tập cá nhân

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ vận dụng những kiến thức đã học trong học phần, bao gồm kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm, ... trong bài tập cá nhân.	CLO1 CLO2	40%	Không vận dụng / vận dụng các kiến thức đã học về từ vựng, ngữ pháp, phát âm đã học đạt <50%	Vận dụng các kiến thức đã học về từ vựng, ngữ pháp, phát âm đã học đạt từ 50% đến <70%	Vận dụng các kiến thức đã học về từ vựng, ngữ pháp, phát âm đã học đạt từ 70% đến <85%	Vận dụng các kiến thức đã học về từ vựng, ngữ pháp, phát âm đã học đạt từ 85% đến 100%
Kỹ năng nghe và kỹ năng nói mà sinh viên đã học trong học phần	CLO4 CLO5 CLO6	40%	Kỹ năng nghe và kỹ năng nói không đạt / đạt < 50%	Kỹ năng nghe và kỹ năng nói đạt từ 50% đến < 70%	Kỹ năng nghe và kỹ năng nói đạt từ 70% đến < 85%	Kỹ năng nghe và kỹ năng nói đạt từ 85% đến 100%
Thái độ làm việc, tự sắp xếp thời gian và sự nhiệt tình đối với bài học và bài tập	CLO8 CLO9	20%	Thái độ làm việc, tự sắp xếp thời gian và sự nhiệt tình đối với bài học và bài tập không đạt / đạt <50%	Thái độ làm việc, tự sắp xếp thời gian và sự nhiệt tình đối với bài học và bài tập đạt từ 50% đến <70%	Thái độ làm việc, tự sắp xếp thời gian và sự nhiệt tình đối với bài học và bài tập đạt từ 70% đến <85%	Thái độ làm việc, tự sắp xếp thời gian và sự nhiệt tình đối với bài học và bài tập đạt từ 85% đến 100%
Tổng		100%				

Bảng 4: Bảng Rubric đánh giá điểm bài kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Kiến thức và kỹ	CLO1 CLO4	80%	Kiến thức và kỹ năng cơ	Kiến thức và kỹ năng cơ	Kiến thức và kỹ năng cơ	Kiến thức và kỹ năng cơ

năng cơ bản	CLO5		bản không đạt/ đạt <50%	bản đạt từ 50% đến <70%	bản đạt từ 70% đến <85%	bản đạt từ 85% đến 100%
Kiến thức và kỹ năng nâng cao	CLO2 CLO5 CLO6 CLO7	20%	Kiến thức và kỹ năng nâng cao không đạt/ đạt <50%	Kiến thức và kỹ năng nâng cao đạt từ 50% đến <70%	Kiến thức và kỹ năng nâng cao đạt từ 70% đến <85%	Kiến thức và kỹ năng nâng cao đạt từ 85% đến 100%
Tổng		100%				

Bảng 5: Bảng Rubric đánh giá điểm bài thi KTHP (Bài thi tự luận)

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Kiến thức và kỹ năng cơ bản	CLO1 CLO4 CLO5	80%	Kiến thức và kỹ năng cơ bản không đạt/ đạt <50%	Kiến thức và kỹ năng cơ bản đạt từ 50% đến <70%	Kiến thức và kỹ năng cơ bản đạt từ 70% đến <85%	Kiến thức và kỹ năng cơ bản đạt từ 85% đến 100%
Kiến thức và kỹ năng nâng cao	CLO2 CLO5 CLO6 CLO7	20%	Kiến thức và kỹ năng nâng cao không đạt/ đạt <50%	Kiến thức và kỹ năng nâng cao đạt từ 50% đến <70%	Kiến thức và kỹ năng nâng cao đạt từ 70% đến <85%	Kiến thức và kỹ năng nâng cao đạt từ 85% đến 100%
Tổng		100%				

Bảng 6: Bảng Rubric đánh giá điểm bài thi KTHP (Thi vấn đáp)

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ hiểu và vận dụng các kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp vào bài tập nói.	CLO1 CLO2	40%	Không vận dụng được hoặc vận dụng được < 50% các kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp đã học	Vận dụng được từ 50% đến < 70% các kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp đã học	Vận dụng được từ 70% đến < 85% các kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp đã học	Vận dụng được từ 85% đến 100% các kiến thức về từ vựng, phát âm, ngữ pháp đã học
Kỹ năng nói và trình bày nội dung: Sự lưu loát/trôi	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	50%	Sự lưu loát khi phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ	Sự lưu loát khi phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ	Sự lưu loát khi phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ	Sự lưu loát khi phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ

chảy khi phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ pháp đã học	CLO7		pháp đã học không đạt hoặc đạt < 50%	pháp đã học đạt từ 50% đến <70%	pháp đã học đạt từ 70% đến <85%	pháp đã học đạt từ 85% đến 100%
Sự nghiêm túc trong việc chuẩn bị và trình bày, có sự tương tác với người nghe.	CLO8 CLO9	10%	Không có / có sự nghiêm túc trong việc chuẩn bị và trình bày, tương tác với người nghe đạt < 50%	Có sự nghiêm túc trong việc chuẩn bị và trình bày, tương tác với người nghe đạt từ 50% đến <70%	Có sự nghiêm túc trong việc chuẩn bị và trình bày, tương tác với người nghe đạt từ 70% đến <85%	Có sự nghiêm túc trong việc chuẩn bị và trình bày, tương tác với người nghe đạt từ 85% đến <100%
Tổng		100 %				

Bảng 7: Bảng Rubric đánh giá kết quả đạt chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ%	Mới bắt đầu (Pre-structural)	Biết sơ sài (Unistructural)	Hiểu sơ bộ (Multistructural)	Hiểu cận kề (Relational)	Hiểu sâu (Extended abstract)
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0 - 8.4	8.5 - 10
CLO1	10%	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái
CLO2	10%					
CLO3	10%					
CLO4	10%					
CLO5	10%					
CLO6	10%					
CLO7	10%					
CLO8	10%					
CLO9	10%					

CLO10	10%					mới
Tổng	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TU. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn




TS. Nguyễn Thị Châu Ngân TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Đọc hiểu 1
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Reading 1
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011408
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	150
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	30
- Thực hành:	0
- Tự học:	105
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Grammar
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống và các phương pháp, kỹ năng Đọc - Hiểu ở cấp độ tiền trung cấp. Cụ thể, học phần cung cấp từ vựng, kiến thức về các chủ đề liên quan đến văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, tâm lý, và các kỹ thuật đọc hiểu: kỹ thuật đọc lướt, đọc quét, kỹ thuật phán đoán, suy luận nhằm xác định được cấu trúc bài đọc, xác định chủ đề, ý chính, ý phụ, ý chi tiết, nội dung ý nghĩa trong bài đọc. Bước đầu giúp người học hình thành thói quen đọc tài liệu thuộc về nhiều lĩnh vực khác nhau. Ngoài ra hệ thống các bài tập thực hành trong

học phần cũng giúp sinh viên luyện tập và củng cố kiến thức, kỹ năng đọc hiểu đã được học.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được từ vựng về chủ đề quen thuộc trong cuộc sống: văn hóa, lịch sử, xã hội học, tâm lý, khoa học thường thức khi đọc hiểu Sinh viên hiểu và áp dụng được các chiến lược, phương pháp, kỹ năng đọc hiểu để xác định cấu trúc bài đọc, sàng lọc ý chính, ý phụ, ý chi tiết, phán đoán, suy luận nội dung ý nghĩa của bài đọc. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức từ các bài đọc để thực hiện hoạt động tư duy phân biện (phân tích, tổng hợp, đánh giá, phân biện) các vấn đề theo các chủ đề cho sẵn, góp phần bổ sung cải thiện kỹ năng nói. Ngoài ra sinh viên cũng triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, có thái độ tích cực, chủ động trong học tập để đáp ứng tốt hơn cho việc học của mình.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu và vận dụng được từ vựng về các chủ đề văn hóa, xã hội: Psychology (tâm lý học), Literary studies (Văn chương), Human behavior (hành vi của con người), History (lịch sử), Anthropology (nhân chủng học), Technology (công nghệ), Ecology (sinh thái học), Urban planning (quy hoạch đô thị), Mathematics (toán học), Sociology (xã hội học), Biology (sinh học), Semiotics (lý thuyết và nghiên cứu các dấu hiệu và biểu tượng), Engineering (kỹ thuật), Environmental studies (nghiên cứu về môi trường), Botany (thực vật học).

Về kỹ năng:

- Hiểu và trình bày được các phương pháp Đọc hiểu cơ bản như skimming (đọc nhanh), scanning (đọc quét), contextual surrounding (dựa vào ngữ cảnh)...để thực hiện các hoạt động đọc hiểu về các vấn đề văn hóa, xã hội, khoa học thường thức...
- Vận dụng được các kỹ thuật, phương pháp đọc hiểu để xác định ý chính, ý phụ (ý chi tiết), phỏng đoán ý, suy luận, tìm điểm so sánh giống và khác nhau, tóm tắt nội dung thông qua kỹ thuật đọc quét, đọc nhanh, dựa vào ngữ cảnh theo chủ đề cho sẵn.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Có ý thức đọc sách và tài liệu bằng tiếng Anh, tích cực học hỏi, nghiên cứu về lĩnh vực xã hội văn hóa thông qua việc vận dụng kỹ năng đọc hiểu hiệu quả.
- Tích cực, chủ động khi làm việc theo cá nhân, cặp hoặc theo nhóm để tăng thêm tự tin trong giao tiếp.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Hiểu, trình bày được nghĩa từ vựng về chủ đề văn hóa xã hội, tâm lý, khoa học thường thức
CLO2	Hiểu, trình bày được các kỹ thuật (phương pháp) đọc hiểu: skimming (đọc lướt xác định ý chính), scanning (đọc lướt xác định ý phụ hay ý chi tiết), dựa vào ngữ cảnh để phỏng đoán ý, suy luận ý, tìm điểm so sánh giống và khác nhau, tóm tắt nội dung.....
Về kỹ năng	
CLO3	Áp dụng được từ vựng về chủ đề văn hóa xã hội khoa học thường thức khi đọc hiểu
CLO4	Áp dụng được các kỹ thuật (phương pháp) để xác định ý chính, ý phụ (ý chi tiết), phỏng đoán ý, suy luận, tìm điểm so sánh giống và khác nhau, tóm tắt nội dung thông qua kỹ thuật đọc lướt, đọc nhanh, đọc chi tiết trong các bài đọc
CLO5	Vận dụng ý tưởng (kiến thức) từ các bài đọc để thực hiện hoạt động tư duy phân biện (phân tích, tổng hợp, đánh giá, phân biện) các vấn đề theo các chủ đề cho sẵn, góp phần bổ sung cải thiện kỹ năng nói.
CLO6	Làm việc nhóm, quản lý thời gian để thực hiện các hoạt động thảo luận trong nhóm
Về thái độ	
CLO7	Học tập chủ động, đặt vấn đề, đóng góp ý kiến, thảo luận khi làm việc theo nhóm hoặc theo cá nhân
CLO8	Cư xử chuẩn mực, tích cực học hỏi, nghiên cứu về lĩnh vực xã hội văn hóa thông qua việc vận dụng kỹ năng đọc hiểu hiệu quả.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1			I							
CLO 2			I							
CLO 3			I							
CLO 4						R				
CLO 5						R				
CLO 6										R
CLO7										R
Tổng hợp học phần			I			R				R

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	Chương 1: Character Bài 1: Are you a natural leader? Bài 2: Great leaders and their character	1	3			10	Thuyết giảng Thực hành cá nhân / Làm việc nhóm	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.
Tuần 2: Từ:	Chương 2: Time Bài 1: Time management tips	1	3			10	Thuyết giảng	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Đến...	Bài 2: A matter of time						Thực hành cá nhân / Làm việc nhóm	mới theo sự hướng dẫn của GV.
Tuần 3: Từ: Đến...	Chương 3: Buildings Bài 1: Designers schools Bài 2: Is technology helping the airport experience?	1	3			10	Thuyết giảng Thực hành cá nhân / Làm việc nhóm	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.
Tuần 4: Từ: Đến...	Chương 4: Cities Bài 1: Creative solutions Bài 2: Size doesn't matter	1	3			10	Thuyết giảng Thực hành cá nhân / Làm việc nhóm	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.
Tuần 5: Từ: Đến...	Chương 5: Cultures Bài 1: The negative effects of technology	1	3			10	Thuyết giảng Thực hành cá nhân / Làm việc nhóm	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	Bài 2: Technology making a difference							
Tuần 6: Từ: Đến...	Midterm Test – 60 phút Chương 6: Food Bài 1: Hurry up and slow down Bài 2: Pistachios	1	3			10	Thuyết giảng Thực hành cá nhân / Làm việc nhóm	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.
Tuần 7: Từ: Đến...	Chương 7: Extremes Bài 1: Earth's final frontiers Bài 2: The empty quarter	1	3			10	Thuyết giảng Thực hành cá nhân / Làm việc nhóm	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.
Tuần 8: Từ: Đến...	Chương 8: Vision Bài 1: Is seeing really believing? Bài 2: Color and flags	2	2			10	Thuyết giảng Thực hành cá nhân / Làm việc nhóm	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.
Tuần 9: Từ:	Chương 9: Progress	2	2			10	Thuyết giảng	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Đến...	Bài 1: From medieval to modern Bài 2: Gaming to feel better						Thực hành cá nhân / Làm việc nhóm	mới theo sự hướng dẫn của GV.
Tuần 10: Từ: Đến...	Chương 10: Work Bài 1: The clean future of flying Bài 2: Leave it for the robot	2	2			10	Thuyết giảng Thực hành cá nhân / Làm việc nhóm	- SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung bài mới theo sự hướng dẫn của GV.
Tuần 11: Từ: Đến...	Ôn tập và kiểm tra	2	3			5	Thuyết giảng Thực hành cá nhân / Làm việc nhóm	SV làm bài tập về nhà và chuẩn bị các nội dung cho bài thi cuối kỳ
TỔNG		15	30			105		

6. HỌC LIỆU:

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất.)

6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

- David, B. & Dorothy, E. Z. (2018) *Skillful Reading & Writing 1, second edition*. Macmillan Publishers Ltd.

6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

1. Ackert Patricia, L. Nebel Anne (2005). *Insights and Ideas, second edition*. NXB Trẻ.
2. Kate Dobiecka and Karen Wiederholt (2007). *Well Read 2 – Skills and Strategies for Reading*. Oxford University Press
3. Pamela Hartmann and Elaine Kim. (2013). *Interaction 2 – Reading, sixth edition*. Mc Graw-Hill

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Thái độ học tập, chuyên cần, năng lực tự chủ	Điểm danh chuyên cần, đánh giá thái độ tích cực tham gia trong hoạt động học tập và năng lực tự chủ của sinh viên.	CLO7	10%
2	Bài tập nhóm	- Làm việc nhóm, thảo luận, trả lời câu hỏi liên quan đến từ vựng, kỹ thuật đọc hiểu - Thực hành kỹ năng, kỹ thuật đọc hiểu: đọc lướt, đọc quét, xác định ý chính, ý phụ, phỏng đoán ý, tóm tắt nội dung chính, so sánh giống và khác,... thông qua các hoạt động đọc hiểu - Phát triển khả năng tư duy biện luận về các chủ đề văn hóa, xã hội, khoa học thường thức trong sách và ngoài sách	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	30%
	Bài tập cá nhân	Sinh viên làm các bài tập phát triển vốn từ vựng và thực hành đọc hiểu các bài đọc, ứng dụng kỹ năng, kỹ thuật đọc hiểu: đọc lướt, đọc quét, xác định ý chính, ý phụ, tóm tắt nội dung chính, so sánh giống và khác, phỏng đoán dựa vào ngữ cảnh trong bài đọc...	CLO1 CLO2, CLO3 CLO4	20%

	Kiểm tra giữa kỳ	Hình thức: Kiểm tra viết Thời gian làm bài: 60 phút. Nội dung: kiểm tra kiến thức từ vựng và đánh giá kỹ năng, kỹ thuật đọc hiểu thông xác định ý chính, ý phụ phỏng đoán ý, tóm tắt nội dung chính, so sánh giống và khác,...	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	40%
TỔNG				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN +Hình thức: Viết +Thời gian: 60 phút +Nội dung: -Phần 1. Từ vựng (20 câu – 4 điểm bao gồm các dạng nối từ với định nghĩa, điền từ vào chỗ trống thích hợp, diễn giải nghĩa của từ, v.v...)	-Đánh giá kiến thức: có kiến thức từ vựng và kiến thức về phương pháp đọc hiểu cơ bản về các vấn đề văn hóa, xã hội, khoa học thường thức...	CLO1 CLO2	40%
	-Đánh giá kỹ năng: kỹ năng và kỹ thuật đọc hiểu như đọc lướt, đọc quét, xác định ý chính, ý phụ, tóm tắt nội dung chính, phỏng đoán ý, so sánh giống và khác, kỹ năng phân tích, tổng hợp nội dung bài đọc...	CLO3 CLO4 CLO5	40%
	-Phần 2: Đọc hiểu (30 câu – 6 điểm) bao gồm 2 bài đọc hiểu với các dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn; đúng/sai; nối ý với đoạn văn thích hợp, diễn cụm từ hay ý thích hợp vào đoạn văn, trả lời câu hỏi, v.v...	CLO7 CLO8	20%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Tôn trọng giảng viên và bạn bè;
- Tích cực đóng góp xây dựng bài;
- Không làm việc riêng trong giờ học;
- Nộp bài đúng thời gian quy định;

8.3 Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

9.1. Rubric đánh giá thái độ tinh tích cực học tập chuyên cần

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ tham dự lớp học theo thời khóa biểu	CLO7	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Mức độ tự chủ tham gia các hoạt động học tập trên lớp	CLO7	50%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng/thích hợp dưới 50% các tình huống về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng/thích hợp từ 50% đến dưới 70% các tình huống về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng/thích hợp từ 70% đến dưới 85% các tình huống về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng/thích hợp từ 85% đến 100% nội dung bài học.

9.2. Rubric đánh giá làm việc theo nhóm

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Tương tác giữa các thành viên	CLO7	20%	Ít tham gia thảo luận và khoảng 1/3 thành viên tham gia trả lời câu hỏi thảo luận	Tham gia thảo luận, chỉ 1/2 thành viên tham gia trả lời câu hỏi thảo luận	Tham gia thảo luận sôi nổi, 2/3 thành viên tham gia trả lời câu hỏi thảo luận	Tham gia thảo luận sôi nổi, tất cả các thành viên đều có tham gia trả lời câu hỏi thảo luận
Nội dung câu hỏi	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	60%	Nội dung câu trả lời (xác định ý, phân tích đánh giá, tổng hợp phản biện, v.v...) chưa thuyết phục và hợp lý	Nội dung câu trả lời (xác định ý, phân tích đánh giá, tổng hợp, phản biện, v.v...) lời chấp nhận được	Nội dung câu trả lời (xác định ý, phân tích đánh giá, tổng hợp, phản biện, v.v...) tương đối thuyết phục, hợp lý	Nội dung câu trả lời xác định ý, (phân tích đánh giá, tổng hợp, phản biện, v.v...) thuyết phục, hợp lý
Cách thức trả lời	CLO7 CLO8	20%	Ít tự tin, trình bày khó hiểu được đối với người nghe. Ít hoặc không sử dụng ngôn ngữ cơ thể. Có nhiều chỗ ngừng, nghỉ, ngắt nhịp, ngữ điệu, dấu nhấn chưa hợp lý, gây ảnh hưởng nhiều đến quá trình giao tiếp.	Trình bày có thể hiểu được đối với người nghe. Có một vài chỗ ngừng, nghỉ, ngắt nhịp, ngữ điệu, dấu nhấn chưa hợp lý, gây ảnh hưởng ít ssssđến quá trình giao tiếp.	Nói tương đối to, rõ ràng, có sử dụng ngôn ngữ cơ thể. Tự tin, trình bày tương đối trôi chảy, dễ hiểu. Có rất ít chỗ ngừng, nghỉ, ngắt nhịp, ngữ điệu, dấu nhấn chưa hợp lý nhưng không gây khó hiểu trong quá trình giao tiếp	Nói to, rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ cơ thể, bao quát tốt. Tự tin, trình bày một cách trôi chảy và dễ hiểu, ngừng nghỉ, ngắt nhịp hợp lý.

9.3. Rubric đánh giá làm việc cá nhân

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10

Số lượng bài tập	CLO6 CLO7	20%	Hoàn thành dưới 50% bài tập được giao	Hoàn thành từ 50% đến dưới 70% bài tập được giao	Hoàn thành từ 70% đến dưới 85% bài tập được giao	Hoàn thành >85% bài tập được giao
Khả năng vận dụng từ vựng và phương pháp đọc hiểu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	80%	- Hiểu và trả lời đúng <50% các câu hỏi về nghĩa của từ vựng, các bài tập liên quan đến đọc lướt, đọc quét, dựa vào ngữ cảnh để xác định ý chính, ý phụ, tóm tắt, nhận diện được điểm giống và khác nhau, đưa ra ý kiến về một vấn đề trong các hoạt động đọc hiểu.	- Hiểu và trả lời đúng 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nghĩa của từ vựng, các bài tập liên quan đến đọc lướt, đọc quét, dựa vào ngữ cảnh để xác định ý chính, ý phụ, tóm tắt, nhận diện được điểm giống và khác nhau, đưa ra ý kiến về một vấn đề trong các hoạt động đọc hiểu.	- Hiểu và trả lời đúng 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nghĩa của từ vựng, các bài tập liên quan đến đọc lướt, đọc quét, dựa vào ngữ cảnh để xác định ý chính, ý phụ, tóm tắt, nhận diện được điểm giống và khác nhau, đưa ra ý kiến về một vấn đề trong các hoạt động đọc hiểu.	- Hiểu và trả lời đúng > 85 các câu hỏi về nghĩa của từ vựng, các bài tập liên quan đến đọc lướt, đọc quét, dựa vào ngữ cảnh để xác định ý chính, ý phụ, tóm tắt, nhận diện được điểm giống và khác nhau, đưa ra ý kiến về một vấn đề trong các hoạt động đọc hiểu.

9.4. Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ.

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Từ vựng	CLO1 CLO2	40%	- Trả lời đúng <50% các câu hỏi trắc nghiệm vận dụng về từ vựng	- Trả lời đúng 50% <70 % các câu hỏi vận dụng về từ vựng	- Trả lời đúng 70-85 % các câu hỏi vận dụng về từ vựng	- Trả lời đúng > 85% các câu hỏi vận dụng về từ vựng.

Khả năng vận dụng Phương pháp/kỹ thuật trong đọc hiểu	CLO3 CLO4	60%	- Trả lời đúng/ hợp lý <50% các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến xác định đúng ý chính, ý phụ, tóm tắt được ý, phỏng đoán ý, nhận diện được điểm giống và khác nhau	- Trả lời đúng/ hợp lý 50 đến dưới 70% các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến xác định đúng ý chính, ý phụ, tóm tắt được ý, phỏng đoán ý, nhận diện được điểm giống và khác nhau	- Trả lời đúng/ hợp lý 70-85% các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến xác định đúng ý chính, ý phụ, tóm tắt được ý, phỏng đoán ý, nhận diện được điểm giống và khác nhau	- Trả lời đúng/ hợp lý > 85% các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến xác định đúng ý chính, ý phụ, tóm tắt được ý, phỏng đoán ý, nhận diện được điểm giống và khác nhau
---	--------------	-----	--	---	--	---

9.5. Rubric đánh giá bài kiểm cuối kỳ.

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Khả năng hiểu và vận dụng từ vựng	CLO1 CLO3 CLO7 CLO8	40%	- Trả lời đúng <50% các câu hỏi trắc nghiệm vận dụng về từ vựng	- Trả lời đúng 50% <70 % các câu hỏi vận dụng về từ vựng	- Trả lời đúng 70-85 % các câu hỏi vận dụng về từ vựng	- Trả lời đúng > 85% các câu hỏi vận dụng về từ vựng.
Khả năng hiểu và vận dụng phương pháp/kỹ thuật trong đọc hiểu	CLO3 CLO4 CLO5 CLO7 CLO8	60%	- Trả lời đúng/ hợp lý <50% các câu hỏi trắc nghiệm/tự luận liên quan đến xác định đúng ý chính, ý phụ, tóm tắt được ý, phỏng đoán ý, nhận diện được điểm giống và khác nhau	- Trả lời đúng/ hợp lý 50 đến dưới 70% các câu hỏi trắc nghiệm/tự luận liên quan đến xác định đúng ý chính, ý phụ, tóm tắt được ý, phỏng đoán ý, nhận diện được điểm giống và khác nhau	- Trả lời đúng/ hợp lý 70-85% các câu hỏi trắc nghiệm/tự luận liên quan đến xác định đúng ý chính, ý phụ, tóm tắt được ý, phỏng đoán ý, nhận diện được điểm giống và khác nhau	- Trả lời đúng/ hợp lý > 85% các câu hỏi trắc nghiệm/tự luận liên quan đến xác định đúng ý chính, ý phụ, tóm tắt được ý, phỏng đoán ý, nhận diện được điểm giống và khác nhau

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TU. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Viết 2
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Writing 2
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	010642
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	150
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	30
- Thực hành:	0
- Tự học:	105
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Writing 1
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ thuật viết văn đúng yêu cầu của tiếng Anh sử dụng trong môi trường học thuật và phát triển kỹ năng giao tiếp viết, phân xạ ngôn ngữ và tư duy phản biện qua ngôn ngữ học được cho người học. Cụ thể, học phần trình bày kiến thức về khái niệm, cấu trúc, các thuộc tính, quy trình xây dựng và ngôn ngữ sử dụng cho 5 thể loại bài luận tiếng Anh gồm: miêu tả, giải thích vấn đề và đưa ra cách

giải quyết, so sánh và tương phản, đưa ra nguyên nhân và kết quả, cho ý kiến về các chủ đề cập nhật.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kiến thức và các kỹ năng cần có để phân tích, đánh giá 1 bài luận, hiểu và sử dụng được cấu trúc của từng thể loại và ngôn ngữ viết phù hợp, xây dựng dàn ý và viết được bài luận tiếng Anh sử dụng trong môi trường học thuật thuộc nhiều thể loại khác nhau với những chủ đề đa dạng.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể:

Về kiến thức:

- Phân biệt được các thể loại bài luận miêu tả, giải thích vấn đề và đưa ra cách giải quyết, so sánh và tương phản, đưa ra nguyên nhân và kết quả, cho ý kiến về các chủ đề cập nhật
- Trình bày ngôn ngữ đặc trưng thường dùng cho thể loại bài văn bài luận miêu tả, giải thích vấn đề và đưa ra cách giải quyết, so sánh và tương phản, đưa ra nguyên nhân và kết quả, cho ý kiến về các chủ đề cập nhật.
- Hiểu được cấu trúc và cách xây dựng bài luận tiếng Anh sử dụng trong môi trường học thuật.
- Phân tích được 1 bài luận tốt cần có những yếu tố nào.
- Đánh giá được 1 bài luận đạt hay chưa đạt yêu cầu, tốt hay chưa tốt.

Về kỹ năng:

- Liệt kê và sắp xếp các ý tưởng hợp lý, phát triển ý tưởng và tạo lập dàn bài.
- Viết được một cách chặt chẽ và mạch lạc các bài luận mang tính học thuật bằng tiếng Anh về thể loại miêu tả, giải thích vấn đề và đưa ra cách giải quyết, so sánh và tương phản, đưa ra nguyên nhân và kết quả, cho ý kiến về các chủ đề cập nhật.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Có ý thức học tập tích cực, đóng góp các ý kiến và phản hồi có liên quan đến nội dung môn học.
- Chủ động làm việc nhóm, thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan đến việc viết bài luận.

- Có phẩm chất, đạo đức tốt, thực hiện đúng các nghĩa vụ và tác phong của người sinh viên, chịu trách nhiệm với sản phẩm của mình (bài luận) – không đạo văn, trích rõ nguồn khi sử dụng ý tưởng của người khác.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Phân biệt được các thể loại bài luận miêu tả, giải thích vấn đề và đưa ra cách giải quyết, so sánh và tương phản, đưa ra nguyên nhân và kết quả, cho ý kiến về các chủ đề cập nhật
CLO2	Trình bày ngôn ngữ đặc trưng thường dùng cho thể loại bài văn bài luận miêu tả, giải thích vấn đề và đưa ra cách giải quyết, so sánh và tương phản, đưa ra nguyên nhân và kết quả, cho ý kiến về các chủ đề cập nhật.
CLO3	Hiểu được cấu trúc và cách xây dựng bài luận tiếng Anh sử dụng trong môi trường học thuật.
CLO4	Phân tích được 1 bài luận tốt cần có những yếu tố nào.
CLO5	Đánh giá được 1 bài luận đạt hay chưa đạt yêu cầu, tốt hay chưa tốt.
Về kỹ năng	
CLO6	Liệt kê và sắp xếp các ý tưởng hợp lý, phát triển ý tưởng và tạo lập dàn bài.
CLO7	Viết được một cách chặt chẽ và mạch lạc các bài luận mang tính học thuật bằng tiếng Anh về thể loại miêu tả, giải thích vấn đề và đưa ra cách giải quyết, so sánh và tương phản, đưa ra nguyên nhân và kết quả, cho ý kiến về các chủ đề cập nhật.
Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
CLO8	Có ý thức học tập tích cực, đóng góp các ý kiến và phản hồi có liên quan đến nội dung môn học.
CLO9	Chủ động làm việc nhóm, thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan đến việc viết bài luận.
CLO10	Có phẩm chất, đạo đức tốt, thực hiện đúng các nghĩa vụ và tác phong của người sinh viên, chịu trách nhiệm với sản phẩm của mình (bài luận) – không đạo văn, trích rõ nguồn khi sử dụng ý tưởng của người khác.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1			I							
CLO 2			R							
CLO 3			I							
CLO 4			R							
CLO 5			R							
CLO6						R				
CLO7						M				
CLO8										
CLO9										R
CLO10										R
Tổng hợp học phần			R			M				R

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	Unit 1: Paragraph to Short Essay • Paragraph structure • The topic sentence • Unity and coherence	1	3			10	Thuyết giảng Đàm thoại Làm việc nhóm Thực hành cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Làm bài tập
Tuần 2: Từ: Đến...	Unit 1: Paragraph to Short Essay (cont.) • The paragraph and short essay • Short essay organization	1	3			10	Thuyết giảng Đàm thoại Làm việc nhóm Thực hành cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Làm bài tập
Tuần 3: Từ: Đến...	Unit 2: Descriptive Essays • Descriptive organization • Prepositional phrases in descriptive writing	1	3			10	Thuyết giảng Đàm thoại Làm việc nhóm Thực hành cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Làm bài tập

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	- Details in sentences - Similes & simile structure - Adjectives in descriptive writing							
Tuần 4: Từ: Đến...	Unit 3: Narrative Essays - Narative organization - Sequence in narrative essays - Subordinating conjunctions - Details in essays - The past continuous in narrative essays - Past time clauses - Simultaneous activities	1	3			10	Thuyết giảng Đàm thoại Làm việc nhóm Thực hành cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Làm bài tập
Tuần 5:	Unit 4: Comparison and Contrast Essays	1	3			10	Thuyết giảng	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Làm bài tập

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Từ: Đến...	• Comparison – contrast organization • Comparison & contrast connectors						Đàm thoại Làm việc nhóm Thực hành cá nhân	
Tuần 6: Từ: Đến...	Unit 4: Comparison and Contrast Essays (cont.) • Comparatives in comparison – contrast essays • Comparatives in sentences Midterm test	1	3			10	Thuyết giảng Đàm thoại Làm việc nhóm Thực hành cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Làm bài tập
Tuần 7: Từ: Đến...	Unit 5: Opinion Essays • Opinion organization • Facts & opinions • Counter-argument & refutation	1	3			10	Thuyết giảng Đàm thoại Làm việc nhóm Thực hành cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Làm bài tập

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 8: Từ: Đến...	Unit 5: Opinion Essays (cont.) - Quantity expressions in opinion essays - Connectors to show support & opposition	2	3			10	Thuyết giảng Đàm thoại Làm việc nhóm Thực hành cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Làm bài tập
Tuần 9: Từ: Đến...	Unit 6: Cause-and-Effect Essays - Cause-and-effect organization - Clustering information	2	2			10	Thuyết giảng Đàm thoại Làm việc nhóm Thực hành cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Làm bài tập
Tuần 10: Từ: Đến...	Unit 6: Cause-and-Effect Essays (cont.) - Phrasal verbs - The future with <i>will</i> <i>Will</i> with <i>so that</i>	2	2			10	Thuyết giảng Đàm thoại Làm việc nhóm Thực hành cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Làm bài tập

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	Future possibilities with <i>if</i> clauses							
Tuần 11: Từ: Đến...	Revision	2	2			5	Thuyết giảng Đàm thoại Làm việc nhóm Thực hành cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Làm bài tập
TỔNG		15	30			105		

6. HỌC LIỆU:

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất.)

6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

1. Savage, A. & Mayer, P. (2012). *Effective Academic Writing 2: The Short Essay* (2nd ed.). Oxford University Press.

6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

1. Oshima, A. & Houge, A. (2017). *Longman Academic Writing Series: Essays* (5th ed.). Pearson Education.
2. Zemach, D. & Ghulldu, L. (2020). *Writing essays: From Paragraph to Essay*. Macmillan Education.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Thái độ học tập, chuyên cần	Đánh giá mức độ tự chủ và trách nhiệm của sinh viên khi tham gia tiếp nhận, đóng góp ý kiến về những nội dung của các buổi học, tích cực làm các bài tập cá nhân theo yêu cầu của GV.	CLO4 CLO5 CLO8 CLO9 CLO10	10%
2	Bài tập NHÓM	Thực hành các bài tập nhóm. Mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên và tối thiểu 3 sinh viên, được phân chia một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học: thảo luận để phát triển dần ý một bài luận. Thời gian thực hiện: tối đa 25 phút. Sau khi thu bài, GV chuyển bài của các nhóm cho nhóm khác để nhận xét theo tiêu chí (có 7 tiêu chí) chấm điểm đã được GV công bố. Cuối cùng GV thu bài và chấm điểm cả phần viết và phần nhận xét của các nhóm. Mỗi nhóm viết và nhận xét 3 bài tương ứng với 3 thể loại văn đã được học.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9 CL10	30%
3	Kiểm tra giữa kỳ	Thời gian làm bài: 60 phút. Sinh viên được yêu cầu lập dàn ý và viết 1 bài văn có cấu trúc và đầy đủ thành phần theo quy định. (Chọn 1 trong các dạng bài đã học: Descriptive Essays, Narrative Essays hoặc Comparison and Contrast Essays)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6 CLO7	60%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN Thời gian làm bài: 60 phút Nội dung gồm 2 phần: 1. Lập dàn ý cụ thể cho 1 bài luận theo chủ đề đã chọn. 2. Viết bài luận có cấu trúc và đầy đủ thành phần theo quy định (Một trong các dạng văn đã học)	- Đánh giá về kiến thức: Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức, khả năng hệ thống hóa và áp dụng để trình bày văn bản tiếng Anh một cách phù hợp với tình huống	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	- Đánh giá về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng tư duy, lập luận chặt chẽ, xử lý tình huống ở mức phù hợp nhất với tình huống	CLO6 CLO7	50%
	- Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Đánh giá khả năng tự chủ động, sáng tạo giải quyết vấn đề, sử dụng văn phong phù hợp với tình huống	CLO8 CLO9 CLO10	20%
	Tổng		100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Tôn trọng giảng viên và bạn bè.
- Tích cực đóng góp xây dựng bài.
- Không làm việc riêng trong giờ học.
- Nộp bài đúng thời gian quy định.

8.3 Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1: Bảng Rubric đánh giá điểm chuyên cần:

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ tham dự lớp học theo thời khóa biểu	CLO8	30%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Mức độ tự chủ tham gia các hoạt động học tập trên lớp	CLO9	30%	Không tham gia thảo luận/trả lời / viết bài đúng dưới 50% các yêu cầu về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời / viết bài đúng từ 50% đến dưới 70% các yêu cầu về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời / viết bài đúng từ 70% đến dưới 85% các yêu cầu về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung bài học.
Nghỉ học hoặc bỏ ngang buổi học	CLO10	40%	Không có lý do hoặc có lý do trên 3 lần.	Có lý do từ 2 đến 3 lần.	Có lý do 1 lần.	Không nghỉ học hoặc bỏ ngang buổi học.

Bảng 2: Bảng Rubric đánh giá Hoạt động làm việc nhóm:

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ tham gia thực hiện	CLO9	20%	< 40% số lượng thành viên tham gia viết bài và nhận xét	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia viết bài và nhận xét	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia viết bài và nhận xét	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia viết bài và nhận xét
Hình thức bài viết (bài luận)	CLO6 CLO7	50%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (introduction, body, conclusion), hơn 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có hơn 3 ý không liên quan chủ đề,	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ nhưng còn sai sót, 7 - 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 2 ý không liên quan chủ đề, chưa mạch	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ và không có sai sót, 3 - 6 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 1 ý không liên quan chủ đề, khá mạch lạc và dễ hiểu.	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ, chính xác, hợp lý, ít hơn 3 lỗi ngữ pháp và chính tả, tất cả các ý đều phù hợp với chủ đề, rất

			không mạch lạc, khó hiểu.	lạc, có 1 vài ý khó hiểu.		mạch lạc và dễ hiểu.
Kỹ năng nhận xét bài	CLO4 CLO5 CLO10	30%	Nhận xét đúng / hợp lý 1 tiêu chí	Nhận xét đúng / hợp lý 2 - 3 tiêu chí	Nhận xét đúng / hợp lý 4 - 5 tiêu chí	Nhận xét đúng / hợp lý 6 - 7 tiêu chí

Bảng 3: Bảng Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ:

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0 - 8.4	8.5 - 10
Lập dàn ý	CLO3	10%		Dàn ý có bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ	Dàn ý có bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ và không có sai sót,	Dàn ý có bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ, chính xác, hợp lý, tất cả các ý đều phù hợp với chủ đề, rất mạch lạc và dễ hiểu.
	CLO6	20%	Dàn ý sơ sài, không đầy đủ các bố cục (introduction, body, conclusion), có hơn 3 ý không liên quan chủ đề, không mạch lạc, khó hiểu.	nhưng còn sai sót, có 2 ý không liên quan chủ đề, chưa mạch lạc, có 1 vài ý khó hiểu.	có 1 ý không liên quan chủ đề, khá mạch lạc và dễ hiểu.	
Viết bài văn hoàn chỉnh	CLO1	20%	Sơ sài, không đầy đủ các bố cục (introduction, body, conclusion),	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ và không có sai sót, 3 - 6 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 1 ý không liên quan chủ đề, khá mạch lạc và dễ hiểu.	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ, chính xác, hợp lý, ít hơn 3 lỗi ngữ pháp và chính tả, tất cả các ý đều phù hợp với chủ đề, rất mạch lạc và dễ hiểu.
	CLO2	20%	hơn 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có hơn 3 ý không liên quan chủ đề, không mạch lạc, khó hiểu.	nhưng còn sai sót, 7 - 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 2 ý không liên quan chủ đề, chưa mạch lạc, có 1 vài ý khó hiểu.		
	CLO7	30%				

Bảng 4: Bảng Rubric đánh giá bài thi cuối kỳ:

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0 - 8.4	8.5 - 10
Lập dàn ý	CLO3	10%	Dàn ý sơ sài, không đầy đủ	Dàn ý có bố cục	Dàn ý có bố cục	Dàn ý có bố cục

			các bộ cục (introduction, body, conclusion), có hơn 3 ý không liên quan chủ đề, không mạch lạc, khó hiểu.	(introduction, body, conclusion) đầy đủ nhưng còn sai sót, có 2 ý không liên quan chủ đề, chưa mạch lạc, có 1 vài ý khó hiểu.	(introduction, body, conclusion) đầy đủ và không có sai sót, có 1 ý không liên quan chủ đề, khá mạch lạc và dễ hiểu.	(introduction, body, conclusion) đầy đủ, chính xác, hợp lý, tất cả các ý đều phù hợp với chủ đề, rất mạch lạc và dễ hiểu.
	CLO6	20%				
Viết bài văn hoàn chỉnh	CLO1	20%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (introduction, body, conclusion), hơn 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có hơn 3 ý không liên quan chủ đề, không mạch lạc, khó hiểu.	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ nhưng còn sai sót, 7 - 10 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 2 ý không liên quan chủ đề, chưa mạch lạc, có 1 vài ý khó hiểu.	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ và không có sai sót, 3 - 6 lỗi ngữ pháp và chính tả, có 1 ý không liên quan chủ đề, khá mạch lạc và dễ hiểu.	Bố cục (introduction, body, conclusion) đầy đủ, chính xác, hợp lý, ít hơn 3 lỗi ngữ pháp và chính tả, tất cả các ý đều phù hợp với chủ đề, rất mạch lạc và dễ hiểu.
	CLO2	20%				
	CLO7	30%				

Bảng 5: Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần:

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu căn kẽ	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	5%	Mới thu nhận được một số ít khái niệm về thành phần và bộ cục của 1 bài luận, còn nhiều sai sót khi viết luận, các đoạn văn và bài văn hoàn chỉnh hầu	Hiểu được các thành phần của 1 bài luận, viết được mở bài, thân bài và kết bài nhưng còn nhiều lỗi chính tả và ngữ pháp, viết bài luận	Viết được các thành phần của 1 bài luận, viết bài luận đúng hình thức tùy từng thể loại; tuy nhiên, các ý còn rời rạc, có 1 số chỗ	Viết được 1 bài luận hoàn chỉnh ở mức khá, có ít lỗi ngôn ngữ cũng như hình thức trình bày	Viết được 1 bài luận hoàn chỉnh ở mức xuất sắc, hầu như không có lỗi ngôn ngữ cũng như hình thức trình bày, các đoạn văn mạch lạc, dễ hiểu,
CLO2	10%					
CLO3	10%					
CLO4	5%					
CLO5	5%					
CLO6	20%					
CLO7	30%					
CLO8	5%					

CLO9	5%	như chưa đạt yêu cầu	chưa đúng về hình thức và các ý còn rời rạc, có nhiều chỗ tối nghĩa	tối nghĩa, vẫn còn 1 số lỗi ngữ pháp và từ vựng		mang tính thuyết phục cao
CLO10	5%					
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

**TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH**

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Hình thái học – Cú pháp học
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Morphology – Syntax
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	010348
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	150
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	30
- Thực hành:	0
- Tự học:	105
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Grammar, Phonetics – Phonology
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần Morphology – Syntax là học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, học phần này cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản và chuyên sâu về từ, từ loại, cụm từ, mệnh đề và câu trong tiếng Anh, các quy tắc sắp xếp các thành tố cấu thành từ, cụm từ và quá trình hình thành kho từ vựng tiếng Anh đương đại ... Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp, hình thành tư duy phân biện và lý luận ngôn ngữ tiếng Anh một cách logic và hiệu quả.

Phần 1 - “Morphology” – “Hình thái học” cung cấp nền tảng lý thuyết về phân tích cấu tạo từ trên cơ sở kết hợp các hình vị, và quá trình hình thành từ trong tiếng Anh.

Phần 2 – “Syntax” – “Cú pháp học” cung cấp những khái niệm cơ bản và chuyên sâu về cú pháp học, cấu trúc cụm từ, mệnh đề, câu, và quy luật sắp xếp các thành tố tạo thành câu trong tiếng Anh.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được kiến thức về Hình vị, các loại hình vị, các đặc tính của hình vị, các loại hình tổ, các phương pháp tạo từ mới, các loại từ, cụm từ, mệnh đề, câu, các chức năng ngữ pháp của các đơn vị trong câu, mối quan hệ giữa các đơn vị trong câu, nhằm giúp sinh viên đọc hiểu, viết, và sử dụng tiếng Anh hiệu quả hơn trong học tập, công việc sau này.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu và vận dụng các khái niệm về hình vị học, cú pháp học để học tập, nghiên cứu ngôn ngữ học tiếng Anh;
- Hiểu, đánh giá và phân tích được cấu trúc của từ và câu.
- Hiểu và vận dụng kiến thức về cách thức hình thành từ vựng trong tiếng Anh và vận dụng kiến thức này trong biên phiên dịch tiếng Anh.
- Hiểu và vận dụng kiến thức về cấu trúc câu tiếng Anh trong biên dịch.

Về kỹ năng:

- Vận dụng kỹ năng phán đoán nghĩa của từ thông qua các hình vị, phân xạ ngôn ngữ nhanh nhẹn trong hoạt động biên phiên dịch do nắm vững cấu trúc từ và câu trong giao tiếp.
- Có kỹ năng chuyển ngữ vận dụng trong biên phiên dịch.
- Phát triển kỹ năng diễn đạt ý kiến đúng cú pháp, chính xác và chặt chẽ.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Phát triển kỹ năng đoán nghĩa của từ và phân tích câu trong quá trình đọc tài liệu và biên phiên dịch tiếng Anh.
- Phát huy khả năng tự trau dồi, nghiên cứu sâu về ngành ngôn ngữ học.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
---------	----------

Về kiến thức	
CLO1	Hiểu và vận dụng kiến thức về hệ thống hình vị trong tiếng Anh; phân loại hình vị; cấu trúc từ; cấu trúc cụm từ; mệnh đề; chức năng ngữ pháp trong câu.
CLO2	Hiểu và phân tích được cấu trúc từ và cấu trúc câu; xác định các chức năng ngữ pháp của các đơn vị trong câu, trong văn bản
CLO3	Phân tích cấu trúc câu dị nghĩa trong tiếng Anh; xác định chức năng ngữ pháp của các thành tố trong câu.
CLO4	Phân tích các từ loại trong cấu trúc câu và vị trí của từ trong cấu trúc câu
Về kỹ năng	
CLO5	Phân tích cấu trúc ngữ pháp của câu; ứng dụng trong việc xác định cấu trúc từ; cấu trúc câu trong văn bản.
CLO6	Vận dụng các kiến thức trong cấu trúc từ; cấu trúc câu trong học tập và tiếp thu ngôn ngữ
CLO7	Phân tích và giải thích được những cấu trúc dị nghĩa trong tiếng Anh và xác định nghĩa rõ ràng trong văn viết hoặc dịch thuật văn bản.
Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
CLO8	Học tập và tham gia tiếp nhận về những nội dung xung quanh kiến thức về hình thái học và cú pháp học.
CLO9	Học tập chủ động, đóng góp ý kiến liên quan đến các loại câu trong phạm vi giải quyết của bản thân
CLO10	Chịu trách nhiệm bản thân đối với công việc.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thử nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1			I							
CLO 2			I							

CLO 3			I						
CLO 4			I			R			
CLO 5						R			
CLO 6						R			
CLO 7						R			
CLO 8									R
CLO 9									R
CLO 10									R
Tổng hợp học phần			I			R			R

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ:	Introduction Morphology Morpheme	1	3			10	Thuyết giảng Làm việc nhóm	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Đến...								Bài tập trên lớp
Tuần 2: Từ: Đến...	Morphology (cont.) * Morphs – Allomorphs * Immediate constituents in morphology	1	3			10	Thuyết giảng Làm việc nhóm Thuyết trình	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Bài tập trên lớp
Tuần 3: Từ: Đến...	Morphology (cont.) * Words * Word formation processes	1	3			10	Thuyết giảng Làm việc nhóm Thuyết trình	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Bài tập trên lớp
Tuần 4: Từ: Đến...	Syntax * Grammar * Parts of speech: + Open word classes + Function word classes	1	3			10	Thuyết giảng Làm việc nhóm Thuyết trình	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Bài tập trên lớp
Tuần 5: Từ:	Midterm test Syntax	1	3			10	Thuyết giảng Làm việc nhóm	Đọc tài liệu Thảo luận

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
.... Đến...	(cont.) * Phrases: + types of phrases + functions of phrases in structures						Thuyết trình	nhóm Bài tập trên lớp
Tuần 6: Từ: Đến...	Syntax (cont.) + phrase structure rules * Clauses: + types of clauses + functions of clauses	1	3			10	Thuyết giảng Làm việc nhóm Thuyết trình	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Bài tập trên lớp
Tuần 7: Từ: Đến...	Syntax (cont.) * Sentences: + classification of sentences + basic sentence patterns	1	3			10	Thuyết giảng Làm việc nhóm Thuyết trình	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Bài tập trên lớp
Tuần	Syntax	2	3			10	Thuyết giảng	Đọc tài

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
8: Từ: Đến...	(cont.) * Tree diagram						Làm việc nhóm Thuyết trình	liệu Thảo luận nhóm Bài tập trên lớp
Tuần 9: Từ: Đến...	Syntax (cont.) * Structural ambiguity	2	2			10	Thuyết giảng Làm việc nhóm Thuyết trình	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Bài tập trên lớp
Tuần 10: Từ: Đến...	Syntax (cont.) * Draw tree diagram * Explain and draw the structural ambiguity	2	2			10	Thuyết giảng Làm việc nhóm Thuyết trình	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Bài tập trên lớp
Tuần 11: Từ: Đến...	Review	2	2			5	Làm việc nhóm Thuyết trình	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm Bài tập trên lớp
TỔNG		15	30			105		

6. HỌC LIỆU:

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất.)

6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

1. Fromkin, V. et al. (2010) *An Introduction to Language*, 9 ed. (Australian edition). Singapore: Harcourt Brace Jovanovich Group Pty Limited
2. Widdowson, H. G. (2003) *Linguistics*. Oxford University Press: London

6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

1. Edward Finegan (2004) *Language – its Structure and Use (4th ed)* Harcourt Brace company
2. Jackson, H. (1981) *Analyzing English - An Introduction to Descriptive Linguistics*. Pergamon Press, Germany
3. Davidson, G. (2003) *Phrases, Clauses and Sentences*. Learners Publishing, Australia
4. Tô Minh Thanh (2011) *English Syntax*. 1st edition. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Tô Minh Thanh (2011) *English Morphology*. 3rd edition. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Thái độ học tập, chuyên cần	- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết. - Sinh viên tham gia đóng góp ý kiến vào bài giảng; trả lời câu hỏi của giảng viên; ý kiến phản biện bài thuyết trình của các nhóm trong lớp.	CLO8 CLO9 CLO10	10%
2	Bài tập CÁ NHÂN - Mỗi sinh viên tham gia làm 03 bài tập cá nhân: + 01 bài tập về các loại	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của mỗi sinh viên. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết, kiến thức về cấu trúc từ,	CLO5 CLO6 CLO7	30%

	hình vị; cấu tạo từ; hình tố; cách thành lập từ + 01 bài tập về từ loại: danh từ; tính từ; động từ; trạng từ; ... + 01 bài tập về phân tích các thành phần trong câu: hình thức các thành phần trong câu; chức năng của các thành phần trong câu.	ngữ, câu vào phân tích giải thích nghĩa của từ, ngữ và câu trong đoạn. Đánh giá tinh thần tích cực học hỏi, sự nghiêm túc của việc đọc hiểu, đoán nghĩa của từ và phân tích câu trong quá trình đọc tài liệu và khả năng giải quyết những khó khăn trong quá trình chuyển ngữ.		
3	Bài kiểm tra giữa kỳ - Bài kiểm tra giữa kỳ là bài kiểm tra vận dụng lý thuyết để giải các bài tập. - Hình thức bài kiểm tra giữa kỳ: + chọn đáp án đúng nhất trong câu hỏi trắc nghiệm 04 lựa chọn.	Đánh giá mức độ hiểu và tiếp thu kiến thức của sinh viên liên quan đến cấu tạo từ, cụm từ trong tiếng Anh; Đánh giá khả năng tích lũy kiến thức, vận dụng vào kỹ năng phán đoán nghĩa của từ; Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức, tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ, giải quyết vấn đề được đưa ra trong bài kiểm tra.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN - Bài thi trong 60 phút, cấu trúc gồm 04 phần: Phần 1: Kiểm tra khả năng nhận diện các loại cấu trúc trong câu. Sinh viên ghi đáp án và kèm giải thích chức năng của cấu trúc đó.	- Đánh giá về kiến thức: + Đánh giá mức độ hiểu và tiếp thu kiến thức về cấu tạo của các thành phần trong câu; chức năng của các thành phần trong câu; + Kiểm tra mức độ hiểu và vận dụng kiến thức trong việc nhận dạng các thành phần trong câu và nhận biết chức năng của	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	40%

Phần 2: Kiểm tra khả năng nhận diện sự khác nhau về hình thức và nghĩa của 02 câu có cấu trúc gần giống nhau. Sinh viên phân tích và giải thích bằng vẽ sơ đồ cấu trúc. Phần 3: Kiểm tra khả năng phân tích cấu trúc (loại câu đa dạng) bằng cách vẽ sơ đồ cấu trúc câu. Phần 4: Kiểm tra khả năng phân tích, giải thích sự đa nghĩa của cấu trúc câu và chứng minh bằng cách vẽ sơ đồ cấu trúc.	các thành phần này. - Đánh giá về kỹ năng: + Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào việc phân tích cấu trúc câu để nhận biết vấn đề dị nghĩa từ trong cấu trúc câu. + Đánh giá khả năng phân tích câu của sinh viên thông qua việc vẽ sơ đồ cấu trúc câu. - Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: + Đánh giá được thái độ nghiêm túc, khả năng tự trau dồi, nghiên cứu sâu về ngành ngôn ngữ học. + Đánh giá thái độ sinh viên đối với khối kiến thức môn học, và khả năng tự học, tự nghiên cứu.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO8 CLO9 CLO10	30% 30%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Sinh viên tham gia đóng góp bài học, bài thuyết trình của các nhóm trong lớp.
- Sinh viên làm đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Sinh viên chuẩn bị và trình bày các điểm lý thuyết đã được giảng viên phân công.

8.3 Quy định về học vụ

- Sinh viên chuẩn bị tài liệu học tập; đọc tài liệu và chuẩn bị bài thuyết trình.
- Sinh viên chuẩn bị trang thiết bị học tập: laptop; bút viết bảng;

- Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1: Bảng Rubric đánh giá điểm chuyên cần:

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ tham dự lớp học theo thời khóa biểu	CLO8	30%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Mức độ tự chủ tham gia các hoạt động học tập trên lớp	CLO9	30%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các tình huống về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các tình huống về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các tình huống về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung bài học.
Nghi học hoặc bỏ ngang buổi học	CLO10	40%	Không có lý do hoặc có lý do trên 3 lần.	Có lý do từ 2 đến 3 lần.	Có lý do 1 lần.	Không nghi học hoặc bỏ ngang buổi học.

Bảng 2: Bảng Rubric đánh giá Bài tập Cá nhân:

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ tham gia thực hiện	CLO5	20%	< 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện
Hình thức bài làm	CLO6	20%	Sơ sài, không đầy đủ các câu, font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.	Các câu trả lời chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các câu trả lời rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các câu trả lời, không lỗi chính tả

Mức độ trả lời câu hỏi	CLO7	60%	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.
------------------------	------	-----	---	--	--	--

Bảng 3: Bảng Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ trắc nghiệm:

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Kiến thức cơ bản	CLO1	20%	Trả lời đúng dưới 50% số lượng câu hỏi trong bài kiểm tra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số lượng câu hỏi trong bài kiểm tra	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số lượng câu hỏi trong bài kiểm tra	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số lượng câu hỏi trong bài kiểm tra
	CLO2	20%				
	CLO3	20%				
	CLO4	10%				
Kiến thức nâng cao	CLO1	10%				
	CLO2	10%				
	CLO3	5%				
	CLO4	5%				
	CLO5	10%				
	CLO6	10%				
	CLO7	10%				
	CLO8	10%				

Bảng 4: Bảng Rubric đánh giá bài thi cuối kỳ Tự luận:

Tiêu chí	CDR	Cấu trúc điểm thành phần	Tỷ lệ	Mức chất lượng					
				Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt		
				0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10		
Phần tự luận:			50%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.		
Kiến thức cơ bản	CLO1	20%							
	CLO2	20%							
Kiến thức nâng cao	CLO3	20%						CLO4	20%

Bảng 5: Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần:

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu căn kẽ	Hiểu sâu
		0 – 3.4	3.5 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	10%	Mới thu nhận được	Mới thiết lập được sự liên	Hiểu được các thông	Hiểu khá đầy đủ	Hiểu đầy đủ các thông tin cần
CLO2	10%					

CLO3	20%	một số ít thông tin mang tính rời rạc	hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa các thông tin	các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa các thông tin	thiết. có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
CLO4	20%					
CLO5	10%					
CLO6	10%					
CLO7	5%					
CLO8	5%					
CLO9	5%					
CLO10	5%					
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Ngữ nghĩa học
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Semantics
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011040
1.6 Số tín chỉ:	02
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	100
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	15
- Thực hành:	0
- Tự học:	70
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Grammar, Morphology – Syntax
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về nghĩa và phương pháp phân tích, tiêu chí phân loại nghĩa, thành tố nghĩa; các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng, ý nghĩa ngữ pháp cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm ...; các quan hệ ý, quan niệm về mệnh đề và cú pháp logic; ý nghĩa của câu và của phát ngôn; kiến thức về khả năng tư duy phê phán và bước đầu biết đánh giá các vấn đề của Ngữ nghĩa học.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được kiến thức về phạm trù nghĩa của từ, câu cũng như các hiện tượng chuyển nghĩa của từ, của câu và vận dụng đúng trong các tình huống trong ngữ cảnh giao tiếp, thực hiện dịch thuật, biên soạn hợp đồng, viết bài nghiên cứu khoa học ...

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1 Về kiến thức:

- Hiểu và phân tích được những thuật ngữ cơ bản trong môn Ngữ nghĩa và các mối tương quan giữa Ngữ nghĩa và phân nhánh khác của Ngôn ngữ học.
- Phân tích được các yếu tố liên quan đến nghĩa của từ (nghĩa biểu vật, nghĩa biểu cảm, nghĩa đen, nghĩa bóng), các thuộc tính ngữ nghĩa, trường nghĩa, sở chỉ, nghĩa, quan hệ, bao nghĩa, đồng nghĩa, phản nghĩa, từ ghép, quan hệ đồng âm, đồng tự, từ đa nghĩa, tính bất thường, câu mơ hồ...
- Hiểu, phân tích và vận dụng được các biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nhân cách hóa, hoán dụ, cường điệu, phép nói mỉa, uyển ngữ...).

3.2.2 Về kỹ năng:

- Vận dụng được kỹ năng làm việc độc lập, tìm tài liệu, thảo luận nhóm và trình bày trước đám đông.
- Vận dụng được kỹ năng phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin.

3.2.3 Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Nghiêm túc đối với môn học.
- Hợp tác được với bạn học trong làm bài tập nhóm.
- Sắp xếp thời gian hợp lý cho việc tự học (đọc tài liệu trước và sau khi nghe giảng, làm bài tập một mình và bài tập nhóm).

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Hiểu, phân tích và vận dụng khái niệm ngữ nghĩa học; các phương pháp phân tích thành tố nghĩa; ý nghĩa từ vựng; ý nghĩa ngữ pháp cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm;

	... trong học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.
CLO2	Hiểu và phân tích được các quan hệ ý, quan niệm về mệnh đề và cú pháp logic; ý nghĩa của câu, của phát ngôn; kiến thức về khả năng tư duy phê phán và bước đầu biết đánh giá các vấn đề của Ngữ nghĩa học.
CLO3	Hiểu và phân tích được nghĩa của từ, nghĩa của câu, mối quan hệ giữa các loại nghĩa, đồng thời đề cập đến các loại nghĩa, cấu trúc nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ và cách sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.
CLO4	Vận dụng kỹ năng phân tích ý nghĩa của từ, nghĩa của câu, mối quan hệ giữa các loại nghĩa của từ; thành tố nghĩa; ... trong học tập và nghiên cứu.
CLO5	Hiểu và phân tích được các loại nghĩa, cấu trúc nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ và cách sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.
CLO6	Hiểu và vận dụng kiến thức môn học trong giao tiếp, biên dịch các đề tài xã hội, văn hoá, kinh doanh; ...
CLO7	Có ý thức học hỏi, trau dồi thêm kiến thức ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa, chuyên cần.
CLO8	Có ý thức học tập nghiêm túc trên lớp, tham gia tích cực trong các buổi thảo luận, trình bày bài học hoặc học nhóm.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...

- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1			I							
CLO 2			I							
CLO 3			I							
CLO 4			I							
CLO 5						R				
CLO 6						R				
CLO 7										R
CLO 8										R
Tổng hợp học phần			I			R				R

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		

Tuần 1: Từ: Đến...	1. Definitions - <i>Semantics/ pragmatics</i> - <i>Semantic properties</i> - <i>Redundancy rule</i> - <i>Meaning postulates</i>	2	2		9	Giảng viên thuyết giảng Sinh viên thảo luận và làm bài tập.	Sinh viên đọc bài trước ở nhà
Tuần 2: Từ: Đến...	2. Reference & Sense - <i>Constant reference</i> - <i>Variable reference</i> - <i>Co-reference</i> - <i>Referring expression</i>	2	2		9	Giảng viên thuyết giảng Sinh viên thảo luận và làm bài tập.	Sinh viên đọc bài trước ở nhà
Tuần 3: Từ: Đến...	3. Denotation/ Connotation - <i>Denotative / Connotative meanings</i> - <i>Relationship/ Communication situation/ Cultural factors</i> 4. Relationship Between Lexical Items - <i>Super-ordinate / Hyponyms</i> - <i>Semantics relations</i>	2	2		9	Giảng viên thuyết giảng Sinh viên thảo luận và làm bài tập.	Sinh viên đọc bài trước ở nhà
Tuần 4: Từ: Đến...	5. Polysemy & Homonymy - <i>Polysemous words</i> - <i>Primary & Secondary Senses</i> - <i>Homonymy Ambiguity</i>	2	2		9	Giảng viên thuyết giảng Sinh viên thảo luận và làm bài tập.	Sinh viên đọc bài trước ở nhà

Tuần 5: Từ: Đến...	6. Figures of Speech - <i>Simile</i> - <i>Metaphor</i> - <i>Personification</i> - <i>Metonymy</i>	2	2			9	Giảng viên thuyết giảng Sinh viên thảo luận và làm bài tập.	Sinh viên đọc bài trước ở nhà
Tuần 6: Từ: Đến...	7. Synonymy & Antonymy - <i>Partial synonyms</i> - <i>True synonyms</i> - <i>Binary pairs / Gradable pairs</i> / <i>Relational opposites</i> - <i>Multiple Incompatibility</i> Review for midterm Test	2	2			9	Giảng viên thuyết giảng Sinh viên thảo luận và làm bài tập.	Sinh viên đọc bài trước ở nhà
Tuần 7: Từ: Đến...	8. Propositions/ Utterances/ Sentences - <i>Utterances & Utterance meaning</i> - <i>Sentences and Propositions</i> Mid-term Test	1	1			9	Giảng viên thuyết giảng Sinh viên thảo luận và làm bài tập.	Sinh viên đọc bài trước ở nhà
Tuần 8: Từ: Đến...	9. Sentence Types, Paraphrase and Entailment - <i>Analytic sentences</i> - <i>Synthetic sentences</i> - <i>Contradictory sentences</i> - <i>Paraphrase & Entailments</i> Final Review	2	2			7	Giảng viên thuyết giảng Sinh viên thảo luận và làm bài tập.	Sinh viên đọc bài trước ở nhà

TỔNG	15	15			70		
------	----	----	--	--	----	--	--

6. HỌC LIỆU:

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất.)

6.1 Tài liệu chính:

1. Thanh, Tô Minh. 2011. Ngữ nghĩa học tiếng Anh. NXB: Đại học Quốc Gia

6.2 Tài liệu tham khảo:

2. Hurford, James. 2007. *Semantics – A Coursebook*. Cambridge: CUP

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40 % trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Thái độ học tập, chuyên cần	+ Sinh viên thể hiện thái độ ham học hỏi, trau dồi thêm kiến thức ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa, chuyên cần. + Sinh viên đọc tài liệu để chuẩn bị tốt các phần được giáo viên phân công thuyết trình. + Sinh viên nghỉ học quá 02 buổi sẽ không được đánh giá điểm quá trình.	CLO8	10%
2	Bài tập CÁ NHÂN (Tỷ trọng trong học phần 20%)	- Mỗi cá nhân sinh viên sẽ tham gia làm 03 bài tập cá nhân về các vấn đề trong nội dung môn học: + xác định các loại nghĩa của từ: 20 câu + xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu: 05 câu/sinh viên + xác định các loại hình mập mờ về ngữ nghĩa của câu: 04 câu/sinh viên	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
		+ Đánh giá được mức độ tiếp thu	CLO1,	20%

3	THẢO LUẬN NHÓM (Tỷ trọng trong học phần 20%)	kiến thức về các loại nghĩa của từ. + Đánh giá sự am hiểu nội dung môn học của sinh viên các nhóm. + Đánh giá kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng trình bày bằng Powerpoint. + Đánh giá khả năng tương tác trực tiếp giữa sinh viên với nhau (kỹ năng làm việc nhóm) và kỹ năng giao tiếp với giáo viên nhằm đón nhận kiến thức mới từ môn học. + Đánh giá kiến thức của sinh viên từ quá trình chuẩn bị đến quá trình trình bày bài học.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO8	
4	Kiểm tra giữa kỳ (Tỷ trọng trong học phần 50%)	- Kiểm tra giữa kỳ trong 60 phút sẽ kiểm tra các kiến thức trong Phần I. NGŨ NGHĨA HỌC và cấu trúc gồm: + phần trắc nghiệm: gồm 40 câu hỏi tổng hợp tất cả kiến thức trong phần NGŨ NGHĨA HỌC. + Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức về NGŨ NGHĨA HỌC của sinh viên. + Đánh giá khả năng nắm vững khái niệm cơ bản về ngữ nghĩa học; các phương pháp phân tích thành tố nghĩa; ý nghĩa từ vựng; ý nghĩa ngữ pháp cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm; ... + Giúp sinh viên nắm vững các quan hệ ý, quan niệm về mệnh đề và cú pháp logic; ý nghĩa của câu, của lời nói; kiến thức về khả năng tư duy phê phán và bước	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	50%

		đầu biết đánh giá các vấn đề của ngữ nghĩa học.		
TỔNG				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60 % trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN - Nội dung đề thi là các nội dung trong những phần đã tương tác trong thuyết trình nhóm, nội dung thuyết giảng và bài tập cá nhân. - Bài thi 60 phút bao gồm: + 20 câu hỏi trắc nghiệm cho cả phần NGỮ NGHĨA HỌC và phần NGỮ DỤNG HỌC. + 03 bài tập tự luận gồm: * 04 câu xác định biện pháp tu từ. * 04 câu xác định hiện tượng mập mờ về nghĩa. * 02 câu xác định các hành động diễn ngôn.	- Đánh giá về kiến thức: + Đánh giá được mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, đồng thời kiểm tra được việc hệ thống hóa nội dung học tập của sinh viên. -	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6,	40%
	- Đánh giá về kỹ năng: + Đánh giá được cách thức sinh viên vận dụng kiến thức đã học trong phần NGỮ DỤNG HỌC vào lời nói trong giao tiếp hằng ngày cũng như trong công việc sau này.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	40%
	- Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: + Giúp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, không ngừng nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ được đào tạo	CLO7, CLO8	20%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Không làm việc riêng trong giờ học;
- Nộp bài đúng thời gian quy định;
- Tham gia phát biểu trong giờ học;

8.3 Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

(Lưu ý : mọi phương pháp đánh giá trong đề cương phải được lập Rubric)

Bảng 1: Bảng Rubric đánh giá điểm chuyên cần: trọng số 10% điểm quá trình

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ tham dự lớp học theo thời khóa biểu	CLO8	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Mức độ tự chủ tham gia các hoạt động học tập trên lớp	CLO7, CLO8	50%	Không tham gia hoạt động thảo luận/trả lời nào tại lớp	Có tham gia thảo luận và trả lời khá hiệu quả các tình huống về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời hiệu quả các tình huống về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và đóng góp trả lời rất hiệu quả về nội dung bài học.

Bảng 2: Bảng Rubric đánh giá Báo cáo sản phẩm làm việc nhóm: trọng số 10% điểm quá trình

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ tham gia thực hiện	CLO8	10%	< 40% số lượng thành viên tham	Từ 40% đến 60% số lượng thành	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia	Từ 80% đến 100% thành viên tham

			gia thực hiện/trình bày	viên trợ lên tham gia thực hiện/trình bày	thực hiện/trình bày	gia thực hiện/trình bày
Hình thức bài báo cáo	CLO5	10%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.	Các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	30%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.
Nội dung báo cáo	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung.

Bảng 3: Bảng Rubric đánh giá Bài tập cá nhân: trọng số 20% điểm quá trình

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ tham dự lớp học theo thời khóa biểu	CLO8	50%	Không nộp bài tập hoặc nộp dưới 50% bài tập được giao.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Dưới 70% bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Trên 70% bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao) và đúng thời gian quy định.
Nội dung và trình	CLO1, CLO2,	50%	Bài tập trình bày lộn	Bài tập trình bày	Bài tập trình bày rõ ràng	Bài tập trình bày rõ ràng,

bảy bài tập	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6		xộn, không đúng yêu cầu về trình bày. Trả lời ít hơn 50% câu hỏi.	tương đối rõ ràng, còn một số lỗi về chính tả hoặc cách trình bày. Nội dung bài tập đáp ứng được từ 50%- dưới 70% câu hỏi.	và ít lỗi sai về cách trình bày. Nội dung bài tập đáp ứng được từ 70%- dưới 85% câu hỏi.	hiệu quả Nội dung bài tập đáp ứng được trên 85% câu hỏi.
-------------	---------------------------------	--	---	---	---	--

**Bảng 4: Bảng Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ (Trắc nghiệm + Tự luận)
trọng số 40% điểm quá trình**

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Nội dung và trình bày bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	100%	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày. Trả lời ít hơn 50% câu hỏi.	Bài tập trình bày tương đối rõ ràng, còn một số lỗi về chính tả hoặc cách trình bày. Nội dung bài tập đáp ứng được từ 50%- dưới 70% câu hỏi.	Bài tập trình bày rõ ràng và ít lỗi sai về cách trình bày. Nội dung bài tập đáp ứng được từ 70%- dưới 85% câu hỏi.	Bài tập trình bày rõ ràng, hiệu quả Nội dung bài tập đáp ứng được trên 85% câu hỏi.

Bảng 5: Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần:

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu cặn kẽ	Hiểu sâu
		0 – 3.4	3.5 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	15%	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng
CLO2	15%					
CLO3	15%					
CLO4	15%					
CLO5	15%					
CLO6	15%					
CLO7	5%					
CLO8	5%					

					chúng	vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Văn Hoá Anh - Mỹ
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	British - American Cultures
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	010896
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	150
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	30
- Thực hành:	0
- Tự học:	105
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Reading 2, 3, Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho người học kiến thức văn hóa xã hội được trau dồi qua các bài học cụ thể gồm lịch sử, nguồn gốc của dân tộc Anh-Mỹ; một số địa danh nổi tiếng và nét văn hóa đặc trưng của các vùng miền; kiến thức cơ bản về hệ thống chính trị, tôn giáo, hệ thống giáo dục, truyền thông, lễ hội, thể thao, âm nhạc và ẩm thực của hai nước Anh-Mỹ. Ngoài ra, sinh viên còn được trau dồi và phát triển kỹ năng trình bày vốn kiến thức và thông tin bằng tiếng Anh.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, sinh viên tiếp cận các kiến thức cơ bản về lịch sử, địa lý, kinh tế, chính trị, xã hội, phong tục, tập quán của đất nước Anh và Mỹ, từ đó giúp sinh viên có thể điều chỉnh thái độ và hành vi giao tiếp, ứng xử đúng đắn, linh hoạt và thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa. Qua đó, sinh viên nhận thức được mối quan hệ biện chứng giữa ngôn ngữ và văn hóa.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Hiểu được các kiến thức cơ bản về lịch sử, địa lý, kinh tế, chính trị, xã hội, phong tục, tập quán của đất nước Anh và Mỹ.
- Nhận biết về văn minh, văn hóa và xã hội để hình thành kỹ năng giao tiếp đúng trong môi trường đa văn hóa.
- Vận dụng kiến thức đã học vào quá trình sử dụng ngôn ngữ trong quá trình học tập, nghiên cứu Tiếng Anh cũng như trong công việc sau này.

Về kỹ năng:

- Nâng cao kỹ năng giao tiếp và ứng xử bằng tiếng Anh thông qua nội dung các bài học.
- Phát triển các kỹ năng học tập tích cực như kỹ năng đọc hiểu, tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, và kỹ năng làm việc nhóm.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, hợp tác và tinh thần tập thể thông qua quá trình hoạt động nhóm và giải quyết vấn đề trong học tập.
- Có thái độ ứng xử phù hợp trong môi trường giao tiếp đa văn hóa.
- Có khả năng tự học, tự trau dồi kiến thức, và tự nghiên cứu ngôn ngữ ở cấp độ cao hơn.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Hiểu biết các kiến thức cơ bản về lịch sử, địa lý, kinh tế, chính trị, xã

	hội, phong tục tập quán của đất nước Anh và Mỹ.
CLO2	Nhận biết, phân tích và so sánh về nền văn minh, văn hóa và xã hội; từ đó giúp hình thành kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa.
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học vào quá trình sử dụng ngôn ngữ trong quá trình học tập, nghiên cứu Tiếng Anh cũng như trong công việc sau này.
Về kỹ năng	
CLO4	Vận dụng kỹ năng giao tiếp và ứng xử tiếng Anh với nội dung phù hợp qua các bài học.
CLO5	Giải quyết vấn đề, thuyết trình, và làm việc nhóm.
Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
CLO6	Học tập chủ động, tổ chức kỷ luật, hợp tác và tinh thần tập thể thông qua quá trình hoạt động nhóm và giải quyết vấn đề trong học tập.
CLO7	Tự học và tự nghiên cứu ngôn ngữ ở cấp độ cao hơn.
CLO8	Ứng xử phù hợp trong môi trường giao tiếp đa văn hóa.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1			I							
CLO 2			I							
CLO 3			I							
CLO 4					R					
CLO 5					R					
CLO 6									R	
CLO 7									R	
CLO 8									R	
Tổng hợp học phần			I		R				R	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được

thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	PART 1: BRITISH CULTURE Introduction on how to study the subject 1.Country and People 2.History	1	3			10	Thuyết giảng Thuyết trình, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu
Tuần 2: Từ: Đến...	3.Geography 4.Identity 5.Attitudes	1	3			10	Thuyết giảng Thuyết trình, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu Tìm tư liệu liên quan bài đọc và chuẩn bị slides thuyết trình
Tuần 3: Từ: Đến	6.Political Life 7.Monarchy 8.The Government	1	3			10	Thuyết giảng Thuyết trình, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu Tìm tư liệu liên quan bài đọc và chuẩn bị slides thuyết trình
Tuần 4:	9.Parliament 10.Elections	1	3			10	Thuyết giảng	Đọc tài liệu Tìm tư liệu

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Từ: Đến							Thuyết trình, thảo luận nhóm	liên quan bài đọc và chuẩn bị slides thuyết trình
Tuần 5: Từ: Đến	11.Religion 12. Education 13.Food and Drink	1	3			10	Thuyết giảng Thuyết trình, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu Tìm tư liệu liên quan bài đọc và chuẩn bị slides thuyết trình
Tuần 6: Từ: Đến	14.Sports and Competition 15.The Arts Holidays and Sports Occasions	1	3			10	Thuyết giảng Thuyết trình, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu Tìm tư liệu liên quan bài đọc và chuẩn bị slides thuyết trình
Tuần 7: Từ: Đến	PART 2: AMERICAN CULTUTRE 1. Symbols and Holidays 2. Americans	1	3			10	Thuyết giảng Thuyết trình, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu Tìm tư liệu liên quan bài đọc và chuẩn bị slides thuyết trình
Tuần	3. Geography	2	3			10	Thuyết	Đọc tài liệu

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
8: Từ: Đến	4.The History of the U.S.A						giảng Thuyết trình, thảo luận nhóm	Tìm tư liệu liên quan bài đọc và chuẩn bị slides thuyết trình
Tuần 9: Từ: Đến	5.The US Constitution 6.The Federal Government	2	2			10	Thuyết giảng Thuyết trình, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu Tìm tư liệu liên quan bài đọc và chuẩn bị slides thuyết trình
Tuần 10: Từ: Đến	7.State Government 8.Local Government 9.Citizenship	2	2			10	Thuyết giảng Thuyết trình, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu Tìm tư liệu liên quan bài đọc và chuẩn bị slides thuyết trình
Tuần 11: Từ: Đến	Review Mid-Term Test	2	2			5		Chuẩn bị câu hỏi cho các phần đã học
TỔNG		15	30			105		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính:

1. James, O. (2010). *Britain: the country and its people: an introduction for learners of English*. London, Oxford University Press.
2. Elaine, K. (2008). *About the US*: published by the office of English Language Programs Bureau of Educational and Cultural Affairs United States Department of States, Washington, DC 20547.

6.2 Tài liệu tham khảo:

1. Duong Lam Anh & Thai Thi Ngoc Lien, *British Culture* : NXB Giao Duc
2. Susan Sheerin, Jonathan Scath & Gillian White, *Spotlight on the Britain*: Oxford University Press (1995).
3. Douglas K. Steven son, *American Life and Institution (revised edition)*: English Language Programs Division and Division for the Study of the US Bureau of Educational and Cultural Affairs US Information Agency Washington, D.C 20547
4. British Library cataloguing in publication data brookes, *Life in Britain*, Heinemann Educational Books (1988).

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Thái độ học tập	-Đánh giá mức độ chuyên cần -Thái độ tích cực phát biểu -Làm bài tập	CLO6 CLO7 CLO8	20%
2	Bài tập NHÓM	-Đánh giá kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để trình bày các kiến thức -Đánh giá kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình về các chủ đề trong văn hoá Anh-Mỹ. -Đánh giá kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và tổng hợp các kiến thức về văn hóa Anh-Mỹ.	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6	40%

3	Kiểm tra giữa kỳ -Hình thức: Trắc nghiệm+tự luận -Thời gian: 60 phút. -Nội dung: Trắc nghiệm kiến thức và viết 1 đoạn văn tự luận về các nét văn hóa nổi bật trong học phần.	-Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên. -Đánh giá các kỹ năng vận dụng ngôn ngữ, khả năng tư duy hệ thống và lập luận chặt chẽ. -Đánh giá mức độ tự chịu trách nhiệm của sinh viên, khả năng hoàn thành bài thi theo yêu cầu của giảng viên.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	40%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN +Hình thức: Trắc nghiệm + tự luận +Thời gian: 60 phút +Nội dung: -Phần1. Trắc nghiệm (25 câu về kiến thức văn hóa Anh và Mỹ – 5 điểm) -Phần2: Đọc hiểu (1 đoạn văn về văn hoá Anh và 1 đoạn về văn hoá Mỹ – 3 điểm) -Phần3: Viết tự luận so sánh các khía cạnh văn hóa giữa Anh và Mỹ. – 2 điểm)	-Đánh giá về kiến thức: mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức về văn hóa, khả năng phân biệt các nét văn hóa riêng của Anh-Mỹ.	CLO1 CLO2 CLO3	50%
	-Đánh giá về kỹ năng: đọc hiểu, suy luận, phân tích và vận dụng kỹ năng ngôn ngữ để giải quyết vấn đề thông qua trả lời các câu hỏi.	CLO4 CLO5	30%
	-Đánh giá về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: ý thức tự học và tìm hiểu nghiên cứu về ngôn ngữ và các đặc trưng văn hoá Anh-Mỹ để chuẩn bị cho công việc đòi hỏi giao tiếp trong môi trường đa văn hoá.	CLO6 CLO7	20%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín

chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Chuyên cần, không làm việc riêng trong giờ học;
- Tích cực thảo luận và phát biểu trong giờ học;
- Tự nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài, và thuyết trình nhóm.

8.3 Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1: Rubric đánh giá thái độ học tập/chuyên cần (20% trong điểm quá trình)

Điểm	Tiêu chí đánh giá
2	1.Tham dự đầy đủ >90% tổng số buổi học 2.Tích cực trao đổi, phát biểu 3.Hoàn thành > 90% số bài tập
1.5	1.Tham dự 80%-90% tổng số buổi học 2.Có đặt/trả lời > 3 câu hỏi 3.Hoàn thành 70%-90% số bài tập
1	1.Tham dự 70%-80% tổng số buổi học 2.Có đặt/trả lời 1-2 câu hỏi 3.Hoàn thành 50%-70% số bài tập
0.5	1.Tham dự <30%/tổng số buổi học 2.Không tham gia thảo luận, trả lời, phát biểu 3.Không hoàn thành bài tập (hoặc <40% số bài tập)

Bảng 2: Rubric đánh giá bài tập thuyết trình nhóm (40% trong điểm quá trình)

4 điểm	3 điểm	2 điểm	1 điểm
1.Tất cả thành viên thực hiện/trình bày 2.Hình thức bài thuyết trình đẹp, rõ ràng, không sai lỗi chính tả 3.Kỹ năng trình bày và vận dụng ngôn ngữ nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe tốt	1. 80% thành viên thực hiện/trình bày 2.Hình thức bài thuyết trình khá tốt, rõ ràng, không sai lỗi chính tả 3.Kỹ năng trình bày và vận dụng ngôn ngữ nói khá tốt, thuyết phục 4.Nội dung khá phù	1. 70% thành viên thực hiện/trình bày 2.Hình thức bài thuyết trình tương đối rõ, sai lỗi chính tả ít 3.Kỹ năng trình bày và vận dụng ngôn ngữ chưa tốt, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe	1.<50 thành viên thực hiện/trình bày 2.Hình thức bài thuyết trình không rõ ràng, sai lỗi chính tả nhiều 3.Kỹ năng trình bày và vận dụng ngôn ngữ nói không rõ, không tự tin, chưa thuyết

4.Nội dung chính xác phù hợp chủ đề 5.Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	hợp chủ đề 5.Trả lời khá đúng tất cả các câu hỏi	4.Nội dung phù hợp chủ đề ở mức trung bình 5.Trả lời thiếu các câu hỏi	phục 4.Nội dung chưa phù hợp chủ đề 5.Trả lời không đúng các câu hỏi
--	---	---	--

Bảng 3: Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ (40% trong điểm quá trình)

Tiêu chí đánh giá	Cấu trúc bài kiểm tra và điểm thành phần	Điểm
1.Mức độ hiểu biết, tiếp thu kiến thức về văn hóa. 2. Khả năng phân biệt các nét văn hóa riêng của Anh-Mỹ.	Văn hóa Anh (15 câu trắc nghiệm) Mỗi câu đúng 0.2 điểm Văn hóa Mỹ (15 câu trắc nghiệm) Mỗi câu đúng 0.2 điểm	3
3.Khả năng vận dụng ngôn ngữ thể hiện qua bài viết tự luận nêu cảm nhận về nét văn hóa nổi bật của VH Anh-Mỹ.	Viết 1 đoạn văn -Nội dung: 2 điểm -Ngôn ngữ:2 điểm	4

Bảng 4: Rubric đánh giá bài thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	Cấu trúc đề thi và điểm thành phần	Điểm
1.Mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức về văn hóa, khả năng phân biệt các nét văn hóa riêng của Anh-Mỹ.	25 câu trắc nghiệm (13 câu VH Anh và 12 VH Mỹ) Mỗi câu đúng 0.2 điểm	5
2.Khả năng sử dụng ngôn ngữ để đọc hiểu, suy luận, phân tích để giải quyết vấn đề thông qua trả lời câu hỏi.	2 bài đọc hiểu (1 bài về VH Anh và 1 VH Mỹ) dạng: Completing the text/Filling gaps Mỗi bài 10 câu: 1.5 điểm	3
3.Ý thức tự học và tìm hiểu về các nét văn hoá Anh-Mỹ để viết so sánh, đối chiếu những giá trị văn hóa giữa hai nền văn hóa.	1 bài viết tự luận (120-150 từ) -Nội dung: 1 điểm -Ngôn ngữ: 1 điểm	2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Tiếng Anh Marketing
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	English for Marketing
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011410
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	150
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	15
- Thực hành:	30
- Tự học:	90
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Nguyên lý Marketing
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu,

đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần này cũng trang bị cho sinh viên vốn từ vựng, thuật ngữ và cấu trúc phổ biến phục vụ hoạt động học tập, nghiên cứu tài liệu, sách báo chuyên ngành về marketing bằng tiếng Anh.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản cũng như những từ chuyên ngành về Marketing. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã được trang bị từ các học phần trước vào các tình huống thực tế thông qua hoạt động nhóm. Ngoài ra, sinh viên cũng biết phân tích chiến lược và môi trường trong kinh doanh, và có thể lập kế hoạch tiếp thị cho sản phẩm và dịch vụ của nhóm.

3.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Kiến thức

- Hiểu và giải thích được khái niệm của Marketing, giải thích nhiều khái niệm phân khúc thị trường, hành vi tiêu dùng của khách hàng.
- Hiểu các khái niệm 4Ps, hoạch định phân khúc thị trường.
- Hiểu rõ thế nào là các thuật ngữ về công cụ tiếp thị.
- Khái quát các khái niệm về xây dựng kế hoạch tiếp thị cho sản phẩm hoặc dịch vụ.

❖ Kỹ năng

- Cung cấp cho sinh viên kỹ năng cơ bản về tiếp thị.
- Cung cấp kỹ năng giao tiếp và ứng xử; kỹ năng đàm phán; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ.

❖ Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Có tinh thần thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động khi làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để tăng thêm tự tin trong giao tiếp.
- Nhận thức rõ ràng về sự cần thiết của học phần này trong việc học tập các học phần tiếng Anh, những môn học khác và trong công việc sau này.
- Có ý thức tự học và rèn luyện thêm các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thường xuyên ngoài giờ học.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Hiểu được những nguyên lý căn bản của marketing; Phương pháp nghiên cứu marketing; Tác động của môi trường đến các quyết định marketing của doanh nghiệp
CLO2	Hiểu được được cách thức tìm hiểu hành vi của khách hàng; Phân tích đặc điểm của thị trường người tiêu dùng và quá trình thông qua quyết định mua của khách hàng người tiêu dùng. Hiểu được bản chất và vai trò của sản phẩm trong marketing, từ đó xác định các quyết định liên quan tới sản phẩm trong số các quyết định marketing và căn cứ đưa ra lựa chọn/quyết định về sản phẩm. Hiểu được bản chất và vai trò của giá cả trong marketing, từ đó phân tích, xác định các quyết định liên quan tới giá cả trong số các quyết định marketing và căn cứ đưa ra lựa chọn/quyết định
CL03	Vận dụng được từ vựng, thành ngữ được sử dụng trong lĩnh vực Marketing và áp dụng được ngôn ngữ vào công việc thuộc lĩnh vực biên dịch, phiên dịch có liên quan đến lĩnh vực Marketing
Về kỹ năng	
CLO4	Vận dụng kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành và trau dồi thêm về các kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động Marketing.
CLO5	Vận dụng kỹ năng phân xạ ngôn ngữ giao tiếp trong lĩnh vực Marketing thông qua các hoạt động giao tiếp.
CLO6	Làm việc nhóm, quản lý thời gian, tư duy sáng tạo trong quá trình thực hiện các công việc liên quan đến lĩnh vực Marketing.
Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
CLO7	Học tập chủ động, trau dồi thêm kiến thức chuyên ngành Marketing.
CLO8	Tu dưỡng đạo đức, phẩm chất tốt, thực hiện đúng các đạo đức nghề nghiệp.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1				I						
CLO 2				I						
CLO 3				I						
CLO 4					R					
CLO 5					R					
CLO 6					R					
CLO 7									R	
CLO 8									R	
Tổng hợp học phần				I	R				R	

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	Chapter 1: Welcome to the world of Marketing 1.1. Marketing: What is it? 1.2. When did Marketing begin?The evolution of a concept +The Production Era + The Sales Era + The Relationship Era + The Triple-Bottom-Line Orientation + What's Next in the Evolution of Marketing? + Decisions in the Real World	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm,	Nghiên cứu trước: Tài liệu “ Marketing, Real People, Real Choices” : nội dung từ trang 26-39
Tuần 2: Từ: Đến...	Chapter 1: Welcome to the world of Marketing 1.3. The value of Marketing and The Marketing value + Value from the Customer's Perspective + Value from the Seller's Perspective + Value from Society's Perspective	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, dạy học bằng tình huống.	Nghiên cứu trước: Tài liệu “ Marketing, Real People, Real Choices” : nội dung từ trang 40- 53

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	1.4. Marketing as a process <i>Marketing in action : Real choice of Coca-Cola</i> + Review chapter 1							
Tuần 3: Từ: Đến...	Chapter 2: Global, Ethical, And Sustainable Marketing 2.1. Understand the big picture of international marketing and the decisions firms must make when they consider globalization. pp. 2.2. Explain how international or ganizations such as the World Trade Organization (WTO), economic communities, and individual country regulations facilitate and limit a firm's	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm,	Nghiên cứu trước: Tài liệu "Marketing, Real People, Real Choices": nội dung từ trang 56-77. Sinh viên tự nghiên cứu nội dung từ trang 78-83

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	opportunities for globalization . 2.3. Understand how factors in a firm’s external business environment influence marketing strategies and outcomes in both domestic and global markets. 2.4. Explain some of the strategies and tactics that a firm can use to enter global markets.							

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 4: Từ: Đến...	Chapter 4: Market Research 4.1. Explain the role of a marketing information system and a marketing decision support system in marketing decision making. 4.2. Understand the concept of customer insights and the role it plays in making good marketing decisions. 4.3. List and explain the steps and key elements of the market research process.	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	Nghiên cứu trước: Tài liệu “Marketing, Real People, Real Choices”: nội dung từ trang 118 - 142

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 5 Từ: Đến...	Chapter 6: Understand Consumer and Business Markets 6.1. Define consumer behavior, and explain the purchase decision-making process. 6.2. Explain how internal factors influence consumers' decision-making processes. 6.3. Show how situational factors and consumers' relationships with other people influence consumer behavior.	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm,	Nghiên cứu trước: Tài liệu “Marketing, Real People, Real Choices”: nội dung từ trang 184 - 203
Tuần 6 Từ: Đến...	Chapter 7: Segmentation, Target Marketing, and Positioning 7.1. Identify the steps in the target	1	2	2		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm,	Nghiên cứu trước: Tài liệu “Marketing, Real

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	marketing process. 7.2. Understand the need for market segmentation and the approaches available to do it. 7.3. Explain how marketers evaluate segments and choose a targeting strategy. 7.4. Recognize how marketers develop and implement a positioning strategy.							People, Real Choices”: nội dung từ trang 228 - 249
Tuần 7 Từ: Đến...	Chapter 8: Product I: Innovation and New product Development 8.1. Explain how value is derived through different	1	2	2		8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm,	Nghiên cứu trước: Tài liệu “Marketing, Real People, Real

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	product layers. 8.2. Describe how marketers classify products. 8.3. Understand the importance and types of product innovations. 8.4. Show how firms develop new products.							Choices”: nội dung từ trang 258 - 273
Tuần 8 Từ: Đến...	Chapter 8: Product I: Innovation and New product Development 8.5. Explain the process of product adoption and the diffusion of innovations. Chapter 9: Product II: Product Strategy, Branding, and	1	2	2		8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm,	Nghiên cứu trước: Tài liệu “Marketing, Real People, Real Choices”: nội dung từ trang 273-298

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	Product Management 9.1. Discuss the different product objectives and strategies a firm may choose 9.2. Understand how firms manage products throughout the product life cycle.							
Tuần 9 Từ: Đến...	Chapter 9: Product II: Product Strategy, Branding, and Product Management 9.3. Explain how branding and packaging strategies contribute to product identity.	2	1	2		8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm,	Nghiên cứu trước: Tài liệu “Marketing, Real People, Real Choices”: nội dung từ trang 298 -

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	9.4. Describe how marketers structure organizations for new and existing product management. MIDTERM TEST							309
Tuần 10 Từ: Đến...	Chapter 10: PRICE What is the Value Proposition Worth? 10.1. Explain the importance of pricing and how marketers set objectives for their pricing strategies 10.3. Understand key pricing strategies and tactics. 10.4. Understand the opportunities for Internet pricing strategies.	2	1	2		8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, dạy học bằng tình huống.	Nghiên cứu trước: Tài liệu “Marketing, Real People, Real Choices”: nội dung từ trang 316-320. Nghiên cứu trước: Tài liệu “Marketing, Real

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
								People, Real Choices": nội dung từ trang 332-341.
Tuần 11 Từ: Đến...	Chapter 10: PRICE What is the Value Proposition Worth? 10.5. Describe the psychological, legal, and ethical aspects of pricing. Marketing in Action Case: Real choices at Disney	1	1	3		6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, dạy học bằng tình huống.	Nghiên cứu trước: Tài liệu "Marketing, Real People, Real Choices": nội dung từ trang 341-347.
Tuần 12 Từ:	+ GROUP PRESENTATION + REVIEW THE	2	1	2		10	Thảo luận nhóm	Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Đến...	COURSE							
TỔNG		15	15	30		90		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính:

1. Michael, R., Greg, W., & Elnora, W. (2018). *Marketing Real People, Real Choices* 9th edition. Pearson Education Limited.

6.2 Tài liệu tham khảo:

1. Bronis Verhage, B. (2014) *Marketing A Global Perspective*. Cengage Learning.
2. Gore, S. (n.d.). *English for Marketing and Advertising*. Express Series. Oxford University Press.
3. Kotler, P., and Amstrong, G., (2017). *Principles of marketing* 17th edition, Pearson Education

7. PHƯƠNG PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

Điểm toàn kỳ 100% = Quá trình (40%) + Cuối kỳ (60%)

7.1. Đánh giá quá trình: 40%

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần Xuyên suốt các buổi học, sinh	Đánh giá ý thức học tập của	CLO7	10%

	viên sẽ được đánh giá thông qua việc đến lớp đúng giờ, chuẩn bị bài ở nhà, và tương tác đóng góp bài học trên lớp.	sinh viên	CLO8	
2	Bài tập nhóm + Thuyết trình Mỗi nhóm được phân chia một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học, nhóm sẽ có 20 phút để thuyết trình và 10 phút thảo luận, tương tác phản biện trước lớp học - giảng viên sẽ có điểm đánh giá chung của nhóm và điểm đánh giá từng cá nhân tham gia nhóm. Mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên và tối thiểu 3 sinh viên. Nhóm phải nộp bài bằng file pdf và trình bày trước lớp bằng file powerpoint.	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của sinh viên các nhóm	CLO1, CLO2, CLO3.	20%
		Đánh giá kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng trình bày trên file power point, kỹ năng vận dụng các công cụ hỗ trợ để chuyển tải những nội dung môn học	CLO4, CLO5,	20%
		Đánh giá được khả năng tương tác trực tiếp giữa sinh viên với sinh viên (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, tổ chức công việc), kỹ năng giao tiếp với đám đông và với giảng viên nhằm củng cố kiến thức, đón nhận những phát hiện mới với tinh thần cầu thị	CLO6, CLO7, CLO8	10%
		Đánh giá được tri thức của sinh viên từ quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn và tổ chức cá nhân được phối hợp		10%
3	Bài thi giữa kỳ Sinh viên làm bài kiểm tra cá nhân tại lớp. Bài thi giữa kỳ 60 phút gồm 40 câu hỏi trắc nghiệm và 1 câu hỏi về một tình huống cụ thể có liên quan đến chủ đề mà sinh viên đã được học trong chương trình. (chương 1, chương 2, chương 4)	Đánh giá khả năng ghi nhớ kiến thức và khả năng tổng hợp, vận dụng, lý giải các kiến thức của môn học vào tình huống cụ thể.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	30%
Tổng				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: 60%

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN Bài thi 60 phút, bao gồm 40 câu hỏi trắc nghiệm và 1 câu hỏi vận dụng lý thuyết để giải quyết một tình huống thực tế. (từ chương 6 đến chương 10). Nội dung đề thi là những phần sinh viên đã được học trong chương trình.	- Đánh giá về kiến thức: Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hóa và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề cụ thể đặt ra của môn học	CLO1, CLO2, CLO3	40%
	- Đánh giá về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng tư duy logic, lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý thuyết với thực tế để diễn giải một vấn đề của môn học. Đánh giá kỹ năng vận dụng các thuật ngữ dùng trong Marketing vào bài viết của sinh viên.	CLO4, CLO5, CLO6	40%
	- Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Đánh giá khả năng nghiên cứu thêm tài liệu về lĩnh vực Marketing để vận dụng kiến thức giải quyết tình huống đặt ra trong đề thi.	CLO7, CLO8	20%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

- Không làm việc riêng trong giờ học;

- Nộp bài đúng thời gian quy định;
- Sôi nổi, tích cực phát biểu trong giờ học.

8.3. Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

9.1. Rubric đánh giá điểm chuyên cần:

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm			
		Dưới 5	5 - dưới 7	7 - dưới 9	9-10
Tần suất hiện diện của sinh viên	50%	Vắng từ 4 buổi trở lên	Vắng từ 2-3 buổi, có tham gia xây dựng bài trên lớp	Vắng 1 buổi, có tham gia xây dựng bài trên lớp	Đi học đầy đủ, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
Sự tham gia vào quá trình học tập tại giảng đường/ lớp học	50%	Không tham gia hoặc không hoàn thành các nhiệm vụ/ bài tập được giao	Vắng 2-3 buổi hoặc hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ/ bài tập	Vắng 1 buổi, hoàn thành tốt nhiệm vụ/bài tập đúng tiến độ	Tích cực tham gia làm việc nhóm đầy đủ và hoàn thành rất tốt các nhiệm vụ/bài tập

9.2. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm			
		Dưới 5	5 - dưới 7	7 - dưới 9	9-10
Cấu trúc của tiểu luận	10%	Tiểu luận/ bài tập thiếu phần cơ sở lý luận, thiếu tài liệu tham khảo	Tiểu luận thiếu phần tài liệu tham khảo, danh mục / bảng hình	Tiểu luận thiếu mục lục tự động	Tiểu luận/ bài tập nhóm có đầy đủ các phần theo quy định
Giới thiệu vấn đề	10%	Không trình bày được tính cấp	Trình bày được nhưng chưa đủ	Trình bày được về tính	Phân tích rõ ràng, thuyết

		thiết/tầm quan trọng của vấn đề	về tính cấp thiết/ tầm quan trọng của vấn đề	cấp thiết/ tầm quan trọng của vấn đề nhưng chưa thuyết phục người đọc	phục về tính cấp thiết / tầm quan trọng của vấn đề
Cơ sở lý luận (nền tảng lý thuyết)	20%	Không trình bày được cơ sở lý thuyết có liên quan đến vấn đề cần giải quyết	Có trình bày cơ sở lý thuyết có liên quan đến vấn đề cần giải quyết nhưng chưa đủ sức thuyết phục	Sử dụng đúng cơ sở lý thuyết có liên quan đến vấn đề cần giải quyết ; có sức thuyết phục	Sử dụng chính xác, rất thuyết phục về cơ sở lý thuyết có liên quan đến vấn đề cần giải quyết
Tổ chức lập luận để giải quyết vấn đề	20%	Không có logic trong lập luận, thiếu minh chứng	Lập luận và minh chứng có thể chấp nhận được	Lập luận tương đối chặt chẽ, minh chứng thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, minh chứng thuyết phục
Hình thức	10%	Không định dạng theo bất cứ tiêu chí nào	Có lỗi: không định dạng toàn văn bản, không thống nhất font chữ	Có lỗi: thiếu đánh số trang, thiếu bìa; hoặc trình bày chưa đúng quy định theo yêu cầu	Định dạng đúng tất cả các tiêu chí yêu cầu
Phối hợp thuyết trình	20%	Không thể báo cáo/ thuyết trình tiểu luận/ bài tập nhóm	Báo cáo bài lỗi cuốn, thuyết phục ; tương tác chưa tốt, quản lý thời gian chưa tốt	Báo cáo bài lỗi cuốn, thuyết phục ; tương tác tốt, quản lý thời gian chưa tốt	Báo cáo bài lỗi cuốn, thuyết phục ; tương tác tốt, quản lý thời gian tốt
Trả lời câu hỏi	10%	Không trả lời được các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa

		đặt ra	đáng 1/2 câu hỏi trở lên, các câu hỏi còn lại chưa có hướng trả lời	đáng 1/2 câu hỏi trở lên, các câu hỏi còn lại có hướng trả lời chấp nhận được	đáng tất cả các câu hỏi được đặt ra
--	--	--------	--	--	---

9.3. Rubrics đánh giá bài kiểm tra cá nhân

9.3.1. Câu hỏi tự luận

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm			
		Dưới 5	5 - dưới 7	7 - dưới 9	9-10
Áp dụng cơ sở lý thuyết	30%	Không sử dụng lý thuyết có liên quan, áp dụng sai lý thuyết	Sử dụng lý thuyết có liên quan nhưng chưa đủ và chưa có sức thuyết phục	Sử dụng đúng lý thuyết có liên quan, có sức thuyết phục	Sử dụng lý thuyết chính xác, rất thuyết phục
Lập luận để giải quyết vấn đề trong câu hỏi	50%	Không có logic trong lập luận, thiếu minh chứng; không trả lời được trọng tâm của câu hỏi	Lập luận và minh chứng có thể chấp nhận được; trả lời một phần của câu hỏi	Lập luận tương đối chặt chẽ và minh chứng thuyết phục, trả lời tương đối đầy đủ nội dung câu hỏi	Lập luận chặt chẽ, minh chứng thuyết phục, trả lời đầy đủ, rõ ràng nội dung câu hỏi
Văn phong và trình bày	20%	Hành văn tối nghĩa, sai ngữ pháp, chính tả	Hành văn lủng cùng nhưng người đọc vẫn có thể hiểu nội dung	Hành văn tốt, đôi khi vẫn còn lỗi diễn đạt nhưng không ảnh hưởng đến nội	Hành văn rõ ràng, mạch lạc; không có lỗi sai chính tả, ngữ pháp

				dung	
--	--	--	--	------	--

9.3.2. Câu hỏi trắc nghiệm

❖ Giữa kỳ

Chương	Mức 1 : Biết		Mức 2 : Hiểu		Mức 3 : Áp dụng		Tổng số lượng	Điểm
	Số lượng	Điểm	Số lượng	Điểm	Số lượng	Điểm		
Chương 1	5	0.25	5	0.25	4	0.25	8	2.0
Chương 2	5	0.25	5	0.25	3	0.25	8	2.0
Chương 4	5	0.25	5	0.25	3	0.25	8	2.0
Tổng số lượng	15		15		10		40	
Tổng điểm	3.75		3.75		2.5		10	10

❖ Cuối kỳ

Chương	Mức 1 : Biết		Mức 2 : Hiểu		Mức 3 : Áp dụng		Tổng số lượng	Điểm
	Số lượng	Điểm	Số lượng	Điểm	Số lượng	Điểm		
Chương 6	3	0.25	2	0.25	3	0.25	8	2.0
Chương 7	3	0.25	2	0.25	3	0.25	8	2.0
Chương 8	3	0.25	2	0.25	3	0.25	8	2.0
Chương 9	3	0.25	2	0.25	3	0.25	8	2.0
Chương 10	3	0.25	2	0.25	3	0.25	8	2.0
Tổng số lượng	15		10		15		40	
Tổng điểm	3.75		2.5		3.75		10	10

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Tiếng Anh Tài chính – Ngân hàng
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	English for Finance – Banking
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011413
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	150
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	15
- Thực hành:	30
- Tự học:	90
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Quản trị học
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN:

Học phần cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về lĩnh vực Tài chính ngân hàng. Cụ thể, học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản và thuật ngữ Tiếng Anh về hệ thống tài chính và ngân hàng như dịch vụ ngân hàng thương mại, thị trường tiền tệ, cổ phiếu, trái phiếu, bảo hiểm, ... Ngoài ra, trong học phần này, sinh viên được tham gia vào hoạt động học tập trên lớp giúp nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh chuyên ngành, một công cụ không thể thiếu trong việc thực hiện nghiệp vụ chuyên môn sau này.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản và thuật ngữ Tiếng Anh trong hoạt động tài chính và ngân hàng như hệ thống định chế tài chính, cung tiền trong nền kinh tế, thị trường sơ cấp và thứ cấp, cổ phiếu, trái phiếu, vốn đầu tư mạo hiểm ... Bên cạnh đó, sinh viên vận dụng được kiến thức đã học để làm được các bài tập, giao tiếp tốt bằng tiếng Anh và giải quyết được các tình huống trong các hoạt động giao dịch tài chính - ngân hàng.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Về Kiến thức:

- Hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính – ngân hàng như các sản phẩm dịch vụ ngân hàng cá nhân; hợp đồng phái sinh; cổ phiếu; ...
- Biết được các từ vựng, thành ngữ được sử dụng trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Về Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành tài chính – ngân hàng.
- Vận dụng ngôn ngữ về lĩnh vực tài chính – ngân hàng thông qua các hoạt động giao tiếp.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- Nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học đối với nghề nghiệp trong tương lai, từ đó xây dựng ý thức học tập nghiêm túc, tích cực, và hợp tác trong suốt quá trình học tại lớp.
- Có ý thức tự học ngoài lớp học để phục vụ cho công việc sau này.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Hiểu được các dịch vụ sử dụng trong hệ thống ngân hàng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
CLO2	Hiểu được vai trò, chức năng của các loại hình định chế tài chính cơ bản

CLO3	Hiểu được khái niệm và tính chất của các công cụ trên thị trường tiền tệ và các bên tham gia
CLO4	Hiểu được khái niệm, các bên tham gia vào các công cụ đầu tư như cổ phiếu và trái phiếu
CLO5	Hiểu được khái niệm của các sản phẩm phái sinh như hợp đồng tương lai, hợp đồng kỳ hạn, ...
CLO6	Hiểu được các khái niệm tài chính khác như bảo hiểm, ngoại hối, vốn đầu tư mạo hiểm
Về kỹ năng	
CLO7	Vận dụng kỹ năng đọc để tìm hiểu tài liệu chuyên ngành tài chính – ngân hàng
CLO8	Vận dụng ngôn ngữ về lĩnh vực tài chính – ngân hàng thông qua các hoạt động giao tiếp như thuyết trình, làm việc nhóm
CLO9	Vận dụng kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua các tình huống trong lĩnh vực tài chính ngân hàng
Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
CLO10	Học tập chủ động, nghiên cứu, đưa ra những ý kiến quan trọng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng
CLO11	Tu dưỡng đạo đức, phẩm chất tốt, thực hiện đúng các đạo đức nghề nghiệp.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTDĐT.

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1				I						
CLO 2				I						
CLO 3				I						
CLO 4				I						
CLO 5				I						

CLO 6				I						
CLO 7					R					
CLO 8					R					
CLO 9					R					
CLO10										R
CLO11										R
Tổng hợp học phần				I	R					R

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	Unit 1. Personal Banking Unit 2. Internet banking	1	1	3		7	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	Professional English in Use (p.44 - p. 45) English for Banking and Finance (p.41 - p.51)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 2: Từ: Đến...	Unit 3. Financial Institutions Unit 4. Commercial and Retail banking	1	1	3		7	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	Professional English in Use (p.46 - p. 49)
Tuần 3 Từ: Đến...	Unit 5. Investment banking Unit 6. Central banking	1	1	3		7	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	Professional English in Use (p.50 - p. 53)
Tuần 4 Từ: Đến...	Unit 7. Interest rates Unit 8. Money market	1	1	3		7	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	Professional English in Use (p.54 - p. 57)
Tuần 5 Từ: Đến...	Unit 9. Corporate finance Unit 10. Venture capital	1	1	3		7	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	English for Banking and Finance (p.53 - p.63) Professional English in Use (p.62 - p. 63)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 6 Từ: Đến...	Unit 11. Stocks and shares 1 Unit 12. Stocks and shares 2	1	2	2		7	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	Professional English in Use (p.64 - p. 67)
Tuần 7 Từ: Đến...	Unit 13. Shareholders Unit 14. Share prices	1	2	2		8	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	Professional English in Use (p.68- p. 71)
Tuần 8 Từ: Đến...	Unit 15. Bonds Unit 16. Futures	1	2	2		8	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	Professional English in Use (p.72- p. 75)
Tuần 9 Từ: Đến...	Unit 17. Derivatives Mid term test (60')	2	1	2		8	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	Professional English in Use (p.76- p. 77)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 10 Từ: Đến...	Unit 18. Foreign exchange	2	1	2		8	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	English for Banking and Finance (p.83 - p.93)
Tuần 11 Từ: Đến...	Unit 19. Insurance	1	1	3		6	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	English for Banking and Finance (p.147 – p.173)
Tuần 12 Từ: Đến...	Review	2	1	2		10	-Thuyết giảng - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	
TỔNG		15	15	30		90		

6. HỌC LIỆU:

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất.)

6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

- (1) MacKenzie, I. (2009) *Professional English in Use: Finance*, the U.K: Cambridge University Press.
- (2) Châu, L.P. & Linh, D.H. (2019). *English for Banking and Finance*. Hà Nội: National Economics University Press.

6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- (1) MacKenzie, I. (2013) *English for Financial Sector*, the U.K: Cambridge University Press.
 (2) Randice, F. (2000) *Banking Transactions*, TP Ho Chi Minh, NXB Trẻ.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Chuyên cần	Giáo viên điểm danh hàng tuần và tính mức độ tham gia phát biểu xây dựng bài của sinh viên trong từng buổi học.	CLO10	10%
2	Bài tập NHÓM	Mỗi nhóm có tối đa 5 sinh viên và tối thiểu 3 sinh viên, được phân chia thuyết trình một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học. Sinh viên có 20 phút để trình bày và 10 phút cho phần Hỏi – Đáp.	CLO7 CLO8 CLO9	30%
3	Kiểm tra giữa kỳ	Thời gian làm bài: 60 phút. - 15 câu trắc nghiệm bao quát nội dung của học phần. - 1 bài đọc hiểu liên quan đến những vấn đề đã được học của học phần, yêu cầu SV trả lời các câu hỏi liên quan - Câu hỏi vận dụng: 1 tình huống thực tế, yêu cầu SV đưa ra hướng giải quyết hoặc nêu ra quan điểm cá nhân	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO9	60%
TỔNG				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN	- Đánh giá về kiến thức: Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến	CLO1 CLO2 CLO3	30%

Thời gian làm bài: 60 phút 1/ Trắc nghiệm: 15 câu trắc nghiệm bao quát nội dung của học phần, mỗi câu 0.2 điểm 2/ Bài tập thực hành: 1 bài đọc hiểu liên quan đến những vấn đề đã được học của học phần, yêu cầu SV trả lời các câu hỏi liên quan 3/ Câu hỏi vận dụng: 1 tình huống thực tế, yêu cầu SV đưa ra hướng giải quyết hoặc nêu ra quan điểm cá nhân	thức, khả năng hệ thống hoá và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải những vấn đề liên quan các chủ đề đã được học.	CLO4 CLO5 CLO6	
	- Đánh giá về kỹ năng: Đánh giá khả năng nắm bắt, xử lý thông tin mới để giải quyết các vấn đề được nêu ra.	CLO7	40%
	- Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Đánh giá kỹ năng tư duy phân biện, chủ động sáng tạo giải quyết vấn đề	CLO10 CLO11	30%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Không làm việc riêng trong giờ học;
- Nộp bài đúng thời gian quy định;
- Sôi nổi, tích cực phát biểu trong giờ học;

8.3 Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1: Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
Mức độ tham dự lớp học theo TKB	CLO10	50%	Tham dự <70% buổi học	Tham dự 70- 80% buổi học	Tham dự 80- 90% buổi học	Tham dự >90% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	CLO10	50%	Không tham gia thảo luận, trả lời, phát biểu	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu
Tổng điểm		100%				

Bảng 2: Rubric đánh giá báo cáo sản phẩm làm việc nhóm

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
Hình thức báo cáo	CLO8	15%	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả	Bố cục chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ bố cục, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày	CLO8	15%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe
Nội dung báo cáo	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	40%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu

Trả lời câu hỏi	CLO9	20%	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi
Tham gia thực hiện	CLO10 CLO11	10%	<40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	~60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	~80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày
Tổng điểm		100%				

Bảng 3: Rubric đánh giá bài thi cuối kỳ (Trắc nghiệm + Tự luận)

Tiêu chí	CĐR	Cấu trúc điểm thành phần	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
				Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
				0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Phần trắc nghiệm:			50%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Kiến thức cơ bản	CLO1	20%					
	CLO2	10%					
	CLO3	20%					
	CLO4	20%					
Kiến thức nâng cao	CLO5	10%					
	CLO6	20%					
Phần tự luận:			50%	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.	
Kiến thức cơ bản	CLO1	30%					
	CLO2	20%					
	CLO3	20%					
Kiến thức nâng cao	CLO4	10%					
	CLO5	10%					
	CLO6	10%					

Bảng 4: Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần:

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu căn kẽ	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	10%	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được	Hiểu khá đầy đủ các thông tin	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết.
CLO2	10%					
CLO3	10%					
CLO4	10%					
CLO5	10%					

CLO6	10%	rời rạc	số ít thông tin được thu nhận	mối liên hệ sơ lược giữa chúng	cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
CLO7	10%					
CLO8	10%					
CLO9	6%					
CLO10	7%					
CLO11	7%					
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Văn hóa doanh nghiệp
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Corporate Culture
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011415
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	150
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	15
- Thực hành:	30
- Tự học:	90
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Quản trị học, British – American culture
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về văn hóa và cách thức xây dựng văn hóa trong tổ chức, người học có được những kỹ năng cần thiết khi hội nhập vào môi trường làm việc của tổ chức; xây dựng và thiết lập các chuẩn mực văn hóa tổ chức trong các hoạt động giao tiếp với xã hội và cộng đồng.

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên được trang bị kiến thức tổng quát về các yếu tố và các phương diện của văn hóa doanh nghiệp, giúp sinh viên lĩnh hội những giá trị,

chuẩn mực hành vi - ứng xử, tác phong làm việc trong doanh nghiệp thông qua các chủ điểm đặc trưng cấu thành văn hóa doanh nghiệp, và các kỹ năng cần thiết để hội nhập vào môi trường làm việc cơ quan, tổ chức.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành nên văn hóa và văn hóa doanh nghiệp như: triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân và văn hoá trong các hoạt động của doanh nghiệp, cách thức và kỹ năng xây dựng và phát triển văn hóa cho doanh nghiệp, giúp sinh viên lĩnh hội những giá trị, những chuẩn mực được thể hiện trong thực tế và trong các hành vi mỗi thành viên doanh nghiệp, cũng như những tác dụng, đặc trưng của văn hóa doanh nghiệp. Qua đó, môn học giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp, hình thành khả năng nhạy bén trong quá trình đón nhận các vấn đề xảy ra trong quá trình làm việc và có khả năng phân tích những rủi ro các tình huống gây trở ngại về văn hóa doanh nghiệp và đề nghị cách giải quyết hợp lý tích cực.

3.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- Hiểu biết cơ sở lý luận, chức năng, vai trò, triết lý, cấu trúc văn hóa trong doanh nghiệp.
- Hiểu biết được các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, phân tích được các chuẩn mực văn hóa doanh nghiệp.
- Đánh giá giá trị của doanh nghiệp thông qua xây dựng và thực thi các chuẩn mực văn hóa.

❖ Về kỹ năng:

- Ứng dụng và phát triển những giá trị văn hóa kết tinh vào hoạt động học tập và hoạt động kinh doanh.
- Phân biệt và giải quyết các khác biệt văn hóa và ứng dụng các kỹ năng để thiết lập mối quan hệ với đồng nghiệp, thực hành văn hóa doanh nghiệp.
- Vận dụng văn hóa doanh nghiệp quản lý tổ chức hiệu quả khi tham gia làm việc tại doanh nghiệp bất kỳ.
- Phát triển các kỹ năng như: phân tích vấn đề & giải quyết tình huống (Case study), kỹ năng làm việc nhóm (teamwork), kỹ năng giao tiếp (communication) và thuyết trình (presentation)

❖ **Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

- Có tinh thần thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động khi làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để tăng thêm tự tin trong giao tiếp.
- Nhận thức rõ ràng về sự cần thiết của học phần này trong việc học tập các học phần tiếng Anh, những môn học khác và trong công việc sau này.
- Có ý thức tự học và rèn luyện thêm các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thường xuyên ngoài giờ học.
- Thích ứng và hội nhập nhanh vào môi trường làm việc của tổ chức.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Hiểu được tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp, các khái niệm, lý thuyết và nhân tố của văn hóa doanh nghiệp
CLO2	Hiểu biết được các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, phân tích được các chuẩn mực văn hóa doanh nghiệp.
CLO3	Phân tích và nhận biết được một doanh nghiệp có văn hóa doanh nghiệp tốt hay chưa tốt.
Về kỹ năng	
CLO4	Phân biệt và giải quyết các khác biệt văn hóa và ứng dụng những kỹ năng để thiết lập mối quan hệ với đồng nghiệp, thực hành văn hóa doanh nghiệp.
CLO5	Thực hành, ứng dụng văn hóa doanh nghiệp cùng với các đồng nghiệp quản lý tổ chức hiệu quả khi tham gia làm việc tại doanh nghiệp nào đó
CLO6	Phát triển các kỹ năng như: phân tích vấn đề & giải quyết tình huống (Case study), kỹ năng làm việc nhóm (teamwork), kỹ năng giao tiếp (communication) và thuyết trình (presentation)
Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
CLO7	Học tập chủ động, trau dồi thêm kiến thức về lĩnh vực văn hóa doanh nghiệp.
CLO8	Tu dưỡng đạo đức, phẩm chất tốt, thực hiện đúng các đạo đức nghề nghiệp.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
---------------------------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

CLO 1	I								
CLO 2	I								
CLO 3	I								
CLO 4					R				
CLO 5					R				
CLO 6					R				
CLO 7								R	
CLO 8								R	
Tổng hợp học phần	I				R			R	

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến: ...	PART 1 Defining Culture Change Leadership Chapter 1: A new metaphor for Culture Change Leadership Chapter 2 : What do we really mean by “ Leading, Culture, and Change”?	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	SV chuẩn bị giáo trình Nghiên cứu trước: Tài liệu “ The Corporate Culture Survival Guide”: nội dung từ trang 3 - 13 Trang 14 - 24
Tuần 2: Từ: Đến: ...	Chapter 2 : What do we really mean by “ Leading, Culture, and Change”? PART 2	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	Nghiên cứu trước: Tài liệu “ The Corporate Culture

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
...	Understanding and Assessing the Structure and Practice of Culture Chapter 3 The structure of culture from the outsider's perspective							Survival Guide": nội dung từ trang 25 - 34 Trang 35 - 48
Tuần 3 Từ: Đến: ...	PART 2 Understanding and Assessing the Structure and Practice of Culture Chapter 3 The structure of culture from the outsider's perspective (cont) Chapter 4: The structure of culture from the insider's perspective	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, dạy học bằng tình huống.	Nghiên cứu trước: Tài liệu " The Corporate Culture Survival Guide": nội dung từ trang 49 - 54 Nghiên cứu trước: Tài liệu " The Corporate Culture Survival Guide": nội

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
								dung từ trang 55-65
Tuần 4 Từ: Đến: ...	PART 2 Understanding and Assessing the Structure and Practice of Culture Chapter 4: The structure of culture from the insider’s perspective (cont) Chapter 5: Culture Assessment and Culture Typologies	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, dạy học bằng tình huống.	Nghiên cứu trước: Tài liệu “ The Corporate Culture Survival Guide”: nội dung từ trang 66-70 Nghiên cứu trước: Tài liệu “ The Corporate Culture Survival Guide”: nội dung từ trang 71 - 80
Tuần 5 Từ: Đến: ...	Chapter 5: Culture Assessment and Culture Typologies (cont) Review PART 2	1	1	3		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	Nghiên cứu trước: Tài liệu “ The Corporate Culture Survival

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
								Guide”: nội dung từ trang 81 - 94
Tuần 6 Từ: Đến ...	PART 3 Culture Change Dynamics Chapter 6: The socio-dynamics of transformational Change	1	2	2		7	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, dạy học bằng tình huống.	Nghiên cứu trước: Tài liệu “ The Corporate Culture Survival Guide”: nội dung từ trang 95 - 122
Tuần 7 Từ: Đến	PART 3 Culture Change Dynamics Chapter 7: Culture Change Dynamics in a Mature Company: Alpha Power	1	2	2		8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, dạy học bằng tình huống.	Nghiên cứu trước: Tài liệu “ The Corporate Culture Survival Guide”: nội dung từ trang 123 - 146
Tuần 8 Từ: Đến	PART 3 Culture Change Dynamics Chapter 8: A story of planned change and some	1	2	2		8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, dạy học bằng tình	Nghiên cứu trước: Tài liệu “ The Corporate Culture Survival

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	unintended cultural consequences: Beta Corporation						huống.	Guide”: nội dung từ trang 147 - 160
Tuần 9 Từ: Đến:	Chapter 8: A story of planned change and some unintended cultural consequences: Beta Corporation (cont) PART 3 Culture Change Dynamics Chapter 9: When cultures Meet: Acquisition, Mergers, Joint Ventures, and Other Multicultural Collaborations	2	1	2		8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, dạy học bằng tình huống.	Nghiên cứu trước: Tài liệu “ The Corporate Culture Survival Guide”: nội dung từ trang 161 - 169 Nghiên cứu trước: Tài liệu “ The Corporate Culture Survival Guide”: nội dung từ trang 170 -182

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 10 Từ: Đến:	PART 3 Culture Change Dynamics Chapter 9: (cont) MIDTERM	2	1	2		8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, dạy học bằng tình huống.	Tài liệu “ The Corporate Culture Survival Guide”: nội dung từ trang 170 -182
Tuần 11 Từ: Đến:	Chapter 10: Culture Change Leadership Summary + Case study for discussion	1	1	3		6	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, .	Nghiên cứu trước: Tài liệu “ The Corporate Culture Survival Guide”: nội dung từ trang 183 - 191
Tuần 12 Từ: Đến:	+ GROUP PRESENTATION + REVIEW THE COURSE	2	1	2		10	Thảo luận nhóm	Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình nhóm
TỔNG		15	15	30		90		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính:

1. Schein, Edgar, H., and Schein, Peter, A. (2019). *The Corporate Culture Survival Guide* 3rd edition. Hoboken, New Jersey: John Wiley & Sons, Inc.

6.2 Tài liệu tham khảo:

1. Hofstede, G., Hofstede, G. J. H., & Minkov, M. (2010). *Cultures and organizations: Software of the mind*. USA: McGraw Hill.
2. Kreitner, R. & Kinicki, A. (2010). *Organizational behavior*. NY: McGraw Hill.

7. PHƯƠNG PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

Điểm toàn kỳ 100% = Quá trình (40%) + Cuối kỳ (60%)

7.1. Đánh giá quá trình: 40%

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CĐR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần Xuyên suốt các buổi học, sinh viên sẽ được đánh giá thông qua việc đến lớp đúng giờ, chuẩn bị bài ở nhà, và tương tác đóng góp bài học trên lớp.	Đánh giá ý thức học tập của sinh viên	CLO7 CLO8	10%
2	Bài tập nhóm + Thuyết trình Mỗi nhóm được phân chia một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học, nhóm sẽ có 20 phút để thuyết trình và 10 phút thảo luận, tương tác phân biện trước lớp học - giảng viên sẽ có điểm đánh giá chung của nhóm và điểm đánh giá từng cá nhân tham gia nhóm. Mỗi nhóm 3 sinh viên. Nhóm phải nộp bài bằng file pdf và trình bày trước lớp bằng file powerpoint.	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của sinh viên các nhóm	CLO1, CLO2, CLO3.	20%
		Đánh giá kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng trình bày trên file power point, kỹ năng vận dụng các công cụ hỗ trợ để chuyển tải những nội dung môn học	CLO4, CLO5,	20%
		Đánh giá được khả năng tương tác trực tiếp giữa sinh viên với sinh viên (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, tổ chức công việc), kỹ năng giao tiếp với đám đông và với giảng viên nhằm củng cố kiến thức, đón nhận những phát hiện mới với	CLO6 CLO7, CLO8	10%

		tinh thần cầu thị		
		Đánh giá được tri thức của sinh viên từ quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn và tổ chức cá nhân được phối hợp		10%
3	Bài thi giữa kỳ Sinh viên làm bài kiểm tra cá nhân tại lớp. Bài thi giữa kỳ 60 phút gồm 50 câu hỏi trắc nghiệm có liên quan đến chủ đề mà sinh viên đã được học trong chương trình. (từ chương 1 đến chương 6)	Đánh giá khả năng ghi nhớ kiến thức và khả năng tổng hợp, vận dụng, lý giải các kiến thức của môn học vào tình huống cụ thể.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	30%
Tổng				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: 60%

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CĐR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Tiểu luận Một bài tập tình huống về chủ đề văn hóa doanh nghiệp sẽ được giao cho sinh viên. Sinh viên sẽ có 72 tiếng và nộp bài qua hệ thống online. Nội dung bài tập tình huống tương ứng với các chủ đề chính trong phạm vi môn học	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hóa và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề cụ thể đặt ra của môn học	CLO1, CLO2, CLO3	30%
	Đánh giá kỹ năng tư duy logic, lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý thuyết với thực tế để diễn giải một vấn đề của môn học	CLO4, CLO5, CLO6	40%
	Đánh giá khả năng trình bày một bài viết bằng văn phong hàn lâm, sáng tạo, vận dụng kiến thức sâu rộng để giải quyết vấn đề.	CLO7, CLO8	30%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

- Không làm việc riêng trong giờ học;
- Nộp bài đúng thời gian quy định;
- Sôi nổi, tích cực phát biểu trong giờ học.

8.3. Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC:

9.1. Rubric đánh giá điểm chuyên cần:

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm			
		Dưới 5	5 - dưới 7	7 - dưới 9	9-10
Tần suất hiện diện của sinh viên	50%	Vắng từ 4 buổi trở lên	Vắng từ 2-3 buổi, có tham gia xây dựng bài trên lớp	Vắng 1 buổi, có tham gia xây dựng bài trên lớp	Đi học đầy đủ, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
Sự tham gia vào quá trình học tập tại giảng đường/ lớp học	50%	Không tham gia hoặc không hoàn thành các nhiệm vụ/ bài tập được giao	Vắng 2-3 buổi hoặc hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ/ bài tập	Vắng 1 buổi, hoàn thành tốt nhiệm vụ/bài tập đúng tiến độ	Tích cực tham gia làm việc nhóm đầy đủ và hoàn thành rất tốt các nhiệm vụ/bài tập

9.2. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm			
		Dưới 5	5 - dưới 7	7 - dưới 9	9-10
Cấu trúc của tiểu luận	10%	Tiểu luận/ bài tập thiếu phần cơ sở lý luận, thiếu tài liệu tham khảo	Tiểu luận thiếu phần tài liệu tham khảo, danh mục / bảng hình	Tiểu luận thiếu mục lục tự động	Tiểu luận/ bài tập nhóm có đầy đủ các phần theo quy định
Giới thiệu vấn đề	10%	Không trình bày được tính cấp thiết/tầm quan trọng của vấn đề	Trình bày được nhưng chưa đủ về tính cấp thiết/ tầm quan trọng của vấn đề	Trình bày được về tính cấp thiết/ tầm quan trọng của vấn đề nhưng chưa thuyết phục người đọc	Phân tích rõ ràng, thuyết phục về tính cấp thiết / tầm quan trọng của vấn đề
Cơ sở lý luận (nền tảng lý thuyết)	20%	Không trình bày được cơ sở lý thuyết có liên quan đến vấn đề cần giải quyết	Có trình bày cơ sở lý thuyết có liên quan đến vấn đề cần giải quyết nhưng chưa đủ sức thuyết phục	Sử dụng đúng cơ sở lý thuyết có liên quan đến vấn đề cần giải quyết; có sức thuyết phục	Sử dụng chính xác, rất thuyết phục về cơ sở lý thuyết có liên quan đến vấn đề cần giải quyết
Tổ chức lập luận để giải quyết vấn đề	20%	Không có logic trong lập luận, thiếu minh chứng	Lập luận và minh chứng có thể chấp nhận được	Lập luận tương đối chặt chẽ, minh chứng thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, minh chứng thuyết phục
Hình thức	10%	Không định dạng theo bất cứ tiêu chí nào	Có lỗi: không định dạng toàn văn bản, không thống nhất font	Có lỗi: thiếu đánh số trang, thiếu bìa; hoặc trình bày chưa	Định dạng đúng tất cả các tiêu chí yêu cầu

			chữ	đúng quy định theo yêu cầu	
Phối hợp thuyết trình	20%	Không thể báo cáo/ thuyết trình tiểu luận/ bài tập nhóm	Báo cáo bài lỗi cuốn, thuyết phục ; tương tác chưa tốt, quản lý thời gian chưa tốt	Báo cáo bài lỗi cuốn, thuyết phục ; tương tác tốt, quản lý thời gian chưa tốt	Báo cáo bài lỗi cuốn, thuyết phục ; tương tác tốt, quản lý thời gian tốt
Trả lời câu hỏi	10%	Không trả lời được các câu hỏi đặt ra	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng 1/2 câu hỏi trở lên, các câu hỏi còn lại chưa có hướng trả lời	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng 1/2 câu hỏi trở lên, các câu hỏi còn lại có hướng trả lời chấp nhận được	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng tất cả các câu hỏi được đặt ra

9.3. Rubrics đánh giá bài kiểm tra cá nhân

9.3.1. Câu hỏi trắc nghiệm (giữa kỳ)

Chương	Mức 1 : Biết		Mức 2 : Hiểu		Mức 3 : Áp dụng		Tổng số lượng	Điểm
	Số lượng	Điểm	Số lượng	Điểm	Số lượng	Điểm		
Chương 1	4	0.2	2	0.2	2	0.2	8	1.6
Chương 2	4	0.2	2	0.2	2	0.2	8	1.6
Chương 3	4	0.2	2	0.2	2	0.2	8	1.6
Chương 4	4	0.2	2	0.2	2	0.2	8	1.6
Chương 5	4	0.2	3	0.2	2	0.2	9	1.8
Chương 6	4	0.2	3	0.2	2	0.2	9	1.8
Tổng số lượng	24		14		12		50	
Tổng điểm	4.8		2.8		2.4		10	10

9.3.2. Bài tập tình huống (cuối kỳ)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm			
		Dưới 5	5 - dưới 7	7 - dưới 9	9-10
Áp dụng cơ sở lý thuyết	30%	Không sử dụng lý thuyết có liên quan, áp dụng sai lý thuyết	Sử dụng lý thuyết có liên quan nhưng chưa đủ và chưa có sức thuyết phục	Sử dụng đúng lý thuyết có liên quan , có sức thuyết phục	Sử dụng lý thuyết chính xác, rất thuyết phục
Lập luận để giải quyết vấn đề trong câu hỏi	50%	Không có logic trong lập luận, thiếu minh chứng; không trả lời được trọng tâm của câu hỏi	Lập luận và minh chứng có thể chấp nhận được; trả lời một phần của câu hỏi	Lập luận tương đối chặt chẽ và minh chứng thuyết phục, trả lời tương đối đầy đủ nội dung câu hỏi	Lập luận chặt chẽ, minh chứng thuyết thuyết, trả lời đầy đủ, rõ ràng nội dung câu hỏi
Văn phong và trình bày	20%	Hành văn tối nghĩa, sai ngữ pháp, chính tả	Hành văn lủng củng nhưng người đọc vẫn có thể hiểu nội dung	Hành văn tốt, đôi khi vẫn còn lỗi diễn đạt nhưng không ảnh hưởng đến nội dung	Hành văn rõ ràng, mạch lạc; không có lỗi sai chính tả, ngữ pháp

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Viết nghiên cứu
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Research writing
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011424
1.6 Số tín chỉ:	2 tín chỉ
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Kiến thức bổ trợ ngành
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	100
• Lý thuyết:	15
• Bài tập, thảo luận:	15
• Thực hành:	0
• Tự học:	70
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tiếng Anh kinh doanh/ Khoa Ngoại Ngữ
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
• Điều kiện tiên quyết:	Không
• Học phần học trước:	Phương pháp nghiên cứu khoa học
• Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về viết nghiên cứu. Cụ thể, học phần nêu những kiến thức cơ bản về nghiên cứu, trình bày các khái niệm và phương pháp, kỹ năng viết diễn giải, tóm tắt, sử dụng trích dẫn và cách vận dụng chúng để viết bài nghiên cứu. Khối kiến thức được trình bày khoa học từ cơ bản đến nâng cao, giúp sinh viên ghi nhớ và vận dụng các kiến thức cơ bản để viết một bài

nghiên cứu đơn giản như các bước đặt tên bài nghiên cứu, mở đầu, cách xây dựng nội dung, cách trích dẫn, triển khai nội dung nghiên cứu, trình bày bài nghiên cứu. Ngoài ra, hệ thống các bài tập giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu các thuật ngữ liên quan đến nghiên cứu, quy trình nghiên cứu bằng tiếng Anh học thuật một cách có hệ thống và mang tính khoa học, ... và vận dụng được kiến thức đã học để khai thác tài liệu, viết tóm tắt, thực hiện nghiên cứu, báo cáo một nghiên cứu. Người học ra trường có thể đảm nhận các vị trí công việc liên quan đến thực hiện nghiên cứu về ngôn ngữ và kinh doanh như nghiên cứu viên trong các trung tâm nghiên cứu văn hóa, ngôn ngữ, nhân viên nghiên cứu thị trường, nhân viên nghiên cứu và phát triển sản phẩm, ...

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

- Giải thích các thuật ngữ liên quan đến nghiên cứu khoa học, quy trình nghiên cứu bằng tiếng Anh học thuật.
- Hiểu và vận dụng kiến thức, ngôn ngữ vào viết diễn giải, tóm tắt, sử dụng trích dẫn bằng tiếng Anh học thuật.
- Liệt kê cách thức để thực hiện một nghiên cứu, xây dựng bài luận, bài báo cáo bằng tiếng Anh học thuật.

Về kỹ năng

- Có kỹ năng tìm kiếm nguồn tài liệu, kỹ năng trích dẫn, đọc tài liệu.
- Có kỹ năng thiết kế, thực hiện, báo cáo một nghiên cứu bằng tiếng Anh học thuật.
- Có kỹ năng tư duy ngôn ngữ, viết tóm tắt hoặc diễn giải một văn bản học thuật.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học đối với sinh viên; có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động nhóm, tập thể và phát huy năng lực bản thân.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc trích dẫn khi sử dụng những văn bản khoa học trong nghiên cứu.
- Phát triển kỹ năng tự học về các lĩnh vực khoa học phổ thông thông qua các chủ đề của môn học, tích cực tham gia các hoạt động thảo luận nhóm và cá nhân để tự mình có thể áp dụng vào các nghiên cứu sau này.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Hiểu các thuật ngữ liên quan đến nghiên cứu khoa học, quy trình nghiên cứu bằng tiếng Anh học thuật
CLO2	Hiểu quy trình viết diễn giải, tóm tắt, sử dụng trích dẫn bằng tiếng Anh học thuật
CLO3	Phân tích các bước thực hiện một nghiên cứu, xây dựng bài luận, bài báo cáo bằng tiếng Anh học thuật
Về kỹ năng	
CLO4	Sử dụng kỹ năng tìm kiếm nguồn tài liệu, kỹ năng trích dẫn, đọc tài liệu
CLO5	Phân tích, thực hiện, báo cáo một nghiên cứu bằng tiếng Anh học thuật
CLO6	Sử dụng kỹ năng tư duy ngôn ngữ, viết tóm tắt hoặc diễn giải một văn bản học thuật
Về mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm	
CLO7	Nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học đối với sinh viên; có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động nhóm, tập thể và phát huy năng lực bản thân
CLO8	Nhận thức được tầm quan trọng của việc trích dẫn khi sử dụng những văn bản khoa học trong nghiên cứu
CLO9	Học tập chủ động, phát triển kỹ năng tự học về các lĩnh vực khoa học phổ thông thông qua các chủ đề của môn học, tích cực tham gia các hoạt động thảo luận nhóm và cá nhân để tự mình có thể áp dụng vào các nghiên cứu sau này

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				M						
CLO2				M						
CLO3				R						
CLO4					M					

CLO5					M					
CLO6					R					
CLO7										M
CLO8										M
CLO9										R
Tổng hợp học phần				M	M					M

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: Từ: Đến...	Chương 1 & 2: How to define your project & How to decide upon a methodology	2	2			10	- Thuyết giảng - Thảo luận / thảo luận theo nhóm.	- Sinh viên đọc tài liệu (1) chương 1 & 2

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	- Asking questions - The five “Ws” - Understanding the difference between qualitative and quantitative research - Further reading							
Tuần 2: Từ: Đến...	Chương 3: How to choose your research methods	2	2			10	- Thuyết giảng - Thảo luận / thảo luận theo nhóm.	- Sinh viên đọc tài liệu (1) chương 3
	- Interviewing - Focus groups - Questionnaires - Participant observation - Choosing your methods - Summary - Further reading							
Tuần 3: Từ: Đến...	Chương 4: How to conduct background research	2	2			10	- Thuyết giảng - Thảo luận / thảo luận theo nhóm.	- Sinh viên đọc tài liệu (1) chương 4
	- Primary research and secondary research - Summary - Further reading							
Tuần	Chương 6 &	2	2			10	- Thuyết	- Sinh viên

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	- Review and midterm test 2 (group work)							
TỔNG		15	15			70		

6. HỌC LIỆU

6.1 Tài liệu chính:

1. Dawson, C. (2002). *Practical research methods*. How to books.
2. Oshima, A. & Hogue, A. (2006). *Writing academic English* (4th ed.). Pearson Education.

6.2 Tài liệu tham khảo:

1. Bailey, S. (2015). *Academic writing: A handbook for international students* (4th ed.). Routledge.
2. Bowden, J. (2007). *How to write a report*. How to books.
3. Bowker, N. (2007). *Academic writing: A guide to tertiary level writing*. Massey University.
4. Kumar, R. (2011). *Research methodology: A step-by-step guide for beginners* (3rd ed.). SAGE.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần Sinh viên được điểm	- Đánh giá mức độ chuyên	CLO7	5%

	danh bất kỳ khi Giảng viên đưa ra câu hỏi hoặc làm các bài kiểm tra nhỏ điểm danh bất kỳ thời điểm nào trong giờ học.	cần của sinh viên, mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong mỗi buổi học - Đánh giá thái độ chủ động tích cực trong các hoạt động học tập	CLO9	5%
2	Bài kiểm tra giữa kỳ số 1: Bài tập cá nhân Sinh viên được cho một bài báo hoặc bài báo cáo ngắn, sinh viên viết tóm tắt, diễn giải ý chính, có sử dụng trích dẫn. Thời gian: 75 phút	- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, ngôn ngữ vào viết diễn giải, tóm tắt, sử dụng trích dẫn bằng tiếng Anh học thuật	CLO2	10%
		- Đánh giá kỹ năng trích dẫn, đọc tài liệu	CLO4	10%
		- Đánh giá kỹ năng tư duy ngôn ngữ, viết tóm tắt hoặc diễn giải một văn bản học thuật	CLO6	15%
		- Đánh giá kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng quản lý thời gian	CLO7	5%
3	Bài kiểm tra giữa kỳ số 2: Bài tập nhóm Mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên và tối thiểu 3 sinh viên, được phân chia trước một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học. Nhóm thảo luận đề lập đề cương sơ bộ một bài nghiên cứu với đầy đủ các yếu tố: - Loại hình nghiên cứu - Phương pháp nghiên cứu - Hướng triển khai thu thập dữ liệu - Phương pháp xử lý dữ liệu - Đề xuất tài liệu tham khảo Nhóm nộp đề cương và thuyết trình báo cáo trước lớp. GV cho điểm đánh giá chung	- Đánh giá sự am hiểu của sinh viên về thuật ngữ liên quan đến nghiên cứu khoa học, quy trình nghiên cứu bằng tiếng Anh học thuật	CLO1	10%
		- Đánh giá khả năng thực hiện một nghiên cứu, xây dựng bài luận, bài báo cáo bằng tiếng Anh học thuật	CLO3	10%
		- Đánh giá kỹ năng phác thảo cấu trúc bài nghiên cứu	CLO5	10%
		- Đánh giá kỹ năng trích dẫn khi sử dụng những văn bản khoa học trong nghiên cứu	CLO8	10%
		- Đánh giá kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng quản lý lãnh đạo, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp với đám đông và kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề	CLO9	10%

	của nhóm.			
TỔNG				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN Thời gian: 75 phút Viết 01 bài luận diễn giải và tóm tắt từ 01 bài báo hoặc bài báo cáo ngắn cho sẵn	- Đánh giá về kiến thức: Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, ngôn ngữ vào viết diễn giải, tóm tắt, sử dụng trích dẫn bằng tiếng Anh học thuật	CLO2	30%
	- Đánh giá về kỹ năng: + Đánh giá kỹ năng trích dẫn, đọc tài liệu	CLO4	20%
	+ Đánh giá kỹ năng tư duy ngôn ngữ, viết tóm tắt hoặc diễn giải một văn bản học thuật	CLO6	30%
	- Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Đánh giá kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng quản lý thời gian, có khả năng nghiên cứu trong công việc sau này	CLO7	20%
TỔNG			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Không làm việc riêng trong giờ học

- Nộp bài đúng thời gian quy định
- Sôi nổi, tích cực phát biểu trong giờ học

8.3 Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

9. HOLISTIC RUBRIC

Bảng 1: Bảng Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức độ tham dự lớp học theo thời khóa biểu	CLO7	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên
Mức độ tự chủ tham gia các hoạt động học tập trên lớp	CLO9	50%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các tình huống về nội dung bài học	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các tình huống về nội dung bài học	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các tình huống về nội dung bài học	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung bài học

Bảng 2: Bảng Rubric đánh giá Bài kiểm tra giữa kỳ số 1: Bài tập cá nhân

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, ngôn ngữ vào viết diễn giải, tóm tắt, sử dụng trích dẫn bằng tiếng Anh học thuật	CLO2	25%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung	Đáp ứng từ 70% đến dưới 85% yêu cầu về nội dung	Đáp ứng từ 85% đến 100% yêu cầu về nội dung
Đánh giá kỹ	CLO4	25%	Đa số trích	Các trích dẫn	Đa dạng các	Linh hoạt

năng trích dẫn, đọc tài liệu			dẫn là trích dẫn trực tiếp, trích dẫn nguồn chưa đúng theo cấu trúc quy định	gián tiếp có nhưng chưa đa dạng, trích dẫn nguồn theo quy định, còn hạn chế trong viết tóm tắt/ diễn giải	phương pháp trích dẫn, khả năng viết tóm tắt/ diễn giải ở mức tốt	trong trích dẫn, làm chủ khả năng viết tóm tắt/ diễn giải
Đánh giá kỹ năng tư duy ngôn ngữ, viết tóm tắt hoặc diễn giải một văn bản học thuật	CLO6	37.5%	Các luận điểm rời rạc, không có sự liên kết	Bài viết có sự liên kết các luận điểm	Bài viết có sự liên kết chặt chẽ các luận điểm	Bài viết sử dụng đa dạng các liên từ nối, từ chuyển tiếp, các nội dung được gắn kết chặt chẽ
Đánh giá kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng quản lý thời gian	CLO7	12.5%	Bài viết không hoặc chưa hoàn thiện trong khoảng thời gian quy định	Bài viết đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về số lượng các thông tin cần tóm tắt và diễn giải	Bài viết đáp ứng từ 70% đến dưới 85% yêu cầu về số lượng các thông tin cần tóm tắt và diễn giải	Bài viết đáp ứng từ 85% đến 100% yêu cầu về số lượng các thông tin cần tóm tắt và diễn giải

Bảng 3: Bảng Rubric đánh giá Bài kiểm tra giữa kỳ số 2: Bài tập nhóm

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Đánh giá sự am hiểu của sinh viên về thuật ngữ liên quan đến nghiên cứu khoa học, quy trình nghiên cứu bằng tiếng Anh học thuật	CLO1	20%	Lạc đề hoặc đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung	Đáp ứng từ 70% đến dưới 85% yêu cầu về nội dung	Đáp ứng từ 85% đến 100% yêu cầu về nội dung
Đánh giá khả năng thực hiện một nghiên cứu,	CLO3	20%	Lạc đề hoặc đáp ứng dưới 50% yêu	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung	Đáp ứng từ 70% đến dưới 85% yêu cầu về nội dung	Đáp ứng từ 85% đến 100% yêu cầu về nội

xây dựng bài luận, bài báo cáo bằng tiếng Anh học thuật			câu về nội dung			dung
Đánh giá kỹ năng phân tích thảo luận cấu trúc bài nghiên cứu	CLO5	20%	Bài nghiên cứu không tuân theo hoặc có cấu trúc hoặc chưa rõ ràng	Bài nghiên cứu có đủ các thành phần cần thiết	Bài nghiên cứu có đủ các thành phần cần thiết và có một số thông tin chính ở mỗi phần	Bài nghiên cứu có đủ các thành phần cần thiết, mỗi phần được miêu tả cụ thể về hướng phát triển, xây dựng nội dung
Đánh giá kỹ năng trích dẫn khi sử dụng những văn bản khoa học trong nghiên cứu	CLO8	20%	Không có hoặc trích dẫn các nguồn tài liệu tham khảo thiếu chính xác	Trích dẫn tài liệu tham khảo còn thiếu và có một số lỗi sai	Trích dẫn tài liệu tham khảo còn một vài lỗi sai không đáng kể	Trích dẫn tài liệu tham khảo đủ và đúng
Đánh giá kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng quản lý lãnh đạo, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp với đám đông và kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề.	CLO9	20%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe; trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin; trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc; trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe; trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra

Bảng 4: Bảng Rubric đánh giá Bài thi kết thúc học phần

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Đánh giá khá	CLO2	30%	Đáp ứng	Đáp ứng từ	Đáp ứng từ 70%	Đáp ứng từ

năng vận dụng kiến thức, ngôn ngữ vào viết diễn giải, tóm tắt, sử dụng trích dẫn bằng tiếng Anh học thuật			dưới 50% yêu cầu về nội dung	50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung	đến dưới 85% yêu cầu về nội dung	85% đến 100% yêu cầu về nội dung
Đánh giá kỹ năng trích dẫn, đọc tài liệu	CLO4	20%	Đa số trích dẫn là trích dẫn trực tiếp, trích dẫn nguồn chưa đúng theo cấu trúc quy định	Các trích dẫn gián tiếp có nhưng chưa đa dạng, trích dẫn nguồn theo quy định, còn hạn chế trong viết tóm tắt/ diễn giải	Đa dạng các phương pháp trích dẫn, khả năng viết tóm tắt/ diễn giải ở mức tốt	Linh hoạt trong trích dẫn, làm chủ khả năng viết tóm tắt/ diễn giải
Đánh giá kỹ năng tư duy ngôn ngữ, viết tóm tắt hoặc diễn giải một văn bản học thuật	CLO6	30%	Các luận điểm rời rạc, không có sự liên kết	Bài viết có sự liên kết các luận điểm	Bài viết có sự liên kết chặt chẽ các luận điểm	Bài viết sử dụng đa dạng các liên từ nối, từ chuyển tiếp, các nội dung được gắn kết chặt chẽ
Đánh giá kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng quản lý thời gian	CLO7	20%	Bài viết không hoặc chưa hoàn thiện trong khoảng thời gian quy định	Bài viết đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về số lượng các thông tin cần tóm tắt và diễn giải	Bài viết đáp ứng từ 70% đến dưới 85% yêu cầu về số lượng các thông tin cần tóm tắt và diễn giải	Bài viết đáp ứng từ 85% đến 100% yêu cầu về số lượng các thông tin cần tóm tắt và diễn giải

Bảng 5: Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu căn k	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	4%	Mới thu nhận được một số ít	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết.
CLO2	22%					

CLO3	4%	thông tin mang tính rời rạc	số ít thông tin được thu nhận	lược giữa chúng	và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
CLO4	16%					
CLO5	4%					
CLO6	24%					
CLO7	16%					
CLO8	4%					
CLO9	6%					
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Châu Ngân TS. Nguyễn Thị Châu Ngân

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga